BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

11



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN MINH ĐOAN – TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HỒI – NGUYỄN THỊ THU TRÀ

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT



(Tái bản lần thứ ba)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi hoạt động trong sách *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11* đều được chỉ dẫn bằng một kí hiệu. Thầy cô sẽ hướng dẫn các em học theo những chỉ dẫn này. Các em cũng có thể theo các kí hiệu chỉ dẫn để tự học.

MỞ ĐẦU

Giới thiệu nội dung, kết nối để dẫn vào bài mới.

KHÁM PHÁ

Hình thành kiến thức mới, kĩ năng mới nhằm trả lời câu hỏi: Là gì? Biểu hiện như thế nào? Làm thế nào? Ý nghĩa?

LUYỆN TẬP

Củng cố tri thức, kĩ năng đã được khám phá.

VẬN DỤNG

Vận dụng những tri thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.


CHỦ ĐỀ 1

CẠNH TRANH, CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Bài 1: CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

MỞ ĐẦU

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm cạnh tranh

LUYỆN TẬP

VẬN DỤNG

15

Để bài học giáo dục kinh tế và pháp luật thực sự có ích, các em hãy thường xuyên vận dụng những điều đã học vào cuộc sống hằng ngày.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Lời nói đầu

Các em học sinh yêu quý!

Trong các môn học và hoạt động giáo dục, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành ý thức và hành vi của người công dân, góp phần bồi dưỡng cho các em những phẩm chất chủ yếu, năng lực cốt lõi, đặc biệt là nhận thức, tình cảm, niềm tin, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật; có kĩ năng sống, bản lĩnh để học tập, làm việc, sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Ở cấp Trung học phổ thông, môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của các em.

Sách giáo khoa *Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11* được biên soạn phù hợp với phương pháp giáo dục, dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, gồm 9 chủ đề với 2 mạch nội dung:

- *Giáo dục kinh tế:* Bài học về cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường; Lạm phát, thất nghiệp; Thị trường lao động, việc làm; Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh; Đạo đức kinh doanh; Văn hoá tiêu dùng.
- *Giáo dục pháp luật:* Bài học về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật; Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân; Một số quyền tự do cơ bản của công dân.

Nội dung các bài học trong sách là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau Trung học phổ thông, được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kĩ năng sống, giúp các em có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân.

Cuốn sách sẽ là người bạn tin cậy, đồng hành cùng các em trong việc phát triển những phẩm chất, năng lực của người công dân chân chính.

Chúc các em có những giờ học vui và bổ ích!

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN MỘT: GIÁO DỤC KINH TẾ 5

CHỦ ĐỀ 1: CẠNH TRANH, CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 6

Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường 6

Bài 2: Cung – cầu trong nền kinh tế thị trường 11

CHỦ ĐỀ 2: LẠM PHÁT, THẤT NGHIỆP 16

Bài 3: Lạm phát 16

Bài 4: Thất nghiệp 22

CHỦ ĐỀ 3: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM 29

Bài 5: Thị trường lao động và việc làm 29

CHỦ ĐỀ 4: Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH 36

Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh 36

CHỦ ĐỀ 5: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH 41

Bài 7: Đạo đức kinh doanh 41

CHỦ ĐỀ 6: VĂN HOÁ TIÊU DÙNG 45

Bài 8: Văn hoá tiêu dùng 45

PHẦN HAI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT 53

CHỦ ĐỀ 7: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT 54

Bài 9: Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật 54

Bài 10: Bình đẳng giới trong các lĩnh vực 60

Bài 11: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc 68

Bài 12: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo 75

CHỦ ĐỀ 8: MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN 81

Bài 13: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội 81

Bài 14: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử 86

Bài 15: Quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo 94

Bài 16: Quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc 102

CHỦ ĐỀ 9: MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN 108

Bài 17: Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân 108

Bài 18: Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân 117

Bài 19: Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân 122

Bài 20: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin 128

Bài 21: Quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo 136

Một số thuật ngữ dùng trong sách 143

Danh sách tranh ảnh sử dụng 147

Phần một

GIÁO DỤC KINH TẾ



CHỦ ĐỀ 1

CẠNH TRANH, CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Bài 1: CẠNH TRANH TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được khái niệm cạnh tranh.*
- *Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.*
- *Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.*
- *Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.*

MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, các chủ thể kinh tế được tự do sản xuất kinh doanh, mua bán hàng hoá trên thị trường nên phải cạnh tranh với nhau để tồn tại và phát triển. Những nỗ lực trong cạnh tranh tạo động lực phát triển cho doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế. Hiểu rõ về cạnh tranh giúp chúng ta tham gia các hoạt động kinh tế tích cực, lành mạnh, góp phần xây dựng xã hội văn minh, giàu đẹp.

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Chị A mở cửa hàng kinh doanh tạp hoá ở phố H được ba năm. Mới đây, trên phố xuất hiện thêm một siêu thị và hai cửa hàng tạp hoá khác.

Theo em, chị A và các chủ cửa hàng tạp hoá khác phải làm thế nào để thu hút khách hàng, đảm bảo việc kinh doanh?

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm cạnh tranh

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Phố B nổi tiếng đông vui, sầm uất bởi nhiều nhà hàng có các món ăn ngon. Nơi đây thường xuyên diễn ra cuộc tranh đua quyết liệt trong việc thu hút thực khách

giữa các nhà hàng. Các nhà hàng tìm cách tạo ra ưu thế với những món ăn có hương vị đặc biệt, hấp dẫn, giá cả hợp lí,... Để có những ưu thế đó, các nhà hàng phải giành giật những điều kiện thuận lợi như: thuê được đầu bếp giỏi, có được nguồn cung cấp nguyên liệu ngon, tìm được những gia vị độc đáo,...

?

1/ Theo em, các nhà hàng kinh doanh ẩm thực trên phố B đã sử dụng những cách thức gì để tranh đua thu hút khách hàng? Điều đó mang lại lợi ích gì cho các nhà hàng?

2/ Em hãy nêu ví dụ về sự tranh đua giữa các chủ thể cùng kinh doanh mặt hàng khác trên thị trường.

Cạnh tranh kinh tế là sự tranh đua giữa các chủ thể kinh tế nhằm có được những ưu thế trong sản xuất, tiêu thụ hàng hoá, qua đó thu được lợi ích tối đa.

2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Công ty H chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm áo sơ mi nữ. Hai tháng gần đây, trên thị trường xuất hiện nhiều sản phẩm mới của các công ty, tập đoàn may mặc có thương hiệu trong và ngoài nước với kiểu dáng, mẫu mã đa dạng, chất liệu vải đẹp, giá cũng hấp dẫn hơn khiến doanh thu bán hàng của Công ty H sụt giảm. Ban Giám đốc công ty phải nhanh chóng đưa ra các giải pháp: tìm kiếm thêm nguồn vải có hoạ tiết, chất liệu đặc biệt hơn, ứng dụng công nghệ mới trong việc hoàn thiện sản phẩm, đưa ra mức lương hấp dẫn tuyển dụng được nhà thiết kế có tay nghề cao,... để nhanh chóng tạo ra sản phẩm mới, thu hút khách hàng, chiếm lĩnh lại thị trường, ổn định tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

?

1/ Em có nhận xét gì về quyền kinh doanh và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp may mặc trong trường hợp trên?

2/ Em hãy nêu những lí do dẫn đến cạnh tranh trong kinh tế.

Cạnh tranh thường xuyên diễn ra do:

– Sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do trong sản xuất, kinh doanh, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau nên phải cạnh tranh, tìm cho mình lợi thế để có chỗ đứng trên thị trường.

– Trong cạnh tranh, các chủ thể kinh doanh buộc phải sử dụng các nguồn lực của mình một cách hiệu quả nhất. Mỗi chủ thể có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra năng suất và chất lượng sản phẩm khác nhau, dẫn đến sự cạnh tranh về giá cả và chất lượng sản phẩm.

Để giành lấy các điều kiện thuận lợi, tránh các rủi ro, bất lợi trong sản xuất, trao đổi hàng hoá thì cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế là điều tất yếu.

3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

Em hãy đọc trường hợp ở mục 2 và thông tin dưới đây để trả lời câu hỏi:

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, để phát huy được lợi thế cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam tập trung vào một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực. Trước hết, tập trung vào những ngành có lợi thế sẵn có về tài nguyên, chi phí lao động rẻ, hàm lượng lao động cao, như nông sản, khoáng sản, dệt may, giày dép, chế biến sản phẩm gỗ, thủ công mĩ nghệ,... Đây chính là giai đoạn tích luỹ vốn để chuẩn bị cho việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng xuất khẩu trong các giai đoạn tiếp sau. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc nhằm chuyển dần cơ cấu xuất khẩu từ những ngành sử dụng nhiều lao động rẻ, tài nguyên sẵn có, sang những ngành công nghiệp chế biến có trình độ công nghệ khá, sử dụng nhiều lao động, như chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến thuỷ sản, lâm sản. Từng bước chuyển nhanh sang những ngành sử dụng lao động trình độ cao và công nghệ tiên tiến, nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho các ngành hàng xuất khẩu như: đồ điện gia dụng, lắp ráp điện tử, công nghệ thông tin, chế tạo máy móc, cơ khí,...

(Doãn Công Khánh, *Nâng cao năng lực cạnh tranh cho các mặt hàng xuất khẩu chủ lực: thực tiễn và giải pháp*, Tạp chí Cộng sản, ngày 31 – 12 – 2019)

1/ Cạnh tranh đã thúc đẩy Công ty H phải làm gì để tồn tại và phát triển?

2/ Để cạnh tranh thành công, các nguồn lực của nền kinh tế và doanh nghiệp H được phân bổ như thế nào?

3/ Cạnh tranh đã giúp cho nhu cầu của khách hàng được thoả mãn như thế nào?

Cạnh tranh có vai trò tạo động lực cho sự phát triển: Tạo môi trường để các chủ thể kinh tế luôn cạnh tranh với nhau, không ngừng ứng dụng kĩ thuật công nghệ, nâng cao trình độ người lao động, phân bổ linh hoạt các nguồn lực, hướng tới những điều kiện sản xuất tốt nhất nhằm thu được lợi nhuận cao nhất, nhờ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, không ngừng hoàn thiện nền kinh tế thị trường, thúc đẩy năng lực thoả mãn nhu cầu của xã hội.

4. Cạnh tranh không lành mạnh

Em hãy đọc trường hợp sau và hộp thông tin để trả lời câu hỏi:

Công ty X mới thành lập, chuyên sản xuất đệm cao su nên sản phẩm của công ty chưa được nhiều người biết đến. Công ty mở kênh giới thiệu và quảng bá sản phẩm với khách hàng trên mạng xã hội, trong đó luôn đề cao sản phẩm đệm cao su của mình và so sánh, đánh giá thấp những sản phẩm đệm của các doanh nghiệp khác nhưng không có căn cứ rõ ràng như: đệm lò xo dễ bị gãy, đệm mút xốp nhẹ không có độ đàn hồi, mau bị xẹp, chóng hỏng,...

EM CÓ BIẾT?

Khoản 6 Điều 3 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định: Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của doanh nghiệp trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực khác trong kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác.

?

Em hãy nhận xét hành vi cạnh tranh của Công ty X và cho biết hành vi đó có ảnh hưởng gì đến các doanh nghiệp sản xuất đệm lò xo, đệm mút, người tiêu dùng và xã hội? Theo em, cần làm gì để hạn chế, ngăn chặn những hành vi cạnh tranh không lành mạnh?

Cạnh tranh không lành mạnh là những hành vi trái với quy định của pháp luật, các nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại, các chuẩn mực khác trong kinh doanh như: chỉ dẫn gây nhầm lẫn, gièm pha, gây rối loạn doanh nghiệp khác, xâm phạm bí mật kinh doanh,... có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng, tổn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến đời sống xã hội.

Do đó, những hành vi cạnh tranh không lành mạnh cần bị phê phán, lên án và ngăn chặn.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Cạnh tranh chỉ diễn ra giữa những người cùng bán một loại hàng hoá nào đó.

b. Muốn cạnh tranh thành công, điều quan trọng là phải làm cho đối thủ của mình suy yếu.

c. Cạnh tranh chỉ diễn ra ở nơi có kinh tế thị trường phát triển.

d. Muốn cạnh tranh lành mạnh, cần phải tôn trọng đối thủ.

2. Em hãy nhận xét hành vi cạnh tranh của các doanh nghiệp trong những trường hợp sau:

a. Khi quảng cáo sản phẩm, doanh nghiệp A luôn đưa ra thông tin khuếch đại ưu điểm sản phẩm của mình so với các sản phẩm cùng loại của doanh nghiệp khác đang bán trên thị trường.

b. Do có tiềm năng về tài chính, doanh nghiệp Z quyết định bán sản phẩm của mình với giá thấp hơn nhiều so với giá thị trường để loại bỏ các đối thủ cạnh tranh.

c. Doanh nghiệp D tìm mọi cách để mua được thông tin chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp Y – đối thủ cạnh tranh trực tiếp.

d. Công ty K luôn quan tâm đến việc tạo sự thân thiện, tin tưởng của khách hàng thông qua việc cung cấp sản phẩm có chất lượng cao kết hợp với quan tâm, chăm sóc, ưu đãi khách hàng.

3. Em hãy cho biết cạnh tranh có vai trò như thế nào trong các trường hợp sau đây:

a. Tổng công ty May G đầu tư mua sắm các thiết bị kĩ thuật may tiên tiến nhất để cạnh tranh với các thương hiệu may nổi tiếng trên thế giới.

b. Tập đoàn X đưa ra thị trường sản phẩm điện thoại mới có tính năng nổi trội so với các sản phẩm cạnh tranh đang bán trên thị trường.

4. Giải đáp thắc mắc

a. Chị Y là công nhân làm việc tại Công ty N. Công ty luôn đưa ra cơ chế khuyến khích các nhân viên cạnh tranh với nhau trong công việc như: thưởng theo số lượng và chất lượng sản phẩm của mỗi công nhân trong các xưởng sản xuất hay thưởng theo doanh số bán hàng của nhân viên ở phòng kinh doanh. Chị Y thấy băn khoăn vì cho rằng điều này dễ gây ra những hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, ảnh hưởng xấu đến hoạt động của doanh nghiệp.

Em hãy giải đáp băn khoăn của chị Y.

b. Từ khi lên làm trưởng phòng tổ chức ở Công ty M, ông H đã nghiên cứu chính sách đãi ngộ nhân viên của các doanh nghiệp là đối thủ cạnh tranh với công ty để đề xuất mức lương, thưởng cao hơn hẳn cho những nhân viên có nhiều đóng góp cho Công ty M.

Theo em, vì sao Công ty M cần có mức lương, thưởng cho các nhân viên có nhiều đóng góp cho công ty cao hơn so với các doanh nghiệp đối thủ cạnh tranh?

VẬN DỤNG

Em hãy viết một kịch bản và cùng các bạn đóng vai phê phán một hành vi cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường. Em rút ra bài học gì từ hành vi cạnh tranh này?

Bài 2: CUNG – CẦU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được khái niệm cung, cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cung, cầu.*
- *Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế thị trường.*
- *Phân tích được quan hệ cung – cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.*

MỞ ĐẦU

Trên thị trường có nhiều chủ thể cùng sản xuất kinh doanh, mua bán nên lượng hàng hoá cung ứng ra thị trường không phải lúc nào cũng cân đối với nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng. Điều này dẫn đến sự biến động lên xuống của giá cả hàng hoá trên thị trường, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế – xã hội. Hiểu rõ về mối quan hệ cung – cầu giúp chúng ta vận dụng để đưa ra quyết định sản xuất, mua bán hàng hoá kịp thời, hiệu quả khi tham gia vào nền kinh tế thị trường.

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Hằng năm, gần đến ngày đón Tết cổ truyền, các khu chợ, trung tâm mua sắm khác hẳn ngày thường, hàng hoá tràn ngập với nhiều chủng loại, mẫu mã đẹp mắt bày bán. Sau Tết, hàng hoá ít hơn.

Em có nhận xét gì về lượng hàng hoá được cung ứng trên thị trường những ngày gần sát và sau tết Nguyên đán? Hãy giải thích vì sao có hiện tượng đó.

KHÁM PHÁ

1. Cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung

Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bác B là chủ một cơ sở sản xuất bánh trung thu có tiếng ở phố H cho biết, thường đến dịp Trung thu, trung bình mỗi ngày cửa hàng cung ứng khoảng 1 000 chiếc bánh cho thị trường. Năm nay, lượng bánh làm ra ít hơn do giá nhân công, nguyên liệu đầu vào, phí vận chuyển tăng khiến giá bánh tăng trong khi trên thị trường mới xuất hiện những loại bánh trung thu ngoại không rõ nguồn gốc xuất xứ có giá rất rẻ.

Lo ngại sau ngày rằm tháng Tám, bánh trung thu khó tiêu thụ, cửa hàng phải tính toán sản lượng bánh làm ra cho phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường.

② Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam dần phục hồi sau dịch COVID-19, các nhà hàng, quán ăn, khu du lịch hoạt động trở lại,... khiến cho nhu cầu về thịt lợn tăng cao trong khi nguồn cung về thịt lợn tuy đã phục hồi nhưng chưa thực sự đáp ứng đủ. Những tháng cuối năm, giá thịt lợn cao cùng với chính sách cắt giảm lượng thịt lợn nhập khẩu, tạo động lực để người chăn nuôi tái đàn hứa hẹn mức cung về thịt lợn trên thị trường sẽ tiếp tục tăng.

?

1/ Em có nhận xét gì về việc cung ứng bánh trung thu của cơ sở bánh nhà bác B?

2/ Em hãy chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến lượng cung bánh cho thị trường của cửa hàng nhà bác B và lượng cung thịt lợn cho thị trường ở nước ta năm 2022.

3/ Em hãy kể thêm những nhân tố khác ảnh hưởng đến cung.

– Cung là số lượng hàng hoá, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định trong khoảng thời gian nhất định.

– Lượng cung chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: giá cả các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hoá, dịch vụ, kì vọng của chủ thể sản xuất kinh doanh, giá bán sản phẩm, số lượng chủ thể tham gia cung ứng,...

2. Cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

① Nhu cầu về bánh trung thu của khách hàng ngày càng đa dạng. Bên cạnh những loại bánh nhân thập cẩm truyền thống, khách hàng còn thích những loại có nhân đậu xanh, khoai lang, khoai môn, hạt sen, sữa dừa,... Người tiêu dùng mua bánh không chỉ để bày cỗ trông trăng mà còn dùng làm quà biếu, tặng nên rất chú trọng hình thức hộp bánh,... Do ảnh hưởng của dịch bệnh, thu nhập chưa ổn định trong khi giá bánh tăng nên ảnh hưởng đến lượng bánh được tiêu thụ. Với hi vọng đến ngày rằm tháng Tám, các cửa hàng sẽ giảm giá để bán hết sản phẩm nên một số người để sát đến ngày đó mới mua bánh.

② Thịt lợn là món ăn ưa thích của nhiều người. Do thu nhập còn hạn chế nên vào thời điểm giá thịt lợn quá cao, người tiêu dùng có xu hướng chuyển sang các loại sản phẩm khác thay thế có giá cả ổn định hơn như: cá, thịt gà, trứng,...

1/ Qua thông tin 1, em có nhận xét gì về lượng bánh trung thu mà người tiêu dùng có nhu cầu mua?

2/ Em hãy chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu mua bánh trung thu và nhu cầu mua thịt lợn của người tiêu dùng.

3/ Hãy kể thêm những nhân tố khác ảnh hưởng đến cầu hàng hoá trên thị trường.

- Cầu là lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định.
- Lượng cầu chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố: giá cả hàng hoá, dịch vụ; thu nhập, thị hiếu, sở thích của người tiêu dùng; giá cả những hàng hoá, dịch vụ thay thế; kì vọng, dự đoán của người tiêu dùng về hàng hoá, dịch vụ;...

3. Mối quan hệ cung – cầu và vai trò của quan hệ cung – cầu

a) Mối quan hệ cung – cầu

Em hãy đọc tiếp trường hợp kinh doanh của tiệm bánh nhà bác B và thông tin sau để trả lời câu hỏi:

1. Bác B cho biết, nhu cầu, thị hiếu, sở thích, thu nhập của khách hàng là căn cứ để cửa hàng ra quyết định nên sản xuất loại bánh nào, số lượng bao nhiêu,... Việc cửa hàng cung ứng đầy đủ lượng bánh cũng như nhiều loại bánh có hương vị, mẫu mã phù hợp với nhu cầu, sở thích hiện tại của khách hàng khiến họ ưa thích hơn, mua nhiều hơn. Năm nay, cửa hàng còn làm ra mẫu bánh mới kiểu 3D trang trí trên mặt bánh những bông hoa, bức tranh nổi, tranh dân gian, bên cạnh đó còn tổ chức bán hàng qua mạng,... nên số lượng bánh cửa hàng bán ra đã tăng lên.
2. Năm 2019, do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi, hàng triệu con lợn bị tiêu huỷ khiến nguồn cung thịt lợn giảm mạnh, không đáp ứng được nhu cầu thịt lợn của thị trường, giá thịt lợn tăng cao trên cả nước. Để tăng nhanh nguồn cung đáp ứng nhu cầu, bình ổn giá thịt lợn hơi trên thị trường, Chính phủ đã dùng nhiều biện pháp để thúc đẩy việc phát triển sản xuất, chăn nuôi, tái đàn,....

Em hãy cho biết trên thị trường bánh trung thu và thị trường thịt lợn, cung và cầu tác động đến nhau như thế nào.

Cung – cầu có mối quan hệ chặt chẽ, tác động, quy định lẫn nhau:

Cầu xác định khối lượng, cơ cấu của cung, ví như "đơn đặt hàng" của thị trường cho các nhà sản xuất, cung ứng. Cung tác động đến cầu, kích thích cầu. Những hàng hoá, dịch vụ được cung ứng phù hợp với nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng sẽ được ưa thích khiến cho cầu về chúng tăng lên.

b) Vai trò của quan hệ cung – cầu

Em hãy đọc tiếp trường hợp kinh doanh của tiệm bánh nhà bác B và thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bác B tâm sự: Không phải lúc nào lượng cung bánh cũng vừa đủ với lượng cầu và giá bán sản phẩm luôn cố định. Khi lượng bánh cung ứng vừa đủ lượng cầu thị trường, sẽ bán được vừa hết sản phẩm nên người sản xuất sẽ duy trì mức sản lượng ổn định đó và duy trì giá bán trung bình.

Có lúc, lượng cầu về bánh trên thị trường tăng cao, cung không đủ cầu, giá bán có thể tăng khiến người sản xuất đẩy mạnh sản xuất, cung nhiều hơn để thu được lợi nhuận nhiều hơn, còn người tiêu dùng có thể hạn chế bớt nhu cầu mua bánh. Nhưng cũng có lúc, cầu về bánh sụt giảm, cung lớn hơn cầu, bánh làm ra dư thừa khiến người sản xuất có thể phải hạ giá để bán hết sản phẩm, còn người tiêu dùng có thể mua thêm.

❷ Hằng năm, cứ vào dịp tết Nguyên đán, nhu cầu mua sắm hàng hoá tăng cao khiến các doanh nghiệp, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị và các cơ sở sản xuất kinh doanh đều chủ động chuẩn bị nguồn hàng dồi dào, mẫu mã phong phú, chủng loại đa dạng, hàng hoá được lưu thông trên cả nước, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết của người dân nên giá cả hàng hoá không có biến động lớn.

?

1/ Theo em, quan hệ cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường như thế nào?

2/ Quan hệ cung – cầu có vai trò thế nào đối với việc ra quyết định của người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng và Nhà nước?

Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá, quan hệ cung – cầu có vai trò quan trọng đối với các chủ thể kinh tế:

– *Thứ nhất,* vai trò đối với chủ thể sản xuất kinh doanh:

+ Quan hệ cung – cầu là tác nhân trực tiếp khiến giá cả thường xuyên biến động trên thị trường: khi cung *lớn hơn* cầu sẽ dẫn đến giá giảm, khi cung *nhỏ hơn* cầu sẽ dẫn đến giá tăng; cung *bằng* cầu thì giá ổn định. Từ đó, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh: có nhiều lợi nhuận khi bán giá cao, có thể thua lỗ khi bán giá thấp.

+ Hiện trạng quan hệ cung – cầu là căn cứ để doanh nghiệp quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, kinh doanh: khi cung *lớn hơn* cầu, giá giảm thì thu hẹp sản xuất; khi cung *nhỏ hơn* cầu, giá tăng thì mở rộng sản xuất.

– *Thứ hai*, vai trò đối với chủ thể tiêu dùng: Quan hệ cung – cầu là căn cứ giúp người tiêu dùng lựa chọn việc mua hàng hoá phù hợp: nên mua hàng hoá, dịch vụ khi cung *lớn hơn* cầu, giá giảm; không nên mua hàng hoá, dịch vụ khi cung *nhỏ hơn* cầu, giá tăng.

– *Thứ ba*, vai trò đối với chủ thể Nhà nước: Giúp Nhà nước có cơ sở để đưa ra các biện pháp, chính sách để duy trì cân đối cung – cầu hợp lí, góp phần bình ổn thị trường.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Mọi nhu cầu tiêu dùng của người dân đều được coi là cầu.

b. Toàn bộ sản phẩm được sản xuất ra trong nền kinh tế đều được coi là cung.

c. Giá điện tăng làm ảnh hưởng đến lượng cầu về các sản phẩm sử dụng điện.

d. Chính phủ tăng lương cho những người làm việc trong các cơ quan nhà nước sẽ góp phần làm tăng cầu.

2. Em hãy phân tích quan hệ cung – cầu trong các trường hợp dưới đây và cho biết quan hệ này đã tác động thế nào đến việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế.

a. Những ngày giáp Tết năm ngoái, giá các loại rau tăng rất mạnh. Năm nay, bà G dự định sẽ trồng thật nhiều rau để đến gần Tết mới đem ra chợ bán.

b. Giá ga tăng cao khiến một số người chuyển từ sử dụng bếp ga sang bếp từ.

c. Hợp tác xã M tăng cường thử nghiệm trồng rau trái vụ cung ứng cho thị trường.

d. Cơn bão số 5 gây thiệt hại lớn đến hoa màu, nhiều cánh đồng rau bị dập nát và ngập sâu trong nước.

3. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong các trường hợp dưới đây:

a. Việc nuôi cá đang ổn định nhưng thấy nhà hàng xóm nuôi ba ba bán cho các nhà hàng đặc sản ngoài phố có thu nhập tốt hơn, chị N có ý định chuyển hướng sang nuôi ba ba.

Dựa trên sự phân tích cung – cầu về ba ba, em hãy đưa ra lời khuyên cho chị N.

b. Sắp đến tháng khuyến mại siêu giảm giá các loại hàng hoá, M cho rằng người bán giảm giá để kích cầu tiêu dùng nên mình cần tận dụng cơ hội mua thật nhiều thứ.

Dựa vào quan hệ cung – cầu, em hãy phân tích cơ sở của chính sách khuyến mại để đưa ra lời khuyên giúp bạn M mua sắm hợp lí.

VẬN DỤNG

Em hãy viết bài kể về một trải nghiệm đã phân tích quan hệ cung – cầu để đưa ra quyết định mua sắm một hàng hoá và rút ra bài học đối với bản thân.

CHỦ ĐỀ 2

LẠM PHÁT, THẤT NGHIỆP

Bài 3: LẠM PHÁT

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được khái niệm lạm phát, liệt kê được các loại hình lạm phát.*
- *Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát.*
- *Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.*
- *Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.*
- *Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát.*

MỞ ĐẦU

Lạm phát là một hiện tượng kinh tế phổ biến đối với mọi quốc gia trên thế giới, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống kinh tế – xã hội. Vì vậy, Chính phủ và người dân luôn quan tâm đến việc kiểm soát, kiềm chế lạm phát để đảm bảo sự ổn định và phát triển kinh tế – xã hội.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của mình về vấn đề kinh tế đang diễn ra trong trường hợp dưới đây:

Ngày cuối tuần, H được cùng bố đi chợ. Khác với mọi lần, H thấy bố rất băn khoăn, cân nhắc khi mua sắm vì giá hàng hoá nào cũng tăng cao. H còn được nghe cô bán hàng tạp hoá nói với bố: "Giá cả tăng, khách mua hàng ít hơn nên kinh doanh cũng gặp khó khăn, bác ạ!".

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm và các loại hình lạm phát

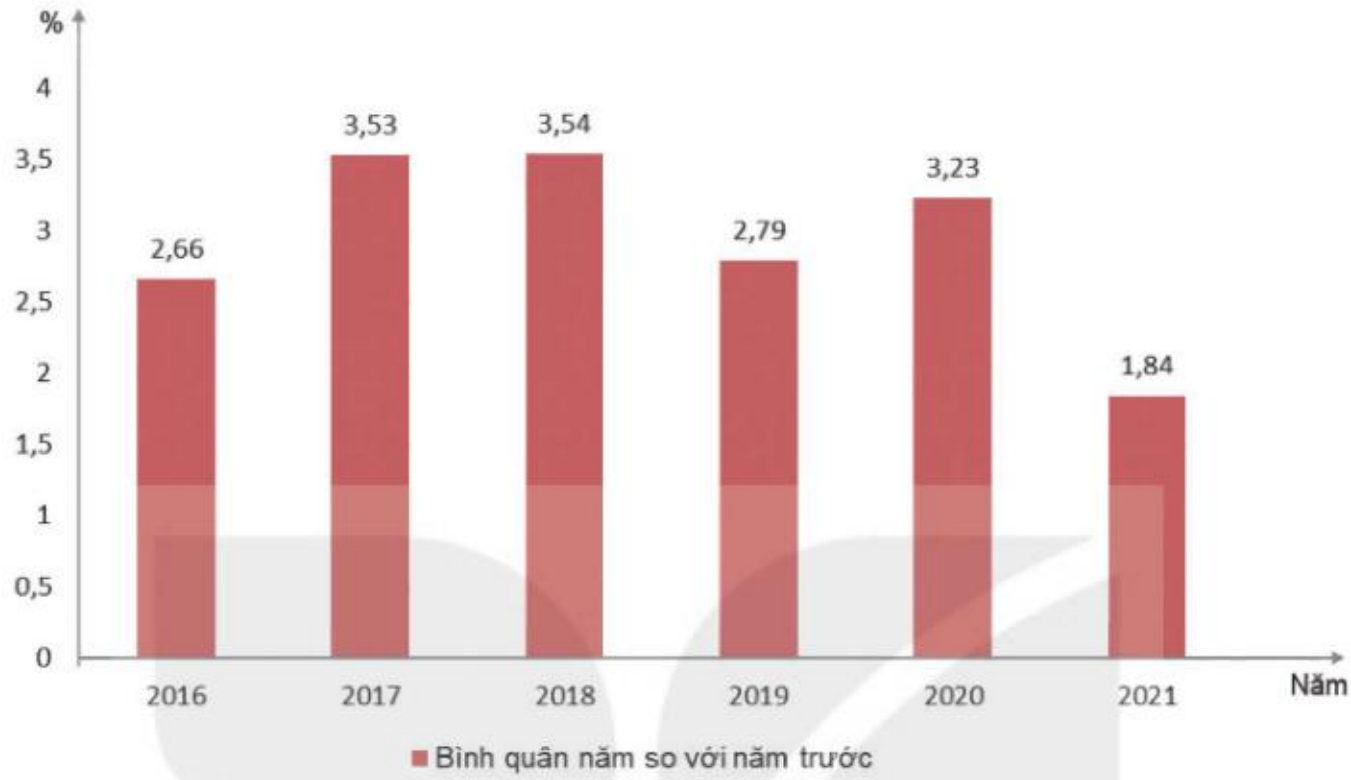
a) Khái niệm lạm phát

Em hãy đọc thông tin và quan sát biểu đồ sau để trả lời câu hỏi:

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, lạm phát ở Việt Nam được kiểm soát ở mức thấp là 1,84%. Trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao,

giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước.

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2021*, NXB Thống kê, 2022)



Biểu đồ Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn 2016 – 2021 (%)

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021*, NXB Thống kê)

EM CÓ BIẾT?

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đo giá cả một số lượng lớn các loại hàng hoá, dịch vụ thiết yếu như: lương thực, thực phẩm, dịch vụ y tế, giáo dục, năng lượng, nhà ở,... đối với mức tiêu dùng trung bình trong một thời gian nhất định.

$$\text{Tỉ lệ lạm phát} = \frac{CPI_1 - CPI_0}{CPI_0} \times 100\%$$

Trong đó:

CPI_1: Chỉ số giá tiêu dùng thời điểm hiện tại

CPI_0: Chỉ số giá tiêu dùng ở thời điểm cần so sánh

?

1/ Em có nhận xét gì về sự biến động chỉ số giá tiêu dùng các năm trong giai đoạn 2016 – 2021?

2/ Chỉ số 1,84% phản ánh điều gì?

Lạm phát là sự tăng mức giá chung các hàng hoá, dịch vụ của nền kinh tế (thường tính bằng chỉ số giá tiêu dùng CPI) một cách liên tục trong một thời gian nhất định.

b) Các loại hình lạm phát

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Cuối năm 2010, lạm phát hai con số kéo dài 13 tháng đến tháng 10 năm 2011 khiến CPI tăng 11,75% năm 2010 và 18,13% năm 2011. Trước tình hình đó, Chính phủ và các cấp, các ngành đã triển khai quyết liệt đồng bộ các giải pháp kiềm chế và kiểm soát lạm phát nên chỉ số giá tiêu dùng đã giảm xuống mức một con số (6,81% năm 2012; 6,04% năm 2013;...). Đẩy lùi lạm phát cao trong những năm qua là một trong những nhân tố quan trọng góp phần đưa kinh tế vĩ mô Việt Nam đi dần vào thế ổn định.

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2015*, NXB Thống kê, 2016)

❷ Năm 1985, chỉ số CPI tăng đến 92%, năm 1986 lên tới 775%, nền kinh tế bước vào thời kì lạm phát dữ dội với tỉ lệ tăng 3 con số kéo dài trong 2 năm tiếp theo. Phân phối lưu thông trong tình trạng rối ren, diễn biến theo chiều hướng xấu. Giá cả tiếp tục biến động phức tạp. Đồng tiền mất giá nhanh, tâm lí người tiêu dùng không muốn giữ tiền mặt, tìm cách mua hàng dự trữ để bảo đảm, làm tăng thêm tình trạng căng thẳng về hàng hoá vốn đã thiếu so với nhu cầu.

(*Văn kiện Quốc hội toàn tập, tập VI (quyển 2) 1984 – 1987, Thuyết trình của Uỷ ban Kinh tế, kế hoạch và Ngân sách của Quốc hội về kế hoạch và ngân sách Nhà nước trình bày tại kì họp thứ 12, Quốc hội khoá VII*, ngày 26 – 12 – 1986, NXB Chính trị Quốc gia, 2009)

1/ Em có nhận xét gì về mức độ lạm phát của nước ta năm 1986, 2010 – 2011, 2012 – 2013?

2/ Ở mỗi mức độ đó, lạm phát tác động đến kinh tế – xã hội nước ta như thế nào?

Căn cứ vào mức độ lạm phát, có các loại lạm phát sau:

- Lạm phát vừa phải: mức độ tăng của giá cả ở một con số hằng năm (0% – dưới 10%). Trong điều kiện lạm phát thấp, giá cả thay đổi chậm, nền kinh tế được coi là ổn định.
- Lạm phát phi mã: Mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm (10% – 1 000%), gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế. Đồng tiền mất giá một cách nhanh chóng, lãi suất thực tế giảm, người dân tránh giữ tiền mặt.
- Siêu lạm phát: giá cả tăng lên với tốc độ vượt xa mức lạm phát phi mã (>1 000%), nền kinh tế lâm vào khủng hoảng.

2. Nguyên nhân dẫn đến lạm phát

Em hãy đọc thông tin sau kết hợp với thông tin ở mục Các loại hình lạm phát để trả lời câu hỏi:

Theo Tổng cục Thống kê, CPI bình quân năm 2021 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

– Giá xăng dầu trong nước tăng 31,74% so với năm trước, giá gas tăng 25,89%.
– Giá gạo tăng 5,79% so với năm trước.
– Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,03% so với năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng.

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám Thống kê 2021*, NXB Thống kê, 2022)

1/ Theo em, vì sao giá thực phẩm, giá năng lượng tăng là nguyên nhân khiến lạm phát năm 2021 tăng?

2/ Thông tin 2 – mục Các loại hình lạm phát – cho biết nguyên nhân nào dẫn đến lạm phát tăng cao ở nước ta giai đoạn 1985 – 1987?

Một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến lạm phát:

– Chi phí sản xuất tăng cao: việc tăng giá các yếu tố đầu vào của sản xuất (như: xăng, dầu, điện, nguyên liệu,...) đẩy chi phí sản xuất tăng cao khiến cho giá cả nhiều loại hàng hoá trên thị trường tăng gây lạm phát.
– Cầu tăng cao: do có yếu tố tác động làm tổng cầu tăng cao nhưng tổng cung không thay đổi dẫn đến mức giá chung tăng gây lạm phát.
– Phát hành thừa tiền trong lưu thông: khi lượng tiền phát hành vượt quá mức cần thiết làm xuất hiện tình trạng người giữ tiền sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua một đơn vị hàng hoá, làm cho giá cả hàng hoá leo thang gây lạm phát.

3. Hậu quả của lạm phát

Em hãy đọc thông tin sau kết hợp với thông tin ở mục Nguyên nhân dẫn đến lạm phát để trả lời câu hỏi:

Tháng 10 năm 2022, lạm phát các nước khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) tăng mức kỉ lục 10,7%. Quỹ Tiền tệ Quốc tế dự báo, mùa đông năm nay hơn một nửa quốc gia trong khu vực này sẽ rơi vào tình trạng suy thoái kinh tế.

(An Huy, *Hai thách thức của kinh tế châu Âu: lạm phát nóng, tăng trưởng lạnh*, Tạp chí Kinh tế Việt Nam, ngày 31 – 10 – 2022)

1/ Em hãy chỉ ra hậu quả do lạm phát tăng cao gây ra trong thông tin trên.

2/ Theo em, lạm phát tăng do giá lương thực và năng lượng tăng có ảnh hưởng thế nào đến đời sống và các hoạt động kinh tế – xã hội?

3/ Em hãy kể những hậu quả khác mà lạm phát có thể gây ra đối với nền kinh tế và xã hội.

Lạm phát cao gây hậu quả tiêu cực đến hoạt động của nền kinh tế và mọi mặt đời sống xã hội:

– Giá cả các yếu tố đầu vào sản xuất tăng cao khiến chi phí tăng, tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm cho kinh tế suy thoái và thất nghiệp gia tăng. Giá cả các hàng hoá không ngừng tăng dẫn đến tình trạng đầu cơ, tích trữ nhiều hàng hoá, tạo thêm sự khan hiếm, đẩy giá cả hàng hoá tiếp tục tăng gây nhiễu loạn thị trường.

– Giá cả hàng hoá cao, chi phí sinh hoạt đắt đỏ làm cho mức sống của người dân trong xã hội giảm sút. Bên cạnh đó, lạm phát cao thường khiến nhiều người mất việc làm, không có thu nhập, đời sống nhiều gia đình bấp bênh, gặp nhiều khó khăn. Lạm phát tăng cao, kéo dài có thể gây ra khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội,...

Tuy nhiên, mức độ lạm phát vừa phải sẽ kích thích sản xuất kinh doanh phát triển.

4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Điều 3 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010 quy định một số nội dung liên quan đến lạm phát như sau:

"2. Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. [...]

4. Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ."

❷ Công tác điều hành kiểm soát lạm phát những năm gần đây đạt được kết quả quan trọng nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, kịp thời của Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ ngành trong việc xây dựng và thực hiện các kịch bản điều hành giá những mặt hàng quan trọng, thiết yếu như dịch vụ y tế, xăng, dầu, điện,... phù hợp trong từng giai đoạn. Nhờ vậy, giai đoạn 2016 – 2020 là giai đoạn thành công trong việc kiểm soát lạm phát.

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2020*, NXB Thống kê, 2021)

1/ Nội dung khoản 2, khoản 4 Điều 3 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thể hiện Nhà nước thực hiện việc kiểm soát lạm phát như thế nào?

2/ Nhà nước đã có vai trò như thế nào trong việc kiềm chế lạm phát giai đoạn 2016 – 2020?

Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát:

– Luôn theo dõi biến động giá cả trên thị trường, duy trì tỉ lệ lạm phát ở mức cho phép.

– Đưa ra chính sách, biện pháp, sử dụng các công cụ điều tiết để kiềm chế, đẩy lùi lạm phát như: tăng lãi suất, giảm mức cung tiền, cắt giảm chi tiêu công, hỗ trợ thu nhập cho người gặp khó khăn, tăng cường quản lí thị trường chống đầu cơ tích trữ hàng hoá, sử dụng dự trữ quốc gia để bình ổn cung – cầu, bình ổn giá trên thị trường,...

LUYỆN TẬP

1. Em tán thành hay không tán thành với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Giá cả một vài hàng hoá tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.

b. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

c. Lạm phát là biểu hiện đồng tiền của quốc gia bị mất giá.

d. Lạm phát luôn ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế.

2. Em hãy cho biết những biến động sau đây có thể làm cho lạm phát tăng hay không. Vì sao?

a. Hoạt động xuất khẩu tăng mạnh.

b. Các doanh nghiệp sử dụng nhiều nguyên, nhiên liệu nhập khẩu trong khi giá của chúng đang tăng cao.

c. Giá xăng tăng cao.

3. Em hãy thể hiện thái độ của mình đối với hành vi của chủ thể ở các trường hợp dưới đây trong việc chấp hành chủ trương, chính sách nhà nước về lạm phát.

a. Ngân hàng Y muốn duy trì mức lãi suất huy động vốn thấp trong khi Chính phủ đang chủ trương thực hiện chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát.

b. Trong bối cảnh lạm phát tăng cao, Uỷ ban nhân dân xã C phát động phong trào tiết kiệm, thắt chặt chi tiêu công của các cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước.

c. Giá cả hàng hoá tiêu dùng tăng cao, thành phố H tăng cường kiểm soát giá và sử dụng hiệu quả mạng lưới phân phối của các siêu thị để bình ổn giá.

VẬN DỤNG

Em hãy viết bài chia sẻ cách chi tiêu hợp lí khi lạm phát tăng cao.

Bài 4: THẤT NGHIỆP

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được khái niệm thất nghiệp, liệt kê được các loại hình thất nghiệp*
- *Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.*
- *Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.*
- *Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.*
- *Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.*

MỞ ĐẦU

Thất nghiệp là hiện tượng tất yếu trong nền kinh tế thị trường, có ảnh hưởng trực tiếp đến mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Do vậy, giảm tỉ lệ thất nghiệp, bảo đảm việc làm, ổn định đời sống cho người lao động trở thành mục tiêu quan trọng của mỗi quốc gia.

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Kinh tế suy thoái, doanh nghiệp X phải thu hẹp quy mô sản xuất khiến anh A và nhiều lao động khác bị mất việc làm, không có thu nhập. Đã gần hai tháng, anh A tìm việc ở nhiều nơi nhưng vẫn chưa được.

Ở trường hợp trên, anh A và người lao động của doanh nghiệp X đang gặp phải vấn đề gì? Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về vấn đề đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm thất nghiệp và các loại hình thất nghiệp

Em hãy đọc các trường hợp sau kết hợp với trường hợp ở phần Mở đầu để trả lời câu hỏi:

❶ Anh M là kĩ sư nông nghiệp từng làm việc ở một công ty xuất khẩu nông sản tại tỉnh Đ. Do hoàn cảnh gia đình, anh phải chuyển về thành phố để sinh sống và chưa tìm được việc làm. Vợ anh vốn là giáo viên mầm non nhưng khi về thành phố chỉ xin được làm tạp vụ tại một cơ sở sản xuất kinh doanh với mức lương rất thấp nên chưa muốn đi làm. Bố anh năm nay 55 tuổi đã làm cho một công ty sản xuất ô tô gần 30 năm. Khi doanh nghiệp này thay đổi cơ cấu sử dụng rô bốt thay thế thợ hàn để lắp ráp ô tô, ông đã bị mất việc. Em trai anh là kĩ sư công nghệ thông tin cho một công ty có vốn đầu tư nước ngoài.

❷ Do tác động của khủng hoảng kinh tế, hàng hoá sản xuất ra không bán được, Công ty X phải thu hẹp sản xuất, khiến nhiều lao động bị mất việc làm. Khi Chính phủ đưa ra nhiều chính sách để phục hồi kinh tế, doanh nghiệp được hỗ trợ để khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty mở rộng sản xuất, thu hút lại nhiều lao động làm cho lượng người thất nghiệp giảm dần.

?

1/ Trong gia đình anh M, ai là người muốn kiếm việc làm nhưng chưa tìm được? Ai là người tự nguyện thất nghiệp?

2/ Tình hình thất nghiệp sẽ thay đổi như thế nào khi nền kinh tế phục hồi hay suy thoái?

Thất nghiệp là tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm.

Thất nghiệp được phân loại như sau:

– Phân loại theo nguồn gốc thất nghiệp:

+ Thất nghiệp tự nhiên: biểu thị mức thất nghiệp bình thường mà nền kinh tế phải chịu, luôn tồn tại trong xã hội, bao gồm các dạng:

- Thất nghiệp tạm thời: thất nghiệp phát sinh do sự dịch chuyển không ngừng của người lao động giữa các vùng, các loại công việc hoặc giữa các giai đoạn khác nhau trong cuộc sống.
- Thất nghiệp cơ cấu: thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Thất nghiệp chu kì: thất nghiệp tương ứng với từng giai đoạn trong chu kì kinh tế: Thất nghiệp chu kì ở mức cao khi nền kinh tế suy thoái; Thất nghiệp chu kì ở mức thấp khi kinh tế phát triển, mở rộng.

– Phân loại theo tính chất:

+ Thất nghiệp tự nguyện: xảy ra do người lao động không muốn làm việc do điều kiện làm việc và mức lương chưa phù hợp với họ.

+ Thất nghiệp không tự nguyện: xảy ra khi người lao động mong muốn đi làm nhưng không thể tìm kiếm được việc làm.

2. Nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp

Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Chị Y và nhóm bạn của mình đang thất nghiệp. Chị Y đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp nhưng làm nhân viên hành chính cho một cơ sở giáo dục. Sau một thời gian làm việc, chị quyết định thôi việc để đi tìm công việc mới phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Anh X bị doanh nghiệp cho thôi việc do vi phạm kỉ luật lao động nhiều lần, anh T bị mất việc làm do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất kinh doanh.

❷ Theo thống kê của Sở Y tế tỉnh N, số sinh viên theo học các ngành Dược, Điều dưỡng ở các hệ cao đẳng, trung cấp tốt nghiệp hằng năm rất lớn. Tuy nhiên mỗi năm, tỉnh chỉ bố trí được chỗ làm với số lượng có hạn cho đối tượng này nên nhiều sinh viên ra trường bị thất nghiệp. Trong khi đó, tỉnh rất cần các bác sĩ có chuyên môn cao nhưng lại khó tuyển dụng.

?

1/ Chị Y và nhóm bạn thất nghiệp do những nguyên nhân nào?

2/ Em hãy phân tích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng thất nghiệp của một số sinh viên ngành Dược, Điều dưỡng ở tỉnh N.

Trong thực tế có nhiều nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp:

– Nguyên nhân chủ quan: bị đuổi việc do vi phạm kỉ luật, tự thôi việc do không hài lòng với công việc đang có, do thiếu kĩ năng làm việc,...

– Nguyên nhân khách quan: do cơ sở sản xuất kinh doanh đóng cửa, do sự mất cân đối giữa cung và cầu trên thị trường lao động.

3. Hậu quả của thất nghiệp

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Ông D – trợ lí văn phòng tại Công ty Xuất khẩu thuỷ sản A đã 25 năm không hề chuẩn bị cho tình huống một ngày nhận được tin công ty sẽ đóng cửa vĩnh viễn do bị thua lỗ, phá sản. Con trai lớn của ông cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do bị cắt giảm nhân sự vì thừa nhân công. Cuộc sống của ông gặp rất nhiều khó khăn khi không còn thu nhập. Còn con trai ông tâm lí chán nản...

❷ Kinh tế suy thoái, hàng hoá sản xuất ra không bán được, Công ty May xuất khẩu Q phải thu hẹp sản xuất, số người mất việc làm tăng, lương của công nhân giảm, nợ bảo hiểm của công nhân,... Bởi vậy, công nhân công ty đã đình công, bãi công tập thể.

❸ Kinh tế Việt Nam năm 2018 khởi sắc, tăng trưởng kinh tế đạt 7,08% so với năm 2017 – mức tăng cao nhất trong 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, doanh nghiệp thành lập mới tăng mạnh. Nền tảng kinh tế vĩ mô từng bước được củng cố và tăng cường. Tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm có xu hướng giảm dần. Tỉ lệ thất nghiệp còn 2,19%.

Từ năm 2020 đến 2021, do dịch COVID-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III năm 2021 nhiều địa phương có vai trò trọng điểm về kinh tế phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh, tỉ lệ thất nghiệp năm 2021 lên đến 3,2%, khiến cho tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 giảm so với năm 2020.

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2018, 2021*, NXB Thống kê, 2019, 2022)

? *Qua các thông tin trên, em hãy cho biết thất nghiệp đã tác động đến người lao động, doanh nghiệp và nền kinh tế như thế nào. Vì sao?*

Thất nghiệp để lại những hậu quả nặng nề đối với mỗi cá nhân, với nền kinh tế và mọi mặt của đời sống xã hội:

– Đối với người bị thất nghiệp: Thất nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động, khiến cho đời sống của họ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kiến thức chuyên môn, nghề nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp: Thất nghiệp tăng cao dẫn đến nhu cầu xã hội bị giảm sút, hàng hoá và dịch vụ không có người tiêu dùng, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp giảm,... nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất hoặc đóng cửa.
- Đối với nền kinh tế: Thất nghiệp tăng gây lãng phí nguồn lực, làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, ngân sách nhà nước suy giảm,...
- Đối với chính trị – xã hội: Thất nghiệp gia tăng làm cho hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát sinh nhiều, gây ra những xáo trộn trong xã hội, trật tự xã hội không ổn định, hiện tượng lãn công, bãi công, biểu tình,... tăng lên.

4. Vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp

Em hãy đọc các thông tin và quan sát hình ảnh sau để trả lời câu hỏi:

❶ Khoản 2 Điều 59 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: Nhà nước có chính sách khuyến khích người sử dụng lao động có đủ điều kiện đào tạo nghề nghiệp và phát triển kĩ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình và người lao động khác trong xã hội thông qua hoạt động như: Thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc mở lớp đào tạo nghề tại nơi làm việc để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kĩ năng nghề cho người lao động; Tổ chức thi kĩ năng nghề cho người lao động tham gia hội đồng kĩ năng nghề; dự báo nhu cầu và xây dựng tiêu chuẩn kĩ năng nghề; tổ chức đánh giá và công nhận kĩ năng nghề; phát triển năng lực nghề nghiệp cho người lao động.

❷ Xác định 2019 là năm "bứt phá" phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2016 – 2020, ngày 1 – 1 – 2019 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Nhờ đó, tình hình kinh tế – xã hội cả năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật như: Tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,02%. Tỉ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm giảm dần, thu nhập của người lao động tăng lên.

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2019*, NXB Thống kê, 2020)



Qua các thông tin và hình ảnh trên, em hãy cho biết Nhà nước đã thực hiện các giải pháp nào để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường, Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp:

- Thường xuyên thông tin về tình hình thất nghiệp, từ đó dự báo, đồng thời đưa ra các giải pháp để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp.
- Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng cao, Nhà nước sử dụng nhiều giải pháp để kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp như: Hoàn thiện thể chế về thị trường lao động, thực hiện đúng pháp luật về lao động; Khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh mở rộng hoạt động sản xuất, chuyển đổi sản xuất để tạo thêm việc làm cho người lao động; Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho người lao động.
- Ngoài ra, Nhà nước còn thường xuyên quan tâm đào tạo lao động trình độ cao, đa dạng hoá các loại hình trường lớp, hỗ trợ người lao động tự tạo việc làm.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những quan điểm nào sau đây? Vì sao?

a. Để giải quyết việc làm, Nhà nước phải tạo ra các điều kiện thuận lợi cho người lao động tự tạo việc làm.

b. Chính quyền địa phương phải có trách nhiệm giải quyết việc làm cho người thất nghiệp ở địa phương.

c. Trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm môi giới, giới thiệu việc làm cho người lao động.

d. Người lao động giữ vai trò quan trọng nhất trong việc giải quyết thất nghiệp.

2. Em hãy cho biết những trường hợp sau đây thuộc loại hình thất nghiệp nào:

a. Người không đi làm để tập trung giải quyết việc gia đình.

b. Khi nhà máy chuyển đổi sản xuất từ cơ khí lên tự động hoá, hàng loạt lao động trong nhà máy bị mất việc làm.

c. Người đi du học mới về nước chưa kiếm được việc làm.

3. Em hãy nhận xét việc làm của các tổ chức, cá nhân dưới đây:

a. Xã A sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tổ chức hai khoá dạy nghề mây tre đan xuất khẩu nhằm giải quyết việc làm cho người lao động tại địa phương. Sau đó, các học viên này vẫn không có việc làm vì không có bất cứ một dự án sản xuất mây tre đan nào được tổ chức tại địa phương.

b. Khi tỉ lệ thất nghiệp tăng cao, chính quyền xã X đã đến từng hộ gia đình thống kê số người thất nghiệp để tìm giải pháp kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp, nhưng một số gia đình không hợp tác vì cho rằng Nhà nước không thể giải quyết được vấn đề này.

VẬN DỤNG

Em hãy viết bài giới thiệu một tấm gương tạo việc làm, giải quyết thất nghiệp cho người lao động tại địa phương.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHỦ ĐỀ 3

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Bài 5: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.*
- *Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.*
- *Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.*
- *Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.*

MỞ ĐẦU

Lao động – việc làm là nhu cầu cơ bản của con người vì tạo ra của cải vật chất và sự phát triển toàn diện cho mỗi con người. Trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi, việc tạo ra hệ thống thông tin thị trường lao động và thị trường việc làm có vai trò rất quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp và người lao động.

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Trong ngày hội tư vấn tuyển sinh được tổ chức tại Trường Trung học phổ thông NT, các chuyên gia từ Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trường đại học đã tư vấn cho học sinh cách xét tuyển vào trường và lựa chọn ngành học phù hợp. Bên cạnh đó, các trường đại học và các chuyên gia cùng học sinh tìm hiểu những nghề học sau khi tốt nghiệp dễ tìm được việc làm, phù hợp với sở thích và nguyện vọng của học sinh.

Thông tin trên phản ánh vấn đề gì? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các hoạt động đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

KHÁM PHÁ

1. Lao động và thị trường lao động

a) *Khái niệm lao động*

Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bác A là một thợ thêu, làm ra rất nhiều bức tranh thêu độc đáo phục vụ cho khách hàng trong và ngoài nước. Để làm ra mỗi sản phẩm, bác thường thiết kế rất tỉ mỉ hình ảnh, hoa văn, hoạ tiết, màu sắc,... Sản phẩm được hoàn thành là kết quả của sự kết hợp làm việc miệt mài và đôi bàn tay khéo léo của người thợ với chiếc khung thêu thân thuộc cùng những tấm vải lụa mềm mại và những cuộn chỉ màu sắc rực rỡ.

❷ Tại thành phố H, nhu cầu tuyển dụng lao động cuối năm ở một số ngành nghề đang sôi động. Nhiều doanh nghiệp trên địa bàn cho biết họ gặp nhiều khó khăn trong tuyển dụng lao động. Công ty cổ phần Sản xuất Container đang cần tuyển 650 lao động, trong đó có 100 lao động phổ thông, 500 thợ hàn, thợ cơ khí,... với mức lương cơ bản từ 6 đến 18 triệu đồng. Tuy nhiên, sau ba tháng nhiều hồ sơ ứng tuyển không đạt yêu cầu. Công ty N cũng đang thông báo tuyển 127 lao động cho các vị trí kĩ thuật viên: thuỷ lực, cơ khí, sơn dầu, máy lạnh, cửa cuốn, lao động phổ thông,... với nhiều chế độ ưu đãi vượt trội nhưng vẫn tìm không đủ người.

?

1/ Ở trường hợp 1, hoạt động của bác A nhằm mục đích gì? Theo em, lao động là gì?

2/ Lao động có vai trò như thế nào trong hoạt động kinh tế?

3/ Trong thông báo tuyển dụng, các công ty đưa ra mức lương và chế độ đãi ngộ cho người lao động nhằm mục đích gì?

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội.

Trong hoạt động sản xuất, lao động được coi là yếu tố đầu vào, ảnh hưởng tới chi phí tương tự như việc sử dụng các yếu tố sản xuất khác. Lực lượng lao động là một bộ phận của dân số, là người được hưởng thụ lợi ích của quá trình phát triển.

Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: Người lao động là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thoả thuận, được trả lương và chịu sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động.

b) Thị trường lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam đạt 50,6 triệu người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 49,1 triệu người. Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ước tính là 3,20%, tỉ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,10%.

(Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2021*, NXB Thống kê, 2022)

❷ Anh B và anh C đọc thông tin niêm yết tuyển dụng của Công ty Thương mại và kinh doanh du lịch X thông báo tuyển 25 lao động cho các vị trí việc làm như thu ngân, đóng gói, kiểm kê hàng, giao hàng,... ưu tiên tuyển dụng những người có độ tuổi từ 18 đến 25, sức khoẻ tốt, nhiệt tình trong công việc với mức lương từ 5 – 8 triệu đồng/tháng, tuỳ theo vị trí việc làm. Nhận thấy mình có đủ điều kiện, hai anh đã đăng kí dự tuyển.

?

1/ Qua thông tin 1, em hãy nhận xét tình hình cung – cầu lao động trên thị trường ở Việt Nam năm 2021.

2/ Từ trường hợp 2, em hãy xác định các chủ thể tham gia hoạt động tuyển dụng. Các yếu tố cần có trong hoạt động tuyển dụng là gì?

Thị trường lao động (hoặc thị trường sức lao động) là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động (người lao động làm thuê) và người mua sức lao động (người sử dụng sức lao động), thông qua các hình thức thoả thuận về giá cả (tiền công, tiền lương) và các điều kiện làm việc khác, trên cơ sở một hợp đồng lao động bằng văn bản, bằng miệng, hoặc thông qua các dạng hợp đồng hay thoả thuận khác.

Thị trường lao động được cấu thành bởi ba yếu tố: cung, cầu và giá cả sức lao động. Thị trường lao động có thể hoạt động hiệu quả khi các quyền tự do mua, bán sức lao động được đảm bảo bằng luật pháp và hệ thống các chính sách liên quan đến quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia thị trường.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Việc làm và thị trường việc làm

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1. Gia đình anh M có nhiều niềm vui vì anh mới được nhận vào làm cho một công ty cơ khí với mức lương 7 triệu đồng/tháng. Mẹ anh mới nhận được giấy chứng nhận đăng kí hộ kinh doanh hàng tạp hoá.
2. Để kết nối cung – cầu lao động trong bối cảnh thị trường lao động đang từng bước sôi động trở lại, thành phố H đã thực hiện các giải pháp như: rà soát nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, nhu cầu tìm việc của người lao động để tổ chức các phiên giao dịch việc làm kết nối; tăng cường đào tạo ngắn hạn, dài hạn cho người lao động để đáp ứng nguồn cung của doanh nghiệp;...

?

1/ Công việc của anh M và mẹ anh có ý nghĩa thế nào đối với gia đình? Em hiểu thế nào là việc làm?

2/ Các chủ thể tham gia các hội chợ, các phiên giao dịch việc làm nhằm mục đích gì?

3/ Các phiên giao dịch việc làm có tác dụng như thế nào?

Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm, có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi người, giúp duy trì và cải thiện cuộc sống. Mỗi người có thể làm nhiều việc khác nhau: có việc làm chính thức (việc làm toàn thời gian) hay việc làm không chính thức (việc làm bán thời gian).

Thị trường việc làm là nơi gặp gỡ, trao đổi mua bán hàng hoá việc làm giữa người lao động và người sử dụng lao động cũng như xác định mức tiền công của người lao động trong từng thời kì nhất định. Thị trường việc làm kết nối cung – cầu lao động trên thị trường thông qua các phiên giao dịch việc làm, các trung tâm môi giới và giới thiệu việc làm, các thông tin tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng,... để cung cấp thông tin cụ thể về doanh nghiệp, nhu cầu, mức lương tuyển dụng, giúp người lao động có thông tin, tiếp cận được đến các cơ sở có nhu cầu tuyển dụng để tìm kiếm được việc làm.

3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

1. Theo thống kê của tỉnh C, gần 90% các công ty của tỉnh đang có nhu cầu tuyển dụng các ngành kĩ sư, sửa chữa, máy tính, du lịch, công nghệ, kĩ thuật nhưng đang thiếu hụt nguồn cung. Các lĩnh vực hành chính, ngân hàng đang dẫn đầu nguồn cung nhưng nhu cầu tuyển dụng không nhiều. Sự mất cân đối giữa cung và cầu về lao động đã giảm đi sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, khiến cho họ chuyển hướng đầu tư sang các tỉnh khác.

② Cùng với nhiều giải pháp đồng bộ nhằm kết nối cung – cầu lao động, giai đoạn 2015 – 2020, các trung tâm dịch vụ việc làm đã tổ chức gần 6 000 phiên giao dịch việc làm, giới thiệu và cung ứng gần 5 triệu lượt người, 68,5% trong số đó có kết nối việc làm thành công. Kết quả, cả nước đã giải quyết được trên 8 triệu việc làm, thị trường lao động Việt Nam có sự chuyển biến tích cực; cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo cơ cấu kinh tế; tỉ lệ thất nghiệp chung là 2,48% số người trong độ tuổi lao động, khu vực thành thị luôn duy trì dưới 4%.

(Minh Thư, *10 thành tựu nổi bật của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội*, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 11 – 1 – 2021)

?

1/ Qua thông tin 1, em thấy sự lệch pha về cung – cầu lao động tại tỉnh C thể hiện như thế nào? Điều này có tác động gì đến nền kinh tế?

2/ Thông tin 2 cho thấy thị trường việc làm có vai trò kết nối cung – cầu, giúp thị trường lao động nước ta phát triển như thế nào?

Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Thông qua các dịch vụ kết nối nhà tuyển dụng và người lao động, thị trường việc làm giúp người lao động tìm được chỗ làm phù hợp, người sử dụng lao động tìm được người thích hợp, giúp cho thị trường lao động nhanh chóng đạt đến trạng thái cân bằng cung – cầu lao động.

4. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

① Theo bản tin thị trường lao động Việt Nam quý III năm 2022: Năm nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất: công nghiệp chế tạo; thông tin và truyền thông; bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ. Năm nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất: tài chính, kế toán, nhân viên phần mềm, ngân hàng, marketing. Năm nghề người lao động đi tìm việc nhiều nhất: lao động kĩ thuật trong công nghiệp, hành chính, bán hàng trong lĩnh vực bất động sản, tiếp thị kĩ thuật số bán hàng, y tế và chăm sóc sức khoẻ. Dự báo nhu cầu việc làm sẽ tăng ở một số ngành: sản xuất phương tiện vận tải, sản xuất sản phẩm điện tử.

(Tổng cục Thống kê, *Bản tin thị trường lao động Việt Nam quý III năm 2022*)

② Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đề ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030: "Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới".

Thực hiện phương châm: "Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỉ luật, kỉ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kĩ năng sống, kĩ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1 (tr. 232 – 233), tập 2 (tr. 77), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021)

1/ Qua thông tin 1, em có nhận xét gì về xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động ở Việt Nam?

2/ Những yêu cầu đối với việc phát triển nguồn nhân lực để thực hiện định hướng phát triển đất nước trong Văn kiện đại hội Đảng XIII cho thấy xu hướng tuyển dụng lao động trên thị trường sẽ như thế nào?

3/ Em cần có trách nhiệm gì để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp?

– Thị trường lao động ở Việt Nam đang nổi lên 4 xu hướng: Gia tăng số lượng lao động trên các nền tảng công nghệ; Chuyển dịch nghề nghiệp gắn với kĩ năng mềm; Lao động giản đơn sẽ trở nên yếu thế; Xu hướng lao động "phi chính thức" gia tăng.

– Xu hướng tuyển dụng trên thị trường lao động luôn gắn liền với chiến lược, chủ trương, chính sách phát triển kinh tế – xã hội của Đảng và Nhà nước cùng với những yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Bởi vậy, để có được việc làm phù hợp, học sinh cần trang bị cho mình những kiến thức cơ bản về nghề nghiệp, trau dồi các kĩ năng, nắm được xu hướng phát triển của thị trường lao động, tự đánh giá sở trường, nguyện vọng và điều kiện của bản thân để lựa chọn, định hướng nghề nghiệp.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những quan điểm nào sau đây? Vì sao?

a. Người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước mới được coi là có việc làm.

b. Nhu cầu tuyển dụng lao động thường tăng lên vào dịp cuối năm.

c. Để hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động, các cơ quan hữu quan phải chia sẻ nguồn dữ liệu về cung – cầu lao động.

d. Người làm giúp việc cho một gia đình được coi là có việc làm.

e. Để khích lệ người lao động làm việc hiệu quả, doanh nghiệp phải tăng cường các chế độ đãi ngộ đối với người lao động.

2. Thị trường lao động và thị trường việc làm sẽ biến động như thế nào trong các trường hợp sau?

a. Cung về lao động trên thị trường ngày càng tăng nhưng không tăng đều giữa các ngành nghề.

b. Có nhiều nhà máy, xí nghiệp mới xây dựng trong khu vực.

c. Nhà nước công bố quy định tăng lương cơ bản cho người lao động.

d. Nhà nước có chủ trương chuyển từ nền kinh tế truyền thống sang kinh tế số.

3. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong các trường hợp sau:

a. Bạn B đang học lớp 11. Từ nhỏ, bạn đã có niềm đam mê với công nghệ, mong muốn trở thành một kĩ sư công nghệ thông tin nhưng bố mẹ không ủng hộ vì muốn bạn theo học đại học Y để trở thành bác sĩ.

b. Anh H mới tốt nghiệp đại học nhưng khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin cũng như kĩ năng giao tiếp còn nhiều hạn chế. Anh đã ba lần tham gia tuyển dụng nhưng vẫn chưa tìm được việc làm.

c. Với mơ ước trở thành công dân toàn cầu để có thể làm việc ở bất cứ nơi đâu, bạn A chỉ tập trung vào học ngoại ngữ.

VẬN DỤNG

1. Em hãy xác định nghề mình sẽ lựa chọn trong tương lai và xây dựng kế hoạch để thực hiện sự lựa chọn đó.

2. Em hãy tìm hiểu những thông tin về xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động Việt Nam trong 5 năm tới và chia sẻ với các bạn trong lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHỦ ĐỀ 4

Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

Bài 6: Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.*
- *Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.*
- *Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.*
- *Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.*
- *Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.*

MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, tính cạnh tranh ngày càng cao đòi hỏi các chủ thể kinh tế phải không ngừng rèn luyện, hình thành được những năng lực cần thiết của người kinh doanh, xây dựng được ý tưởng kinh doanh tốt, biết nắm bắt cơ hội để kinh doanh thành công.

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Nhà chị P có 2 sào vườn chuyên trồng rau và cây ăn quả, chị có ý định kết hợp trồng trọt với chăn nuôi theo mô hình kinh tế tuần hoàn, tận dụng phế, phụ phẩm trồng trọt làm thức ăn chăn nuôi; chất thải chăn nuôi lại trở thành phân bón hữu cơ cho cây trồng góp phần giảm chi phí đầu vào, nâng cao giá trị sản xuất. Chị được một người thân gợi ý cho một số phương án:

– Kết hợp trồng rau, cây ăn quả với chăn nuôi lợn.

– Kết hợp trồng rau, cây ăn quả với chăn nuôi lợn và ngan.
– Kết hợp trồng rau, cây ăn quả với chăn nuôi gà.

Với một số vốn rất ít ỏi, chị đang băn khoăn, chưa biết nên chọn phương án nào cho phù hợp.

Theo em, chị P nên chọn phương án nào cho phù hợp? Vì sao?

KHÁM PHÁ

1. Khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh, các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

a) Khái niệm và tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh

Em hãy đọc câu chuyện sau để trả lời câu hỏi:

Chị D là sinh viên đang học ngành Công nghệ sinh học. Nhà chị có một cái sân nhỏ sau nhà. Năm học thứ ba, thấy nhiều bạn sinh viên trong trường thích chơi cây cảnh mi ni nhưng khu vực quanh trường chưa có ai kinh doanh mặt hàng này, chị liền nảy sinh ý tưởng kinh doanh.

Chị suy nghĩ và xây dựng ý tưởng kinh doanh cây cảnh mi ni: tận dụng mảnh sân của gia đình và phát huy những kiến thức, kĩ năng đã học về cấy, ghép cây cảnh mi ni như sen đá, xương rồng, lưỡi hổ, dương xỉ,... Chị cũng có thể nhờ thầy cô hướng dẫn cách lai ghép thành những giống cây mới lạ, trồng vào những chiếc cốc, chậu nhỏ xinh xắn, kết hợp với các phụ kiện tiểu cảnh, làm thành những chậu cây độc đáo để các bạn sinh viên có thể mua về trang trí bàn học, tủ sách hay làm quà tặng cho bạn bè. Với những bạn muốn mua những chậu nhỏ, đất, cây giống, hạt giống, viên đá cuội trang trí,... để tự tay trồng, chăm bón, sắp xếp chậu cây theo ý thích, chị sẽ tiếp tục bổ sung các mặt hàng này để đáp ứng. Chị thấy vui vì ý tưởng kinh doanh này tuy chỉ là mô hình nhỏ lẻ nhưng có thể mang lại những khoản thu nhập cho bản thân và mang niềm vui, tình yêu cây cỏ đến với các bạn sinh viên.

1/ Em có nhận xét gì về ý tưởng kinh doanh của chị D?

2/ Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh giúp chị D xác định những vấn đề cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh như thế nào?

– Ý tưởng kinh doanh là khái niệm trong lĩnh vực kinh doanh chỉ loại ý tưởng có tính sáng tạo, khả thi mang đến lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh.

– Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh rất cần thiết, giúp người kinh doanh xác định được những vấn đề cơ bản của hoạt động sản xuất kinh doanh: Kinh doanh mặt hàng gì? (Xác định được đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì); Kinh doanh thế nào? (Xác định được cách thức mới, có hiệu quả); Kinh doanh cho ai? (Xác định được mục tiêu kinh doanh).

b) Nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

Em hãy đọc trường hợp sau, kết hợp với câu chuyện kinh doanh của chị D ở phần trên để trả lời câu hỏi:

Anh C là chuyên viên phòng kinh doanh của một công ty văn phòng phẩm. Gần nhà anh mới khánh thành trường phổ thông liên cấp. Anh C liền có ý tưởng sẽ mở cửa hàng kinh doanh văn phòng phẩm tại nhà.

1/ Ý tưởng kinh doanh của chị D, anh C bắt nguồn từ những lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài nào?

2/ Theo em, ý tưởng kinh doanh còn có thể nảy sinh từ những nguồn nào khác?

Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh:

- Lợi thế nội tại: xuất phát từ đam mê, hiểu biết, khả năng huy động các nguồn lực,... của chủ thể kinh doanh.
- Cơ hội bên ngoài: bắt nguồn từ một nhu cầu mới chưa được đáp ứng, lợi thế cạnh tranh, thuận lợi về vị trí triển khai hay thuận lợi từ một chính sách vĩ mô,...

2. Khái niệm cơ hội kinh doanh và tầm quan trọng của việc xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

Em hãy đọc tiếp câu chuyện kinh doanh của chị D và trả lời câu hỏi:

Sau khi xây dựng ý tưởng kinh doanh, chị D xác định đây là cơ hội kinh doanh vì hoạt động kinh doanh này có tính bền vững; đáp ứng nhu cầu lành mạnh và ngày càng lớn của sinh viên; có thể duy trì lâu dài vì dựa trên nguồn lực sẵn có và năng lực chuyên môn của bản thân; có thể mang lại lợi nhuận và đây cũng là thời điểm chị có đủ điều kiện về vốn, kinh nghiệm để thực hiện kinh doanh. Tuy nhiên, chị cũng cẩn trọng đánh giá cơ hội này trên cơ sở xem xét điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong việc thực hiện ý tưởng kinh doanh này để đưa ra quyết định kinh doanh.

1/ Theo em, có những điều kiện thuận lợi nào đối với công việc kinh doanh cây cảnh mi ni của chị D?

2/ Dựa trên các tiêu chí: điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức đối với chị D trong việc thực hiện cơ hội kinh doanh cây cảnh mi ni, em hãy đánh giá đây có phải là cơ hội tốt không. Vì sao?

3/ Việc xác định, đánh giá đó có vai trò thế nào đối với việc ra quyết định kinh doanh của chị D?

Cơ hội kinh doanh là sự xuất hiện những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện được mục tiêu kinh doanh. Cơ hội kinh doanh có thể xuất hiện từ bên ngoài nhưng cũng có khi do chính chủ thể kinh doanh chủ động tạo ra.

Ý tưởng kinh doanh được xác định là cơ hội kinh doanh khi có tính bền vững, đáp ứng được nhu cầu hiện tại và có thể duy trì sản phẩm lâu dài, có tính hấp dẫn khi đảm bảo mang lại lợi nhuận và có tính cơ hội khi thời điểm kinh doanh phù hợp.

Chủ thể kinh doanh cần dựa trên 4 tiêu chí: điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để đánh giá, khẳng định đây có phải là cơ hội kinh doanh tốt, lấy đó làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát huy các điểm mạnh, khai thác cơ hội đồng thời khắc phục điểm yếu và vượt qua thách thức để kinh doanh thành công.

3. Các năng lực cần thiết của người kinh doanh

Em hãy đọc trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

Khởi nghiệp từ một sinh viên tốt nghiệp đại học ngành chế tạo ô tô, ban đầu ông H làm việc cho một nhà máy sửa chữa ô tô. Sau 5 năm làm quen với công việc, chịu khó học hỏi, ông quyết định thành lập cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy, sau này phát triển thành công ty chuyên lắp ráp và kinh doanh ô tô. Để công ty hoạt động có hiệu quả, ông luôn chủ động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội, vạch ra chiến lược kinh doanh; tự trang bị cho mình những kiến thức, kĩ năng quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lí nội bộ công ty chuyên nghiệp, tạo dựng được mối quan hệ rộng rãi với các đối tác, khách hàng và xây dựng được văn hoá công ty.

1/ Ông H đã thể hiện những năng lực nào trong kinh doanh?

2/ Theo em, người kinh doanh cần có những năng lực nào khác? Vì sao?

3/ Dựa trên những năng lực cần thiết của người kinh doanh vừa phân tích, em hãy tự nhận xét năng lực kinh doanh của bản thân.

Để thành công, những người kinh doanh cần có những năng lực cần thiết sau:

- Năng lực lãnh đạo: định hướng chiến lược, năng động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội kinh doanh.
- Năng lực quản lí: tổ chức, thiết lập các mối quan hệ trong kinh doanh,...
- Năng lực chuyên môn: có kiến thức về chuyên môn ngành đang kinh doanh.
- Năng lực học tập, tích luỹ kiến thức, rèn luyện kĩ năng,...

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Ý tưởng kinh doanh tốt là đáp ứng được nhu cầu thị trường.

b. Ý tưởng kinh doanh tốt là phải mang lại giá trị cho doanh nghiệp.

c. Cơ hội kinh doanh là do những điều kiện, hoàn cảnh khách quan mang đến.

d. Mọi cơ hội kinh doanh đều là những điều kiện thuận lợi nên cần nắm bắt và thực hiện ngay.

2. Em hãy thực hành xây dựng một ý tưởng kinh doanh trong một hội chợ giả định do chi đoàn lớp em tổ chức và phân tích với thầy cô và các bạn ý tưởng kinh doanh đó.

3. Em hãy cho biết những việc làm sau đây có đóng góp hay ảnh hưởng thế nào đến kết quả kinh doanh.

a. Có ý tưởng kinh doanh cà phê, anh K xây dựng ý tưởng bằng cách xác định đối tượng khách hàng của mình là các bạn sinh viên; lựa chọn thuê địa điểm ở gần trường đại học; trang trí quán theo phong cách phù hợp với sở thích của các bạn trẻ; xác định phương thức kinh doanh mới mẻ hơn, mang lại sự tiện lợi cho khách hàng; kết hợp bán trực tiếp với bán qua mạng xã hội;...

b. Gia đình bác H mới chuyển lên thành phố sinh sống. Quan sát thấy hai quán cơm bình dân ở gần nhà có nhiều thực khách, bác quyết định mở quán cơm để kinh doanh mà không cần quan tâm đến đối thủ cạnh tranh vì cho rằng đây là cơ hội tốt giúp có thêm thu nhập và phù hợp với sở trường nấu nướng của bản thân.

4. Em có nhận xét gì về năng lực kinh doanh của các chủ thể kinh doanh dưới đây?

a. Có ý định tổ chức kinh doanh ở gần cổng trường trung học phổ thông, chị V đi tham quan, tìm hiểu một vài cửa hàng kinh doanh gần đó và quyết định sẽ áp dụng đúng mô hình kinh doanh bánh ngọt của nhà bác T mà không cần phải xây dựng ý tưởng kinh doanh riêng cho mình.

b. Bà C có ý định mở cửa hàng kinh doanh tại nhà từ lâu nhưng vẫn chần chừ chưa tiến hành vì lo ngại việc kinh doanh không hiệu quả sẽ bị thua lỗ.

VẬN DỤNG

Em hãy sưu tầm và viết bài giới thiệu về một tấm gương doanh nhân thành đạt nhờ có năng lực kinh doanh.

CHỦ ĐỀ 5

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Bài 7: ĐẠO ĐỨC KINH DOANH

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh.*
- *Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.*
- *Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.*
- *Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.*
- *Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh.*

MỞ ĐẦU

Đạo đức kinh doanh là yếu tố cơ bản tạo nên uy tín của nhà kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động thành công, tồn tại và phát triển. Nâng cao đạo đức kinh doanh còn mang lại lợi ích to lớn cho người tiêu dùng, người lao động và sự phát triển bền vững. Hiểu rõ vai trò, ý nghĩa của đạo đức kinh doanh giúp chúng ta thực hiện các việc làm đúng, xây dựng xã hội văn minh.

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Ngày 19 – 5 – 2022, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố và phát động thực hiện 6 quy tắc đạo đức doanh nhân Việt Nam gồm: Tạo giá trị cho xã hội; Tuân thủ pháp luật; Minh bạch, công bằng, liêm chính; Sáng tạo, hợp tác, cùng phát triển; Tôn trọng thiên nhiên, bảo vệ môi trường; Yêu nước, có trách nhiệm với xã hội và gia đình.

Theo em, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đưa ra các quy tắc đạo đức doanh nhân Việt Nam và phát động thực hiện nhằm mục đích gì?

KHÁM PHÁ

1. Quan niệm và biểu hiện của đạo đức kinh doanh

a) Quan niệm về đạo đức kinh doanh

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Mọi nhân viên trong Ngân hàng A đều được phổ biến và yêu cầu chấp hành nghiêm chuẩn mực đạo đức và quy tắc ứng xử trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng như: Tuân thủ mọi quy trình, quy định trong công tác chuyên môn, quy định của pháp luật, cẩn trọng và tận tâm với công việc; Liêm chính, giữ chữ tín với đối tác và khách hàng, có ý thức bảo mật thông tin; Chăm chỉ, chuyên cần, chủ động, sáng tạo, thích ứng trong công việc;... Ngân hàng cũng lấy đó làm cơ sở để kiểm điểm, đánh giá kết quả phấn đấu của mỗi nhân viên.

?

1/ Theo em, những chuẩn mực đạo đức trong hoạt động kinh doanh của nhân viên ngân hàng thể hiện những phẩm chất đạo đức cơ bản như thế nào?

2/ Những quy định này có tác dụng thế nào đối với các chủ thể trong kinh doanh?

Đạo đức kinh doanh là tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức cơ bản được biểu hiện cụ thể trong các lĩnh vực kinh doanh, có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn hành vi của các chủ thể trong kinh doanh.

b) Biểu hiện của đạo đức kinh doanh

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

1. Là một công ty chuyên sản xuất kinh doanh sản phẩm sữa, Công ty V luôn nỗ lực đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng nhằm mang đến giá trị dinh dưỡng tối ưu cho người tiêu dùng với nhiều biện pháp như: trang bị công nghệ tiên tiến, xây dựng hệ thống khép kín, tự động hoá hoàn toàn từ khâu chế biến đến đóng gói sản phẩm, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm,... Vì vậy, đã nhiều năm qua, công ty luôn nhận được giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng tin tưởng bình chọn.
2. Hoạt động sản xuất xi măng luôn tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm không khí, tác động tiêu cực đến sức khoẻ con người và môi trường tự nhiên. Vì vậy, Công ty sản xuất xi măng X luôn xác định phát triển kinh doanh phải gắn liền với bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi, sức khoẻ cho người lao động và cư dân địa phương. Công ty đã áp dụng nhiều sáng kiến, đầu tư hàng chục tỉ đồng để lắp đặt hệ thống lọc bụi, đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Những hành động thiết thực đó giúp công ty không những thành công trong sản xuất kinh doanh, mà còn được chính quyền và nhân dân địa phương đánh giá là đơn vị đi đầu trong công tác bảo vệ môi trường, góp phần giúp công ty phát triển bền vững, an toàn và ổn định.

1/ Đạo đức kinh doanh được biểu hiện như thế nào qua hoạt động của Công ty V và Công ty X?

2/ Em hãy nêu những biểu hiện khác của đạo đức kinh doanh mà em biết.

Đạo đức kinh doanh biểu hiện thông qua một số phẩm chất đạo đức trong kinh doanh:

- Trách nhiệm: hoàn thành tốt nhiệm vụ; tạo giá trị cho doanh nghiệp, cho xã hội, tuân thủ pháp luật, tôn trọng thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
- Trung thực: giữ chữ tín trong kinh doanh, công bằng, liêm chính.
- Nguyên tắc: thực hiện đúng quy định của đơn vị, đảm bảo bí mật.
- Tôn trọng con người, tôn trọng bảo đảm quyền lợi của nhân viên, tôn trọng khách hàng, tôn trọng đối thủ cạnh tranh.
- Gắn kết các lợi ích: gắn lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích của khách hàng và xã hội.

2. Vai trò của đạo đức kinh doanh

***Em hãy đọc** trường hợp, thông tin sau để trả lời câu hỏi:*

1. Chị Q là chủ một cửa hàng chuyên kinh doanh áo dài, phục vụ khách hàng trong và ngoài nước. Một lần, nhận được thông tin của người khách nước ngoài không hài lòng về chất lượng áo mới may ở cửa hàng, dù trời đã tối muộn, chị vẫn đến ngay khách sạn, gặp gỡ vị khách để giải quyết vướng mắc. Sau khi được hướng dẫn cách sử dụng sản phẩm, lại biết chị Q chính là chủ cửa hàng, người khách nước ngoài rất cảm kích. Bà đã viết bài giới thiệu, quảng bá cửa hàng của chị Q với những lời khen ngợi về chất lượng sản phẩm và sự tận tâm phục vụ khách hàng. Nhờ đó, cửa hàng của chị Q trở thành một thương hiệu uy tín, ngày càng có đông du khách nước ngoài đến đặt may và mua áo dài, doanh thu và lợi nhuận của cửa hàng ngày càng tăng.
2. Trong đại dịch COVID-19, nhiều công ty trong các khu công nghiệp đã thực hiện chính sách trợ cấp cho công nhân nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi và phụ nữ mang thai, cho vay tiêu dùng không tính lãi,... giúp hàng triệu gia đình công nhân vượt qua khó khăn, gắn bó với doanh nghiệp, cùng doanh nghiệp bắt tay vào phục hồi sản xuất ngay sau khi dịch được kiểm soát.

Các hành vi kinh doanh có đạo đức của các chủ thể kinh doanh trong những trường hợp, thông tin trên đã mang lại lợi ích gì cho doanh nghiệp, khách hàng, người lao động và xã hội?

Thực hiện tốt đạo đức kinh doanh góp phần điều chỉnh hành vi của chủ thể kinh doanh theo hướng tích cực, nâng cao chất lượng và uy tín doanh nghiệp, làm hài lòng khách hàng, đồng thời tạo nên sự vững mạnh của nền kinh tế.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào sau đây? Vì sao?

a. Đạo đức kinh doanh chỉ đề cập đến đối tượng là các chủ cơ sở kinh doanh.

b. Đạo đức kinh doanh tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh.

c. Đạo đức kinh doanh tạo ra sự cam kết và tận tâm với doanh nghiệp.

d. Đảm bảo đạo đức kinh doanh và thực hiện mục tiêu lợi nhuận luôn mâu thuẫn với nhau.

2. Em hãy cho biết hành vi của các chủ thể kinh doanh trong những trường hợp sau là phù hợp hay vi phạm chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Vì sao?

a. Công ty G đã sử dụng hàng nước ngoài kém chất lượng, dán tem hàng Việt Nam chất lượng cao để bán.

b. Cô X đã cung cấp thông tin bí mật về một công nghệ mới của công ty mình đang làm việc cho một đối tác để được nhận một khoản tiền.

c. Thấy các nguyên liệu để làm bánh kẹo đã quá hạn ghi trên bao bì, anh C đề nghị với Giám đốc xí nghiệp không sử dụng các nguyên liệu đó để sản xuất mặc dù hương vị vẫn thơm ngon, màu sắc vẫn hấp dẫn.

3. Em hãy cho biết vai trò của đạo đức kinh doanh trong các trường hợp dưới đây:

a. Phát hiện ra có lỗi trong chi tiết ở động cơ, doanh nghiệp ô tô thông báo thu hồi lại sản phẩm và bồi thường thoả đáng cho khách hàng.

b. Siêu thị H luôn thực hiện nghiêm ngặt kiểm soát chất lượng, truy soát nguồn gốc xuất xứ các hàng hoá nhập vào siêu thị.

c. Doanh nghiệp T hướng đến mô hình "sản xuất xanh".

VẬN DỤNG

1. Em hãy viết bài giới thiệu về một tấm gương đạo đức kinh doanh và nêu bài học rút ra từ tấm gương đó.
2. Em hãy viết bài bình luận về ý nghĩa của câu "Một lần bất tín, vạn lần bất tin" trong kinh doanh và chia sẻ với người thân trong gia đình và các bạn.

CHỦ ĐỀ 6

VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

Bài 8: VĂN HOÁ TIÊU DÙNG

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế.*
- *Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng.*
- *Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng.*
- *Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá.*
- *Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỞ ĐẦU

Văn hoá tiêu dùng là một bộ phận quan trọng của nền văn hoá dân tộc, thể hiện các giá trị văn hoá của con người Việt Nam, đã và đang có những tác động nhất định đến đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của cộng đồng. Xây dựng văn hoá tiêu dùng góp phần xây dựng một xã hội hiện đại, văn minh và hội nhập.

Em có suy nghĩ gì về câu nói "Người Việt Nam tiêu dùng hàng Việt Nam là sự thể hiện của lòng yêu nước và tự tôn dân tộc"?

KHÁM PHÁ

1. Vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiện nay, người tiêu dùng quan tâm đến việc tiêu dùng của mình có gây tổn hại đến môi trường, xã hội hay không (từ khâu chọn nguyên vật liệu, vận chuyển,

sản xuất đến thương mại, xử lí rác thải,...). Bản thân người lao động trong các công ty cũng là người tiêu dùng hiện đại, ngày càng có ý thức về bảo vệ môi trường. Họ mong muốn được làm việc ở những công ty được đánh giá là có đạo đức, tôn trọng con người và môi trường. Điều này khiến các doanh nghiệp cũng có xu hướng xây dựng chiến lược kinh doanh đẩy mạnh sản xuất xanh, tạo "thương hiệu xanh", thể hiện trách nhiệm xã hội trong việc bảo vệ môi trường,...

(*Khi phát triển xanh không chỉ là xu hướng*, Tạp chí Kinh tế Việt Nam, ngày 16 – 10 – 2022)

② Xã hội ngày càng phát triển và thu nhập của người dân càng tăng thì khả năng tiêu dùng hàng cao cấp cũng theo đó mà nhân lên cùng với sự đa dạng về chủng loại, tính chất và quy mô. Xu hướng này kích thích phát triển các phân khúc thị trường mới, khiến cơ cấu thị trường trong nước được cải thiện theo hướng đa dạng và đồng bộ hơn, làm tăng nhu cầu có khả năng thanh toán cao, do đó, tăng tính hấp dẫn thị trường đầu tư, tạo thêm công ăn việc làm cho xã hội, tăng thu ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, việc tiêu dùng hàng xa xỉ quá mức so với thu nhập là một biểu hiện của sự lãng phí. Bởi vậy, việc tiêu dùng hợp lí là điều rất đáng được quan tâm.

(*Tiêu dùng hợp lí*, Tạp chí Cộng sản, ngày 10 – 6 – 2010)

?

Qua các thông tin trên, em hãy cho biết sự thay đổi của tiêu dùng có tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội.

Tiêu dùng được ví như "đơn đặt hàng" của xã hội đối với sản xuất, là mục đích, động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Mỗi sự thay đổi tích cực của tiêu dùng đều góp phần phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

2. Khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng

a) *Khái niệm văn hoá tiêu dùng*

Em hãy đọc thông tin sau để trả lời câu hỏi:

Tết Nguyên đán của Việt Nam được ví như ngày hội mua sắm của người Việt. Không biết tự bao giờ, dịp Tết là khoảng thời gian người tiêu dùng sẵn sàng chi tiền vào nhóm sản phẩm cao cấp: quần áo, giày dép, thực phẩm, bánh kẹo, hoa quả, cây cảnh, đồ trang trí,... Một số mặt hàng có nhu cầu cao trong dịp Tết như: lương thực (gạo tẻ ngon, gạo nếp, đậu xanh,...), thực phẩm tươi sống (gà ta, thịt lợn, thịt bò,...) và bánh, mứt, kẹo, rượu, bia các loại, các loại đồ uống đóng hộp,... Truyền thống gói bánh chưng, bánh dày, chơi hoa, cây cảnh, bày mâm ngũ quả là những phong tục không thể thiếu trong ngày Tết của các gia đình Việt.

Hầu hết các chợ, siêu thị đều đóng cửa vào ngày mùng Một Tết nên những ngày trước Tết không khí mua sắm rất nhộn nhịp. Điều đặc biệt trong những ngày Tết là mọi người từ già, trẻ, gái, trai đều mặc những bộ áo dài truyền thống hay những bộ trang phục đẹp nhất cùng nhau đi chúc Tết.



1/ Qua thông tin trên, em hãy nêu những tập quán tiêu dùng của người Việt Nam trong dịp tết Nguyên đán. Những tập quán này tạo nên nét đẹp văn hoá gì của dân tộc Việt Nam?

2/ Em hãy kể một số tập quán, thói quen tiêu dùng có văn hoá của người Việt Nam mà em biết.

Văn hoá tiêu dùng là một bộ phận của văn hoá dân tộc, là những nét đẹp trong tập quán, thói quen tiêu dùng của cộng đồng và cả dân tộc được hình thành và phát triển theo thời gian, thể hiện các giá trị văn hoá của con người trong tiêu dùng.

b) Vai trò của văn hoá tiêu dùng

Em hãy đọc các thông tin sau kết hợp với những thông tin ở mục trên để trả lời câu hỏi:

❶ Chọn mua nhiều hơn các sản phẩm có yếu tố "xanh", lựa chọn các phương thức tiêu dùng bền vững, thân thiện với môi trường, sẵn sàng chi trả cho những sản phẩm có yếu tố "bền vững",... đang là những thay đổi tích cực của xu hướng tiêu dùng được nhiều doanh nghiệp nắm bắt.

Với giới trẻ, thay vì tiêu dùng kiểu "thời trang nhanh" (mua giá rẻ, thay đổi liên tục, loại bỏ nhiều), nhiều bạn đã chọn cách tái chế, tái sử dụng, thanh lí quần áo, phụ kiện thời trang để hạn chế việc bỏ đi các trang phục cũ – một loại rác thải tác động tiêu cực đến môi trường.

Xu hướng này là một phần lí do khiến nhiều hãng thời trang lớn trên toàn cầu thực hiện các chương trình như đổi cũ – lấy mới, hoặc nhận lại đồ cũ từ khách hàng để tái chế hoặc tái sử dụng, giúp kéo dài vòng đời của quần áo, từ đó giảm thiểu lượng rác thải khổng lồ của ngành công nghiệp thời trang ra môi trường.

(Lan Anh, *55% người tiêu dùng chọn tính bền vững là yếu tố rất quan trọng khi lựa chọn thương hiệu*, Tạp chí Kinh tế Việt Nam, ngày 14 – 9 – 2022)

❷ Văn hoá tiêu dùng là tập hợp các hành vi tiêu dùng thể hiện ở mọi lúc, mọi nơi, bị chi phối bởi việc tiêu dùng các sản phẩm thương mại. Nó còn là truyền thống chuyển tải các giá trị văn hoá, các chuẩn mực hiện hành và các tập quán, hành động từ thế hệ này sang thế hệ khác, chủ yếu được thực hiện thông qua các

lựa chọn cá nhân trong cuộc sống hằng ngày, thúc đẩy nền kinh tế bằng cách khuyến khích mọi người tiêu dùng hàng hoá vật chất và hàng hoá tinh thần.

(Lê Thị Trang, *Văn hoá tiêu dùng – một góc nhìn lý luận*, Tạp chí Lý luận chính trị, ngày 24 – 10 – 2017)

1/ Qua các thông tin trên, em hãy cho biết xu hướng tiêu dùng xanh, tiêu dùng hợp lí và bền vững có tác động như thế nào đến chiến lược sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và sự phát triển bền vững của xã hội.

2/ Văn hoá tiêu dùng có tác động như thế nào tới sự phát triển văn hoá dân tộc?

Văn hoá tiêu dùng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội:

- Là cơ sở giúp cho các doanh nghiệp đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp, tạo được ấn tượng, thiện cảm đối với người tiêu dùng để đạt được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Là cơ sở duy trì tiêu dùng bền vững, góp phần tạo nên những sắc thái văn hoá ngày càng phong phú, đa dạng của cộng đồng, dân tộc.
- Không chỉ tác động đến hoạt động kinh tế mà còn có ý nghĩa xã hội sâu sắc: làm thay đổi phong cách tiêu dùng, tác phong lao động của con người, góp phần hình thành tư duy chiến lược trên phạm vi rộng lớn, gắn bó chặt chẽ giữa phát triển sản xuất và tiêu dùng trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

3. Đặc điểm văn hoá tiêu dùng Việt Nam và biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng

a) Đặc điểm văn hoá tiêu dùng Việt Nam

Em hãy đọc các thông tin và quan sát hình ảnh sau để trả lời câu hỏi:

❶ Trước đây, sống trong môi trường rủi ro và tự cấp, tự túc, người Việt hình thành tính cách cần cù, chăm chỉ đi đôi với tiết kiệm. Dù nền kinh tế thị trường đã hình thành và phát triển ở Việt Nam nhiều năm nhưng văn hoá tiết kiệm vẫn còn thể hiện khá rõ trong quá trình tiêu dùng của người dân, đặc biệt là cư dân ở nông thôn.

(Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Nguyệt Minh Thu, *Văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Khoa học xã hội, 2021, tr. 16)

❷ Người Việt hiện nay đang dần văn minh hoá lối sống tiêu dùng theo tầm nhìn và thị hiếu của xã hội công nghiệp. Văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam đang có sự dịch chuyển về cơ cấu tiêu dùng theo xu hướng giảm tỉ trọng nhu cầu vật chất

tối thiểu, dịch chuyển sang những loại hàng hoá hợp thị hiếu và chất lượng cao, dịch chuyển trong tần suất và phương thức mua sắm thiết yếu và tăng tỉ trọng cho nhu cầu tinh thần. Văn hoá tiêu dùng đã và đang có những tác động tích cực đến các lĩnh vực đời sống kinh tế – xã hội, thúc đẩy nền kinh tế bằng cách khuyến khích mọi người tiêu dùng hàng hoá, góp phần xây dựng xã hội hiện đại nhưng không tách rời nền tảng bản sắc và các giá trị truyền thống, hội nhập với thế giới trong bối cảnh ngày nay.

(Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Nguyệt Minh Thu, *Văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Khoa học xã hội, 2021, tr. 231)



1/ Các thông tin và hình ảnh trên thể hiện những đặc điểm gì trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam?

2/ Em hãy kể các đặc điểm khác của văn hoá tiêu dùng Việt Nam mà em biết.

- Văn hoá tiêu dùng người Việt đương đại vừa trân trọng kế thừa nét đẹp truyền thống vừa không ngừng đổi mới, nỗ lực hoàn thiện để có thể hội nhập sâu hơn với văn hoá tiêu dùng toàn cầu.
- Văn hoá tiêu dùng Việt Nam gắn với sự lên ngôi của yếu tố chất lượng. Giá trị con người ngày càng được nâng cao. Tiêu dùng xanh, tiêu dùng sạch, tiêu dùng số, tiêu dùng thông minh và có trách nhiệm ngày càng chiếm ưu thế trở thành một xu hướng phát triển của xã hội.
- Văn hoá tiêu dùng của người Việt Nam có tính di động cao, được hình thành trên cơ sở đa dạng về văn hoá song đều hướng theo trào lưu những giá trị mới. Đó là những giá trị tích cực tạo nên một bề dày trên cơ sở những giá trị truyền thống vẫn còn phù hợp cho tới ngày nay.
- Văn hoá tiêu dùng Việt Nam đang dần được định hình theo hướng tin tưởng đối với những hàng hoá trong nước thể hiện sự ưu tiên và tôn vinh hàng Việt.

b) Những biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

1. Năm 2009, để xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt và thúc đẩy sản xuất những sản phẩm có chất lượng, sức cạnh tranh cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng

trong nước và xuất khẩu, hướng đến sự phát triển bền vững của nền kinh tế, Bộ Công Thương đã phát động cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Trong suốt 10 năm thực hiện, cuộc vận động đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của cộng đồng doanh nghiệp cũng như đông đảo người dân trong cả nước và đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, tạo tiền đề để triển khai hiệu quả cuộc vận động trong những năm tiếp theo.

(Bích Ngọc, *10 năm thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*, Tạp chí Con số và Sự kiện, ngày 12 – 12 – 2019)

② Sở Công thương tỉnh H vừa tổ chức hội chợ "Hàng Việt Nam chất lượng cao". Hội chợ đã có rất nhiều người dân trong khu vực và các tỉnh lân cận đến tham dự. Ai cũng háo hức đi thăm các gian hàng giới thiệu các mặt hàng nông sản của các vùng. Là một sinh viên du học tại Anh về nghỉ Tết, anh T rất quan tâm đến các gian hàng thủ công, mĩ nghệ, say sưa ngắm các bức tranh thêu truyền thống, những chiếc áo thổ cẩm,... Anh T rất yêu thích và cảm thấy tự hào về các sản phẩm truyền thống nên đã mua rất nhiều để làm quà tặng cho các bạn nước ngoài khi quay trở lại nước Anh học tập.

?

1/ Qua các thông tin trên, em hãy cho biết cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" nhằm mục đích gì.

2/ Để xây dựng văn hoá tiêu dùng, Nhà nước, các doanh nghiệp và mỗi người dân cần phải làm gì?

3/ Em hãy nêu một số giải pháp khác góp phần xây dựng văn hoá tiêu dùng.

Để xây dựng văn hoá tiêu dùng cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp:

- Nhà nước cần có chủ trương, chính sách kinh tế, văn hoá phù hợp cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất và thị trường trong nước, thực hiện triệt để Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- Các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động chiến lược sản xuất kinh doanh, đón đầu nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng mới của người Việt Nam, hướng tới sản xuất sản phẩm bảo đảm các yếu tố xanh, sạch, bền vững phù hợp với xu hướng toàn cầu.
- Giáo dục nhân dân thay đổi nhận thức và hành động vì cộng đồng hướng tới những giá trị cốt lõi, bền vững. Phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào và tự tôn dân tộc trong tiêu dùng để xây dựng văn hoá tiêu dùng hàng Việt. Xây dựng thói quen tiêu dùng thông minh, thân thiện với môi trường.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. Thực hiện hành vi tiêu dùng có văn hoá

Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Chị H luôn chủ động lập kế hoạch chi tiêu, tiếp cận kĩ lưỡng thông tin về sản phẩm, lựa chọn hàng hoá một cách hợp lí, tốt cho sức khoẻ, phù hợp với điều kiện của bản thân và gia đình để thu được lợi ích tối đa từ sản phẩm. Đặc biệt, chị luôn ưu tiên chọn sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao mỗi khi mua sắm.

❷ Là người thích đi du lịch và khám phá các vùng miền, anh C đã đặt chân tới nhiều tỉnh thành trên cả nước. Anh được ngắm trang phục của người H'Mông và thưởng thức món gà nướng nóng hổi giữa núi rừng Y Tý ở Lào Cai; được đi chợ nổi Cái Răng ở Cần Thơ; thưởng thức món mì Quảng cay nóng và những trái cây tươi ngon giữa những miệt vườn Nam Bộ;... Anh đã viết cuốn sách về du lịch để giới thiệu với bạn bè quốc tế khi đến Việt Nam. Nội dung cuốn sách là các món ăn truyền thống, địa điểm du lịch đẹp, trang phục đặc trưng của các dân tộc,... ở các địa phương trong cả nước.

?

1/ Các trường hợp trên cho thấy người Việt Nam đang thực hiện văn hoá tiêu dùng như thế nào?

2/ Em đã thực hiện những hành vi tiêu dùng có văn hoá như thế nào?

- Để thực hiện văn hoá tiêu dùng, người tiêu dùng cần có kế hoạch chi tiêu, thực hiện tiêu dùng hợp lí, phù hợp với điều kiện cá nhân và xã hội.
- Thực hiện tiêu dùng thông minh, tiêu dùng xanh và sạch, tiêu dùng số, tiêu dùng có trách nhiệm, định hướng các nhà sản xuất tạo ra các sản phẩm phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc và bảo vệ được sức khoẻ của con người, bảo vệ được môi trường sống.
- Mỗi người tiêu dùng Việt Nam cần có trách nhiệm trong quá trình xây dựng văn hoá tiêu dùng của người Việt, hưởng ứng cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" nhằm bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, đồng thời mở rộng giao lưu, quảng bá và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những quan điểm nào sau đây? Vì sao?

a. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

b. Dùng hàng hiệu mới thể hiện được phong cách và giá trị bản thân.

c. Muốn phát triển, doanh nghiệp cần phải nghiên cứu văn hoá tiêu dùng.

d. Người tiêu dùng thông minh là người có lựa chọn hợp lí cho các sản phẩm tiêu dùng trên thị trường.

2. Em hãy cho biết các hành vi tiêu dùng sau đây có phải là tiêu dùng có văn hoá không. Giải thích vì sao.

a. Khi đi du lịch, chị M thường mua các sản phẩm của địa phương về làm quà cho những người thân trong gia đình.

b. Bà Y có thói quen chỉ dùng các loại hoá mĩ phẩm nhập khẩu.

c. Chị B chơi với một nhóm bạn người nước ngoài. Chị thường nấu các món ăn dân dã của người Việt để giới thiệu với các bạn.

3. Em hãy đọc tình huống sau để trả lời câu hỏi:

Bạn Q có thói quen sử dụng các loại thức ăn nhanh vì cho rằng rất tiện lợi và ngon miệng.

– Em có nhận xét gì về hành vi tiêu dùng này của bạn Q?

– Nếu là bạn thân của Q, em sẽ nói gì với bạn về thói quen này?

VẬN DỤNG

1. Em hãy viết bài hoặc vẽ tranh, gửi thông điệp tuyên truyền "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

2. Em hãy viết bài giới thiệu nét đẹp một hành vi tiêu dùng có văn hoá của người Việt và chia sẻ với thầy cô, bạn bè.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần hai

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT



CHỦ ĐỀ 7

QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

Bài 9: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRƯỚC PHÁP LUẬT

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí).*
- *Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội.*
- *Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.*
- *Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỞ ĐẦU

Quyền bình đẳng là một quyền cơ bản của con người, được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận. Không ai bị phân biệt đối xử trước pháp luật. Ai cũng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau và được pháp luật bảo vệ như nhau.

Em hãy chia sẻ suy nghĩ của mình về câu nói của Bác Hồ "Không được bắt luật pháp dành quyền ưu tiên riêng cho mình".

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật

a) Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 16.

1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội.

Điều 46.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Điều 47.

Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.

EM CÓ BIẾT?

Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật được hiểu là công dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, nghề nghiệp, độ tuổi,... trước pháp luật đều được đối xử ngang bằng nhau, có cơ hội như nhau, không ai bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ công dân và phải chịu trách nhiệm pháp lí khi vi phạm pháp luật.

❷ Trong đợt tuyển quân vừa qua ở địa phương Đ, thanh niên nam, nữ thuộc các dân tộc khác nhau đều tình nguyện đăng kí nghĩa vụ quân sự.

❸ Bà M có một con riêng và một con chung với ông C. Họ sống yên vui, luôn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không phân biệt con chung, con riêng. Ông bà cùng qua đời do tai nạn giao thông và không để lại di chúc, nên người con chung đòi hưởng thừa kế toàn bộ số tài sản của bà M và ông C để lại (ông C, bà M không có tài sản riêng và bố mẹ của ông bà đều đã chết), người con riêng không đồng ý và đòi chia đều số tài sản nói trên cho cả hai người nên đã nộp đơn khởi kiện và Toà án đã ra quyết định phân chia số tài sản mà bà M và ông C để lại cho cả hai người con bằng nhau.

❹ Nhà A có ba mẹ con, gồm mẹ, anh trai đang học đại học và A (con gái) đang học trung học phổ thông. Thời gian gần đây, mẹ đau ốm nhiều nên kinh tế gia đình bị giảm sút, A xin mẹ cho nghỉ học để phụ mẹ bán hàng tăng thu nhập cho gia đình, tạo điều kiện cho anh trai tiếp tục học hết đại học. Mẹ không đồng ý và yêu cầu A tiếp tục đi học.

❺ Thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy ở thành phố N không phân biệt người già hay trẻ, nam hay nữ đều đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách, luôn chấp hành đúng hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ.

?

1/ Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ pháp lí được thể hiện như thế nào ở mỗi thông tin, trường hợp trên?

2/ Em hãy nêu một số quy định pháp luật thể hiện công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ pháp lí, cho ví dụ minh hoạ.

Mọi công dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội, độ tuổi,... nếu có đủ các điều kiện theo quy định của Hiến pháp, pháp luật thì đều được hưởng các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lí mà Hiến pháp, pháp luật đã quy định.

b) Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 3. Nguyên tắc xử lí (trích)

1. Đối với người phạm tội:

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội;

c) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;

❷ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự (trích)

5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

❸ Luật Xử lí vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, năm 2025)

Điều 3. Nguyên tắc xử lí vi phạm hành chính (trích)

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính bao gồm:

a) Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lí nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

b) Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật;

❹ Tại một ngã tư giao thông, ông A (nhân viên) và ông B (thủ trưởng) cùng làm tại một cơ quan, do mải nói chuyện, không chú ý nên cả hai đã điều khiển xe máy vượt đèn đỏ và đều bị Cảnh sát giao thông xử phạt vi phạm hành chính.

❺ Ông P làm nghề nhuộm vải, còn ông Q làm nghề tái chế kim loại nhôm. Cả hai ông đều xả nước thải chưa qua xử lí ra sông, gây ô nhiễm môi trường, làm chết toàn bộ số cá đang nuôi trong lồng bè của ông K. Cơ quan có thẩm quyền đã buộc ông P và ông Q phải chấm dứt hành vi xả thải và đều phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại mà họ đã gây ra cho ông K theo quy định của pháp luật.

❻ Ông V (62 tuổi) và anh M (18 tuổi) đang vận chuyển trái phép chất ma tuý, thì bị Công an bắt. Khi xét xử, Toà án quyết định: anh M bị phạt 9 năm tù, còn ông V bị phạt 12 năm tù.

1/ Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí được thể hiện như thế nào ở mỗi thông tin, trường hợp trên?

2/ Ở trường hợp 4, theo em để bảo đảm quyền bình đẳng của công dân thì số tiền mà ông A và ông B phải nộp phạt sẽ giống nhau hay khác nhau? Vì sao?

3/ Em hãy nêu một số quy định pháp luật thể hiện công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí và cho ví dụ minh hoạ.

Mọi công dân không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội,... nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì đều bị xử lí theo quy định của pháp luật.

2. Ý nghĩa quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật đối với đời sống con người và xã hội

***Em hãy đọc** các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:*

1. Chị V là người dân tộc thiểu số, sống ở xã vùng cao thuộc tỉnh C. Nhờ nỗ lực học tập, phấn đấu, chị đã được bầu làm đại biểu Quốc hội khoá XV. Với tư cách là đại biểu Quốc hội, chị đã có nhiều ý kiến, kiến nghị về chính sách phát triển kinh tế – xã hội, đặc biệt là đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, miền núi, góp phần xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân.
2. Anh A là người khuyết tật bị liệt cả hai chân, anh phải di chuyển trên xe lăn. Bằng sự nỗ lực, cố gắng của bản thân và sự giúp đỡ của mọi người, anh A đã được đến trường học như các bạn khác. Tốt nghiệp phổ thông, anh thi đỗ vào trường đại học, ra trường anh xin vào làm tại một trung tâm công nghệ thông tin. Nhiệt tình, sáng tạo trong công việc nên anh luôn được mọi người yêu mến, kính trọng.
3. Nhà nước đã ban hành và thực hiện chính sách miễn, giảm học phí cho những sinh viên là người dân tộc thiểu số và những sinh viên có gia đình sinh sống ở vùng núi, những khu vực đặc biệt khó khăn để giúp họ có điều kiện học tập tốt hơn.

1/ Em hãy cho biết việc thực hiện tốt quyền bình đẳng của công dân đã mang lại những lợi ích gì cho bản thân chị V, anh A và xã hội?

2/ Việc Nhà nước ban hành và thực hiện một số chính sách ưu tiên đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số có ý nghĩa như thế nào trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

3/ Theo em, nếu không quy định quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật thì sẽ dẫn đến những hậu quả gì cho công dân và cho xã hội?

Việc quy định quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là tôn trọng sự khác biệt giữa các công dân, không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá, xã hội, tạo điều kiện để mỗi người, nhất là những người yếu thế có điều kiện phát triển, vươn lên, làm cho xã hội đoàn kết, dân chủ, công bằng, mọi người đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ của mọi công dân, không phân biệt người lớn hay trẻ em.

b. Mọi công dân khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền kinh doanh.

c. Trẻ em không có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.

d. Mỗi người sinh ra và lớn lên trong những điều kiện khác nhau nên không thể bình đẳng với nhau.

2. Em hãy nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của các chủ thể sau:

a. Anh M năm nay đủ 18 tuổi nhưng cán bộ xã T đã không ghi tên vào danh sách cử tri để anh tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp với lí do anh M không đọc thông, viết thạo tiếng Việt.

1/ Hành vi của cán bộ xã T là thực hiện đúng hay vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật? Vì sao?

2/ Trong trường hợp này, anh M cần làm gì để thực hiện quyền bình đẳng của mình?

b. Anh V là người tỉnh A đã theo học nghề làm gốm sứ tại làng nghề gốm truyền thống thuộc tỉnh B. Dựa vào kiến thức, kinh nghiệm và biết áp dụng công nghệ vào sản xuất, quảng bá sản phẩm, nắm bắt nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, anh V đã mở xưởng sản xuất riêng tại tỉnh B, thu hút nhiều lao động của tỉnh B vào làm việc, giúp người dân nơi đây thoát nghèo. Những người đã từng dạy nghề làm gốm sứ cho anh V buộc phải thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh để có thể cạnh tranh với anh V và cùng tồn tại, phát triển ngay trên quê hương của mình.

Việc anh V mở xưởng sản xuất tại tỉnh B có phải là thực hiện quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực kinh tế không? Vì sao?

c. G và N cùng tốt nghiệp trung học phổ thông. G dự thi và trúng tuyển vào hệ chính quy của Trường Đại học B, còn N đi làm công nhân tại Nhà máy X, sau đó dự thi và trúng tuyển vào hệ vừa học vừa làm cũng của Trường Đại học B. Sau những năm miệt mài học tập, cả hai đều tốt nghiệp Trường Đại học B và cùng làm việc tại Nhà máy X.

1/ Quyền bình đẳng trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục được G và N thực hiện như thế nào?

2/ Việc G và N cùng làm việc tại Nhà máy X có thể hiện sự bình đẳng của công dân không? Vì sao?

d. Bà U kinh doanh mặt hàng điện máy, ông Y kinh doanh vật liệu xây dựng. Cả hai cùng trốn thuế nên đã bị cơ quan có thẩm quyền truy thu thuế và xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Việc cơ quan có thẩm quyền truy thu thuế và xử phạt hành chính đối với bà U và ông Y có thể hiện sự bình đẳng về nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí của công dân trước pháp luật không? Vì sao?

3. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Từ ngày được bổ nhiệm làm Giám đốc công ty và có thu nhập cao nên bố của T yêu cầu mẹ của T dừng công việc giảng dạy tại trường trung học phổ thông và ở nhà để chăm lo việc gia đình. Mẹ của T không đồng ý.

1/ Theo em, yêu cầu của bố T có vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật không? Vì sao?

2/ Theo em, để đảm bảo bình đẳng về nghĩa vụ trong gia đình, bố của T cần phải làm gì?

3/ Nếu là T, em sẽ giải thích cho bố như thế nào?

b. Nhà P có hai anh em. P đang học Trường Đại học G (theo đúng nguyện vọng của bản thân), còn người em gái của P có nguyện vọng học trường đại học thể dục – thể thao vì rất thích đá bóng, nhưng bố mẹ P không đồng ý và yêu cầu em phải thi vào trường đại học sư phạm để tiếp nối truyền thống của gia đình.

1/ Theo em, bố mẹ P có vi phạm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật không? Vì sao?

2/ Nếu là P hoặc là em gái của P, em sẽ giải thích với bố mẹ như thế nào?

4. Hãy chia sẻ những việc mà em và người thân đã làm để thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.

VẬN DỤNG

Em hãy cùng các bạn trong nhóm xây dựng và thực hiện kịch bản có nội dung phản ánh những vấn đề sau:

– Tôn trọng và bảo vệ quyền bình đẳng trong học tập, vui chơi của trẻ em.

– Không phân biệt đối xử với người nghèo, người khuyết tật.

BÀI 10: BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG CÁC LĨNH VỰC

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới.*
- *Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống của con người và xã hội.*
- *Đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.*
- *Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giới.*

MỞ ĐẦU

Bình đẳng giới là sự bình đẳng giữa nam và nữ trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, trong gia đình,... Việc thực hiện bình đẳng giới đã mang lại những thay đổi tích cực trong đời sống của mỗi giới, mỗi gia đình, tạo cơ hội cho sự phát triển của mỗi công dân cũng như sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.

Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp về những việc làm của các thành viên trong gia đình em thể hiện được sự bình đẳng giới.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực

a) Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 11. Bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị (trích)

1. Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lí nhà nước, tham gia hoạt động xã hội.

2. Nam, nữ bình đẳng trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp.

② Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 18 – 12 – 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới

Điều 6. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến chính trị (trích)

1. Phạt tiền từ 2 000 000 đồng đến 3 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp vì định kiến giới;

③ Báo cáo của Hội đồng bầu cử quốc gia cho biết: nữ đại biểu Quốc hội khoá XV là 151/499 đại biểu, chiếm 30,26%. Đối với nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kì 2021 – 2026: cấp tỉnh có 1 079/3 721 đại biểu, chiếm 29%; cấp huyện có 6 584/22 550 đại biểu, chiếm 29,2%; cấp xã có 69 487/239 788 đại biểu, chiếm 28,985%.

(Hội đồng bầu cử quốc gia, *Báo cáo Tổng kết cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kì 2021 – 2026*, ngày 14 – 7 – 2021)

④ Khi biết chị M được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, ông N cho rằng chị là phụ nữ, không có đủ trình độ, năng lực để trở thành đại biểu Hội đồng nhân dân nên đã nhiều lần tung tin đồn chị M có hành vi dùng tiền chạy để được đưa vào danh sách ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

?

1/ Từ thông tin 3, em có nhận xét gì về việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở nước ta?

2/ Ở trường hợp 4, theo em hành vi của ông N có vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị không? Hậu quả mà ông N có thể phải chịu trách nhiệm khi thực hiện hành vi này là gì? Vì sao?

3/ Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị ở nước ta hiện nay.

b) Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

① Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 12. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế (trích)

1. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lí doanh nghiệp, bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường và nguồn lao động.

② Bố mẹ A đều là doanh nhân. Cả hai đều thành đạt trong lĩnh vực kinh doanh riêng của mình nhưng ông bà nội của A muốn mẹ A nghỉ kinh doanh để chăm lo việc nhà.

?

1/ Theo em, mong muốn của ông bà nội A có phù hợp với quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế không? Vì sao?

2/ Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn về bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế ở nước ta hiện nay.

c) Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 13. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động (trích)

1. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

2. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các ngành, nghề có tiêu chuẩn chức danh.

❷ Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 90. Tiền lương (trích)

3. Người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau.

❸ Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 18 – 12 – 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới

Điều 8. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến lao động (trích)

2. Phạt tiền từ 10 000 000 đồng đến 15 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

d) Từ chối tuyển dụng hoặc tuyển dụng hạn chế người lao động thuộc một giới tính nhất định.

❹ Trường Mầm non dân lập B có nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo, tăng thêm số lớp học trong trường. Để đáp ứng nhu cầu này, nhà trường đã thông báo tuyển dụng thêm giáo viên. Trong thông báo tuyển dụng ghi rõ: Nhà trường chỉ tuyển dụng giáo viên nữ.

?

1/ Em hãy cho biết, nội dung quy định tại khoản 3 Điều 90 Bộ luật Lao động năm 2019 nhằm mục đích gì? Vì sao?

2/ Thông báo tuyển dụng giáo viên của Trường Mầm non dân lập B có vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động không? Trường Mầm non dân lập B có thể phải chịu hậu quả gì về hành vi này? Vì sao?

3/ Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn về bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động ở nước ta hiện nay.

d) Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 14. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo (trích)

1. Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng.

2. Nam, nữ bình đẳng trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo.

3. Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

❷ Luật Giáo dục năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân (trích)

1. Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

❸ Số lao động nam của Công ty X ít hơn số lao động nữ. Với mục đích nâng cao tay nghề cho người lao động, công ty đã tổ chức một cuộc thi nhằm tuyển chọn 15 người để cử đi tu nghiệp tại nước ngoài theo mức điểm từ cao xuống thấp. Dựa trên kết quả cuộc thi, công ty đã quyết định cử 15 người trúng tuyển ra nước ngoài học tập, trong đó có 9 người là nam và 6 người là nữ.

?

1/ Nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Giáo dục năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đề cập đến vấn đề gì?

2/ Theo em, trong trường hợp 3, việc tổ chức thi tuyển và cử người đi tu nghiệp tại nước ngoài của Công ty X có phù hợp với quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo không? Vì sao?

3/ Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay.

e) Bình đẳng giới trong gia đình

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Bình đẳng giới năm 2006

Điều 18. Bình đẳng giới trong gia đình

1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

2. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình.

3. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.

4. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.

5. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.

2. Ông M là chủ doanh nghiệp tư nhân. Do cần thêm vốn để mở rộng sản xuất kinh doanh nên ông muốn chuyển nhượng quyền sử dụng một phần đất ở của gia đình. Ông đã bàn bạc với vợ về việc này nhưng vợ ông không đồng ý vì cho rằng giá bán quá rẻ. Ông cho biết sẽ kiên trì thuyết phục và chỉ chuyển nhượng khi có sự đồng thuận của cả hai vợ chồng.

3. Hai vợ chồng anh T đều làm việc trong các cơ quan nhà nước. Sau mỗi ngày làm việc, anh T thường đi tập thể thao và giao lưu với bạn bè đến khuya mới về, còn vợ anh phải đảm nhiệm toàn bộ việc đưa, đón con đi học và lo công việc nội trợ.

?

1/ Theo em, trong các trường hợp 2, 3, ai là người thực hiện đúng, ai là người vi phạm quy định về bình đẳng giới trong gia đình? Vì sao?

2/ Hãy kể những việc mà em và người thân đã làm để thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình.

Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.

- Trong lĩnh vực chính trị: Nam, nữ bình đẳng trong tham gia quản lí nhà nước, tham gia hoạt động xã hội; trong việc tự ứng cử và được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, vào cơ quan lãnh đạo của các tổ chức khác.
- Trong lĩnh vực kinh tế: Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập doanh nghiệp, tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lí doanh nghiệp, tiếp cận thông tin, nguồn vốn, thị trường,...
- Trong lĩnh vực lao động: Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng, được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác,...
- Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Nam, nữ bình đẳng về độ tuổi đi học, đào tạo, bồi dưỡng; trong việc lựa chọn ngành, nghề học tập, đào tạo; trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo;...
- Trong gia đình: Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và

quyết định các nguồn lực trong gia đình; con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển; các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình;...

Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới như: bảo đảm tỉ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động,... không bị coi là phân biệt đối xử về giới.

2. Ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống của con người và xã hội

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Báo cáo rà soát tình hình thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 cho rằng bình đẳng giới đã mang lại những thay đổi tích cực ở các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ và các lĩnh vực khác. Trong giai đoạn này, "Lần đầu tiên có 3 nữ uỷ viên Bộ Chính trị, nữ Chủ tịch Quốc hội. Phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế và có nhiều cơ hội để có những việc làm tốt, mang lại thu nhập cao hơn. Về giáo dục, tỉ lệ nhập học của trẻ em trai và trẻ em gái ở bậc tiểu học và trung học đều cao và cân đối". Trong lĩnh vực y tế thì: "Ngành y tế chỉ đạo các Sở Y tế, các đơn vị trực thuộc phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho phụ nữ và nam giới" và "Nhiều bệnh viện ở trung ương và địa phương đã hình thành khoa nam học và tăng cường đào tạo bác sĩ chuyên khoa nam học để mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khoẻ sinh sản cho nam giới".

(Australia Aid – Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – UN WOMEN, *Báo cáo rà soát tình hình thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020*, xuất bản bởi UN Women, Hà Nội – 2021)

❷ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải chiếm ít nhất ba mươi lăm phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

?

1/ Ở thông tin 1, việc thực hiện bình đẳng giới đã mang lại những kết quả gì đối với đời sống của con người và xã hội?

2/ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là nhằm mục đích gì? Vì sao?

Bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống gia đình và xã hội sẽ bảo đảm cho nam, nữ có cơ hội cùng có tiếng nói chung, cùng tham gia và có vị trí, vai trò ngang nhau trong việc quyết định các vấn đề chung của đất nước, địa phương, cơ quan, tổ chức cũng như mỗi gia đình; mang lại những thay đổi tích cực trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ và các lĩnh vực khác của xã hội.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình với ý kiến của C hay T trong trường hợp dưới đây? Vì sao?

Trong buổi thảo luận nhóm về các nội dung liên quan đến bình đẳng giới, B nêu ý kiến: Theo các bạn, chúng mình có thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bằng cách nào?

– C nói: Mình cho rằng các bạn nam có thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bằng cách phụ giúp bố mẹ kiếm tiền để chăm lo cho gia đình, còn các bạn nữ thì có thể thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bằng cách giúp mẹ làm công việc nội trợ.

– T nói: Theo mình, dù là nam hay nữ thì chỉ cần chia sẻ công việc gia đình với ông bà, bố mẹ phù hợp với năng lực của mỗi người là đã thực hiện pháp luật về bình đẳng giới rồi.

2. Em hãy cho biết mỗi biện pháp được nêu trong các thông tin dưới đây nhằm thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực nào. Vì sao?

a. Bảo đảm tỉ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới.

b. Quy định tỉ lệ nam, nữ được tuyển dụng lao động.

c. Quy định tỉ lệ nam, nữ tham gia học tập, đào tạo.

d. Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật.

3. Em hãy cho biết quy định pháp luật dưới đây được ban hành nhằm xử phạt chủ thể vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực nào. Vì sao?

Khoản 3, 4 Điều 9 Nghị định số 125/2021/NĐ-CP ngày 18 – 12 – 2021 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới quy định:

"3/ Phạt tiền từ 2 000 000 đồng đến 3 000 000 đồng đối với hành vi vận động, ép buộc người khác nghỉ học vì lí do giới tính.

4/ Phạt tiền từ 5 000 000 đồng đến 10 000 000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận động, ép buộc có tổ chức nhiều người nghỉ học vì lí do giới tính;

b) Từ chối tuyển sinh đối với người có đủ điều kiện vào các khoá đào tạo, bồi dưỡng vì lí do giới tính hoặc do việc mang thai, sinh con, nuôi con nhỏ."

4. Em hãy nhận xét hành vi của các chủ thể trong những trường hợp sau:

a. T có một em gái, mẹ là giáo viên và bố là doanh nhân. Hằng ngày, mọi công việc trong nhà đều do mẹ và em gái đảm nhận. Chỉ những ngày kỉ niệm Quốc tế Phụ nữ 8 – 3 hay thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20 – 10, bố và T mới bàn nhau mua hoa, tặng quà và chia sẻ việc nhà với mẹ và em gái.

Hành vi của T và bố T có phù hợp với quy định của pháp luật về bình đẳng giới không? Vì sao?

b. Bố A làm việc trong một công ty may mặc. Bố rất yêu thương, quan tâm, chăm sóc cho A và em gái. Bố thường xuyên nhắc nhở A không được bắt nạt em và cùng bố mẹ làm những công việc nội trợ trong nhà.

Hành vi của bố A có thực hiện đúng pháp luật về bình đẳng giới không? Vì sao?

c. Công ty D tuyển nhân viên làm lái xe taxi. Chị K đến nộp hồ sơ dự tuyển nhưng bị Công ty từ chối với lí do chị là nữ, làm việc một thời gian rồi sinh con, nuôi con nhỏ sẽ ảnh hưởng đến công việc.

Việc Công ty D từ chối nhận hồ sơ dự tuyển của chị K có vi phạm pháp luật về bình đẳng giới không? Vì sao?

5. Em hãy nêu hướng giải quyết các tình huống sau:

a. C có bố là bác sĩ và mẹ là doanh nhân. Mặc dù công việc ở bệnh viện khá bận rộn nhưng khi về nhà, bố C thường chia sẻ việc nhà với vợ, con. Khi thấy bố C rửa bát, lau nhà, giặt quần áo, bà nội của C không hài lòng vì cho rằng đó không phải là công việc của nam giới.

Nếu là C, em sẽ thuyết phục bà nội như thế nào để bà có thể đồng tình và ủng hộ việc làm của bố?

b. Bố mẹ M muốn mua một căn hộ mới rộng rãi và tiện nghi hơn nhưng bố thì thích căn hộ trong khu đô thị còn mẹ lại muốn ở khu dân cư ngoài phố. Mẹ M dự định sẽ tự mua nhà theo ý mình mà không cần sự đồng thuận của bố.

Nếu là M, em sẽ thuyết phục mẹ như thế nào để bảo đảm thực hiện đúng pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình?

c. Gia đình H là người dân tộc thiểu số theo chế độ mẫu hệ. Khi chị gái H kết hôn thì anh rể về sống cùng với gia đình H. Sau khi chung sống được 10 năm thì chồng chị H đề nghị li hôn. Trong phiên toà xử li hôn, Toà án đã ra bản án tuyên bố mẹ H phải chia cho anh rể H một phần tài sản thuộc tài sản chung của gia đình tương xứng với công sức đóng góp của anh cho gia đình trong 10 năm. Tuy nhiên, khi anh rể H yêu cầu được chia tài sản thì bố mẹ H kiên quyết không chia vì cho rằng theo luật tục, anh rể H là người chủ động xin li hôn nên không được chia tài sản.

Nếu là H, em sẽ thuyết phục bố mẹ như thế nào để bố mẹ thực hiện đúng bản án của Toà án nhân dân?

VẬN DỤNG

Viết bài chia sẻ một việc làm cụ thể của bản thân em liên quan đến việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong gia đình hoặc trong lớp em.

Bài 11: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.*
- *Nhận biết được ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội.*
- *Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.*
- *Thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.*

MỞ ĐẦU

Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc và các dân tộc đều bình đẳng với nhau trước pháp luật. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến vấn đề đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, tham gia xây dựng đất nước.

Em hãy chỉ ra quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong thông tin sau:

"Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc,...".

(Trích *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000)

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc

a) Bình đẳng về chính trị

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 8. Dự kiến cơ cấu, thành phần những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội (trích)

2. Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Uỷ ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất mười tám phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

Điều 9. Dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (trích)

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới,... số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và tình hình cụ thể của từng địa phương.

EM CÓ BIẾT?

Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hoá, không phân biệt chủng tộc, màu da,... đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển như nhau.

❷ Theo Thông báo của Hội đồng bầu cử quốc gia thì Quốc hội khoá XV có 499 người trúng cử đại biểu Quốc hội, trong đó có 89 đại biểu (chiếm 17,8%) là người dân tộc thiểu số như: Tày, Thái, Mông, Mường, Khơ-me, Chăm, Ê-đê, Khơ-mú, Nùng, Giáy, Sán Dìu, Xơ-đăng, Brâu, Cao Lan, Lự, La chí, Vân kiều, Lào, Hoa, Cơ-ho,...

?

1/ Quy định tỉ lệ ứng cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong thông tin 1 nhằm mục đích gì? Vì sao?

2/ Quyền bình đẳng về chính trị giữa các dân tộc ở Việt Nam được biểu hiện như thế nào trong thông tin 2?

3/ Em hãy lấy ví dụ thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực chính trị.

b) Bình đẳng về kinh tế

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 5. (trích)

1. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

❷ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 – 01 – 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 127/2024/NĐ-CP ngày 10 – 10 – 2024)

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc (trích)

1. Thực hiện chính sách dân tộc theo nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển.

2. Đảm bảo và thực hiện chính sách phát triển toàn diện, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số.

❸ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030. Theo đó, thời gian thực hiện Chương trình là 10 năm, chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025; giai đoạn 2 từ năm 2026 đến năm 2030. Chương trình nhằm thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước. Đến năm 2025 giảm 50% số xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; đến năm 2030 cơ bản không còn xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

(Trọng Quỳnh, *Thu hẹp dần khoảng cách về mức sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi,* quochoi.vn, ngày 15 – 7 – 2020)

❹ Bản Kéo Hượn có 120 hộ với 549 nhân khẩu, chủ yếu là đồng bào dân tộc Mông. Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Bản đã đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, vận động bà con trong bản đoàn kết, nỗ lực, cố gắng, cần cù lao động để xây dựng và phát triển quê hương. Người dân bản Kéo Hượn đã biết ứng dụng tiến bộ khoa học – kĩ thuật vào sản xuất, đầu tư thâm canh tăng năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, mở mang các ngành nghề, dịch vụ, phát triển chăn nuôi để nâng cao thu nhập cải thiện đời sống, xoá đói giảm nghèo một cách bền vững, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại, tích cực phát triển kinh tế gia đình, góp phần xây dựng bản ngày càng giàu đẹp.

(Minh Hiếu, *Ngày hội đại đoàn kết các dân tộc ở bản Kéo Hượn,* Trang thông tin điện tử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày 8 – 11 – 2021)

?

1/ Quyền bình đẳng về kinh tế giữa các dân tộc ở Việt Nam được biểu hiện như thế nào trong các thông tin trên?

2/ Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực kinh tế.

c) *Bình đẳng về văn hoá, giáo dục*

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 5. (trích)

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.

❷ Luật Giáo dục năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 11. Ngôn ngữ, chữ viết dùng trong cơ sở giáo dục (trích)

2. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ;...

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân (trích)

1. Học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập.

❸ H và các bạn cùng lớp tới tham quan Làng Văn hoá – Du lịch các dân tộc Việt Nam và nhận thấy ở đây có trưng bày các văn hoá phẩm, mô hình công trình văn hoá và tổ chức rất nhiều lễ hội nhằm tôn vinh bản sắc văn hoá truyền thống của tất cả các dân tộc khác nhau trong cả nước. Hoạt động của Làng góp phần khẳng định sự bình đẳng giữa các dân tộc về văn hoá, sức sống trường tồn của giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc, đồng thời làm cho văn hoá của các dân tộc hoà quyện với nhau tạo thành nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hoá thực sự là động lực bảo vệ và phát triển đất nước.

❹ Nhờ có chủ trương, chính sách đúng đắn và phù hợp của Đảng, Nhà nước, đến nay đã có nhiều mô hình trường học dành cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số, như: Trường thanh niên dân tộc, trường vừa học vừa làm, trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú, trường dự bị đại học dân tộc, trường thiếu sinh quân,... Hệ thống giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông được củng cố và phát triển, bước đầu đáp ứng nhu cầu học tập của con em đồng bào các dân tộc.

(Hà Thị Khiết, *Thực trạng và giải pháp công tác phát triển giáo dục vùng dân tộc thiểu số hiện nay*, Tạp chí Mặt trận, cơ quan của Uỷ ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày 28 – 9 – 2018)

?

1/ Quyền bình đẳng về văn hoá, giáo dục giữa các dân tộc được biểu hiện như thế nào trong các thông tin trên?

2/ Em hãy lấy ví dụ trong thực tiễn thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc trên lĩnh vực văn hoá, giáo dục.

Các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam bình đẳng về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục. Cụ thể là:

– Về chính trị: Các dân tộc đều có quyền, có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc, tham gia vào việc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

– Về kinh tế: Các dân tộc được Đảng, Nhà nước bảo đảm và tạo mọi điều kiện để có cơ hội phát triển về kinh tế. Ngoài việc ban hành đường lối, chính sách phát triển kinh tế – xã hội đặc thù, Đảng, Nhà nước luôn quan tâm đầu tư, tạo các điều kiện phát triển tốt nhất cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ở những vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh đó, các dân tộc thiểu số và miền núi cần phát huy nội lực, tự vươn lên làm giàu, cùng phát triển với đất nước.

– Về văn hoá, giáo dục: Các dân tộc được Đảng, Nhà nước tạo mọi điều kiện để mỗi dân tộc gìn giữ, phát huy và phát triển bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình. Những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc được giữ gìn, khôi phục, phát huy. Các dân tộc bình đẳng về cơ hội học tập, trong tiếp cận, thụ hưởng các giá trị văn hoá, giáo dục, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau trong phát triển giáo dục.

2. Ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các dân tộc đối với đời sống con người và xã hội

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam, các dân tộc thiểu số phần lớn sinh sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đây là những địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế, song đó cũng là những nơi thường có điều kiện tự nhiên khó khăn nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp, kinh tế – xã hội phát triển chậm, việc tiếp cận các dịch vụ, phúc lợi xã hội cơ bản khó khăn, tỉ lệ hộ nghèo cao, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là tôn trọng sự khác biệt của mỗi dân tộc, tạo điều kiện để các dân tộc đoàn kết, cùng phát triển, cùng tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, cùng thực hiện mục tiêu chung của đất nước là: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

❷ Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia-rai hay Ê-đê, Xơ-đăng hay Ba-na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt". Những năm qua, Đảng và Nhà nước Việt Nam rất coi trọng chính sách dân tộc, đặc biệt là bảo đảm quyền bình đẳng giữa các dân tộc; quan tâm, chăm lo, tạo điều kiện tốt nhất để đồng bào các dân tộc thiểu số gìn giữ bản sắc văn hoá, phát triển về mọi mặt và thụ hưởng các quyền lợi khác đã được pháp luật ghi nhận,... Nhờ những chính sách và chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, tình hình kinh tế – xã hội ở các vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cải thiện rõ rệt,... đồng bào dân tộc thiểu số ngày càng có nhiều điều kiện thuận lợi để vươn lên phát triển về mọi mặt, đóng góp nhiều hơn vào sự nghiệp chung của đất nước. Những thành tựu đó là những minh chứng cụ thể trong bảo đảm và thúc đẩy quyền của dân tộc thiểu số nói riêng và quyền con người nói chung tại Việt Nam.

(Văn Duyên, *Bình đẳng giữa các dân tộc – Biểu hiện cụ thể của quyền con người ở Việt Nam*, Báo điện tử Quân đội nhân dân, ngày 31– 12 – 2017)

1/ Từ hai thông tin trên, em hãy cho biết để bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước thì các dân tộc cần phải làm gì.

2/ Từ thông tin 2, em hãy cho biết việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc đã có tác động tích cực như thế nào đến đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Nếu các dân tộc trong đất nước không bình đẳng thì sẽ dẫn đến những hậu quả gì?

Bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở của đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc sẽ tạo điều kiện để mỗi dân tộc đều có cơ hội phát triển, phát huy được những điểm tích cực, những yếu tố đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc mình; nêu cao ý thức, trách nhiệm đối với quê hương đất nước; củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc; động viên, phát huy các nguồn lực của các dân tộc khác nhau cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các dân tộc là thực tiễn sinh động để đấu tranh chống lại các hành vi xuyên tạc chính sách dân tộc của các thế lực thù địch không có thiện chí với đất nước ta.

LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với những ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

a. Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có thể có đại biểu của mình trong hệ thống các cơ quan nhà nước.

b. Các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam đều có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

c. Việc thực hiện một số chính sách ưu tiên đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số sẽ làm cho họ không cố gắng, vươn lên trong học tập.

d. Việc kì thị, phân biệt đối xử về thành phần dân tộc sẽ dẫn đến mất đoàn kết, chia rẽ giữa các dân tộc.

2. Hành vi của các chủ thể dưới đây là thực hiện đúng pháp luật hay vi phạm pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc? Vì sao?

a. Bố A là người dân tộc Kinh, mẹ A là người dân tộc thiểu số, khi khai sinh A mang dân tộc của bố. Hiện nay gia đình A sinh sống và làm việc tại bản của mẹ A. Để hoà nhập với người dân nơi đây, A đã yêu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi dân tộc của mình từ dân tộc của bố sang dân tộc của mẹ.

b. Để mở rộng sản xuất, Công ty X đăng tin tuyển dụng 3 kĩ sư tin học biết tiếng Anh vào làm việc. Đối chiếu với các tiêu chuẩn mà công ty đề ra đối với ứng viên, anh Q thấy mình đều đủ cả nên đã đăng kí dự tuyển nhưng không được Công ty X chấp nhận vào làm việc vì lí do anh Q là người dân tộc thiểu số.

c. Nhận thấy các lễ hội truyền thống văn hoá tốt đẹp của bản dần bị lãng quên, anh H sau khi trúng cử vào Hội đồng nhân dân xã Y đã lên kế hoạch và đề ra các biện pháp phục hồi, bảo tồn, phát triển các điệu múa, trò chơi dân gian.

3. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. Gần tới ngày Toà án xét xử việc tranh chấp đất đai giữa anh P (người dân tộc Ơ-đu) với anh N (người dân tộc Kinh), anh P lo lắng vì mình chỉ thành thạo tiếng dân tộc Ơ-đu mà không thành thạo tiếng Việt sẽ gây bất lợi cho bản thân.

Em hãy tư vấn cách thức để giúp anh P được đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

b. D và B sinh ra, lớn lên và học tập cùng trường tại địa phương X. Cả hai cùng dự thi vào Trường Đại học N và có số điểm thi đại học bằng nhau, nhưng D là người dân tộc thiểu số, được cộng thêm điểm ưu tiên nên đủ điểm đỗ, còn B là người dân tộc Kinh, không được ưu tiên nên không đỗ. B thắc mắc và cho rằng như vậy là không đảm bảo sự bình đẳng.

Em hãy tư vấn để giúp B hiểu được chính sách ưu tiên của Nhà nước trong việc tuyển sinh đại học.

4. Em hãy kể một việc làm cụ thể của bản thân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các dân tộc.

VẬN DỤNG

Em và nhóm học tập sưu tầm các bài phát biểu, bài viết của những người nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới về quyền bình đẳng giữa các dân tộc và chia sẻ với các bạn trong lớp.

Bài 12: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC TÔN GIÁO

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.*
- *Nhận biết được ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội.*
- *Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.*
- *Thực hiện được các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.*

MỞ ĐẦU

Trên thế giới nói chung, ở Việt Nam nói riêng tồn tại rất nhiều tôn giáo, mỗi tôn giáo thường có đối tượng tôn thờ, giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức khác nhau. Các tôn giáo đều bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí. Công dân thuộc các tôn giáo khác nhau, người có tôn giáo hoặc không có tôn giáo đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ công dân, không phân biệt đối xử vì lí do tôn giáo.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo ở nước ta hiện nay.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

a) Bình đẳng về quyền

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 24.

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

EM CÓ BIẾT?

Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật; đều bình đẳng trước pháp luật; không bị phân biệt đối xử, luôn được bảo đảm về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí. Những nơi thờ tự, tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

❷ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

1. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân.

3. Nhà nước bảo hộ cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo và tài sản hợp pháp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo.

Điều 7. Quyền của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (trích)

1. Hoạt động tôn giáo theo hiến chương, điều lệ và văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo.

2. Tổ chức sinh hoạt tôn giáo.

3. Xuất bản kinh sách và xuất bản phẩm khác về tôn giáo.

5. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo.

❸ Xã H cách xa trung tâm, gần biên giới, có đồng bào của nhiều dân tộc khác nhau cùng sinh sống. Người dân trên địa bàn xã H tin và theo nhiều tôn giáo khác nhau. Các tôn giáo đều được quyền xuất bản kinh, sách tôn giáo, sản xuất đồ dùng tôn giáo để phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt tôn giáo của tôn giáo mình. Người dân xã H luôn đoàn kết một lòng, không phân biệt tôn giáo, dân tộc tích cực tham gia các hoạt động do chính quyền địa phương tổ chức, bảo vệ an ninh, giữ vững biên cương của Tổ quốc, nhờ đó mà tình nghĩa đồng bào được gắn bó, kinh tế – xã hội phát triển, đời sống người dân ngày càng được nâng cao, xã H ngày càng giàu đẹp, đi lên cùng đất nước.

?

1/ Từ thông tin 1 và 2, theo em, quyền bình đẳng giữa các tôn giáo biểu hiện như thế nào trong thông tin 3?

2/ Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo về quyền và cho ví dụ minh hoạ.

b) Bình đẳng về nghĩa vụ

Em hãy đọc các thông tin sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lí cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

❷ Thi hành Chỉ thị của Chính quyền thành phố K là trong thời gian có dịch bệnh không tập trung đông người để phòng tránh sự lây lan của dịch bệnh, các tổ chức và tín đồ của tất cả các tôn giáo trên địa bàn thành phố K đã thực hiện các hoạt động sinh hoạt tôn giáo bằng hình thức trực tuyến. Các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lí cơ sở tôn giáo thường xuyên hướng dẫn tín đồ và người dân nghiêm chỉnh chấp hành những quy định về phòng, chống dịch của Chính quyền thành phố.

?

1/ Từ thông tin 1, em hãy cho biết các tôn giáo bình đẳng với nhau về nghĩa vụ biểu hiện như thế nào trong thông tin 2?

2/ Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo về nghĩa vụ và cho ví dụ minh hoạ.

c) Bình đẳng về trách nhiệm pháp lí

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Phân biệt đối xử, kì thị vì lí do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo:

a) Xâm phạm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, môi trường;

b) Xâm hại đạo đức xã hội; xâm phạm thân thể, sức khoẻ, tính mạng, tài sản; xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác;

c) Cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân;

d) Chia rẽ dân tộc; chia rẽ tôn giáo; chia rẽ người theo tín ngưỡng, tôn giáo với người không theo tín ngưỡng, tôn giáo, giữa những người theo các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau.

5. Lợi dụng hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo để trục lợi.

❷ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 116. Tội phá hoại chính sách đoàn kết (trích)

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây nhằm chống chính quyền nhân dân, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

c) Gây chia rẽ người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người theo các tôn giáo khác nhau, chia rẽ các tín đồ tôn giáo với chính quyền nhân dân, với các tổ chức chính trị – xã hội;

❸ Trong thời gian có dịch bệnh, chính quyền thành phố S đã ra quy định cấm tụ tập đông người, nhằm hạn chế sự lây lan của dịch bệnh, nhưng cơ sở của tôn giáo T và của tôn giáo N vẫn lén lút tổ chức sinh hoạt tôn giáo dẫn đến dịch bệnh lây lan nhiều tại địa phương. Khi bị phát hiện, chính quyền thành phố đã yêu cầu cả hai cơ sở tôn giáo T và tôn giáo N phải tạm dừng sinh hoạt tôn giáo và xử phạt hành chính đối với cả hai cơ sở tôn giáo này.

?

1/ Các tôn giáo bình đẳng với nhau về trách nhiệm pháp lí biểu hiện như thế nào trong trường hợp 3?

2/ Theo em, người có tôn giáo và người không có tôn giáo nếu có hành vi vi phạm pháp luật giống nhau thì có bị xử lí giống nhau không? Vì sao?

3/ Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo về trách nhiệm pháp lí và cho ví dụ minh hoạ.

– Các tôn giáo, tổ chức tôn giáo có quyền bình đẳng trong hoạt động tôn giáo, tổ chức sinh hoạt tôn giáo,... Những nơi thờ tự của các tôn giáo được pháp luật bảo hộ.

– Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tôn giáo của các tôn giáo khác nhau ngoài việc phải tuân thủ hiến chương, điều lệ, các quy định tôn giáo của tổ chức mình thì còn phải bình đẳng trong việc tuân thủ các quy định của Hiến pháp, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định pháp luật khác có liên quan.

– Các tổ chức tôn giáo, cũng như người theo các tôn giáo khác nhau dù ở bất kì cương vị nào nếu vi phạm pháp luật cũng đều bị xử lí theo pháp luật.

2. Ý nghĩa của quyền bình đẳng giữa các tôn giáo đối với đời sống con người và xã hội

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Việt Nam là đất nước có nhiều dân tộc, tôn giáo. Tính đến tháng 11 – 2021, nước ta có hơn 26,5 triệu tín đồ tôn giáo, chiếm 27% dân số cả nước, với 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo khác nhau được Nhà nước công nhận và cấp đăng kí hoạt động. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, những năm qua, đồng bào các tôn giáo luôn đoàn kết, gắn bó và đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc. Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân, coi đó là một trong những động lực chủ yếu để xây dựng và phát triển đất nước ta.

Có thể thấy, mặc dù các tôn giáo ở Việt Nam có nguồn gốc và đặc trưng khác nhau, nhưng luôn có sự gắn kết, dung hợp và giao lưu giữa các tín ngưỡng, tôn giáo. Đây là những yếu tố để mỗi người dân dễ hoà hợp với nhiều tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Ở nhiều địa phương, trong cùng một làng, xã, tín đồ của tôn giáo này sống đan xen với tín đồ của tôn giáo khác hoặc với những người không theo tôn giáo, họ sống gắn bó nhau trên nền tảng làng, xóm, dòng họ.

(Quốc An, *Xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết các tôn giáo ở Việt Nam,* Tạp chí Mặt trận, cơ quan của Uỷ ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ngày 8 – 9 – 2022)

2 Tại địa phương X, người dân theo các tôn giáo khác nhau nên có nhiều công trình kiến trúc tôn giáo như phủ, chùa, nhà thờ,... tạo nên cảnh quan rất đẹp, là nơi sinh hoạt tôn giáo của các tín đồ, cũng là nơi tham quan của người dân địa phương và các du khách. Các giáo chức và tín đồ của mỗi tôn giáo thường xuyên tổ chức sinh hoạt tôn giáo, tiến hành các hoạt động như: cầu kinh, chúc phúc, diễu hành tôn giáo,... Mỗi khi có ngày lễ trọng của một tôn giáo nào đó thì người dân địa phương không phân biệt tôn giáo đều tham gia các hoạt động trang trí nhà cửa, kết đèn hoa, treo cờ tôn giáo trên các tuyến đường,... tạo nên không khí linh thiêng, hân hoan, đoàn kết trong địa phương.

?

1/ Việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo sẽ mang lại điều gì cho mỗi người dân, Nhà nước và xã hội? Theo em, nếu các tôn giáo trong quốc gia không bình đẳng thì sẽ dẫn đến những hậu quả gì cho mỗi tôn giáo và các tín đồ của họ?

2/ Em hãy nêu ví dụ minh hoạ cho việc thực hiện tốt quyền bình đẳng giữa các tôn giáo và cho biết em học tập được điều gì.

Thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo thể hiện chính sách đại đoàn kết tôn giáo của Đảng, Nhà nước Việt Nam, tạo điều kiện để các tôn giáo, tín đồ tôn giáo nêu cao ý thức, trách nhiệm của mình đối với việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các tôn giáo, làm tròn trách nhiệm với Tổ quốc, sống "tốt đời, đẹp đạo". Động viên, phát huy nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời cũng là điều kiện để mỗi tôn giáo phát huy được những điểm tích cực, những yếu tố đạo đức, văn hoá tốt đẹp, hướng con người tới chân – thiện – mĩ.

LUYỆN TẬP

1. Các hành vi dưới đây là thực hiện đúng hay vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? Vì sao?

a. Cha sứ Đ và Thượng toạ Q là những chức sắc tôn giáo có uy tín, ảnh hưởng lớn trong nhân dân tỉnh M và cả hai người rất tích cực hoạt động xã hội vì sự phát triển của địa phương nên đã được nhân dân tín nhiệm đề cử vào danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh M.

b. Tại địa phương K, khi cơ sở thờ tự của tôn giáo P xuống cấp, có nguy cơ bị đổ nên các nhà chức sắc và tín đồ của tôn giáo P đã tiến hành làm các thủ tục xin phép các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc tháo dỡ và xây dựng lại cho vững chắc, to đẹp hơn.

c. Là người được phân công trông coi cơ sở tôn giáo Y nhưng ông N đã ngăn cản không cho những người thuộc các tôn giáo khác đến tham dự buổi sinh hoạt của tôn giáo Y tại cơ sở mà ông đang trông coi.

2. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. Q là người theo tôn giáo X, sống và sinh hoạt cùng các bạn trong kí túc xá của Trường Trung học phổ thông Dân tộc nội trú của tỉnh. Đến giờ ăn cơm, Q thường làm dấu và thành tâm cầu nguyện trước khi ăn, các bạn cùng phòng theo tôn giáo khác thấy vậy tỏ vẻ khó chịu, họ yêu cầu Q lần sau khi ăn cơm cùng thì không được làm như vậy.

1/ Trong tình huống này, ai là người vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? Vì sao?

2/ Em hãy tư vấn cách thức để giúp Q được bình đẳng trong việc thực hiện quyền bình đẳng, tự do tôn giáo của mình với các bạn theo tôn giáo khác.

b. Sau nhiều năm quen biết, chị B và anh A thưa chuyện với hai gia đình để được kết hôn với nhau, nhưng ông T là bố chị B không đồng ý và đã cản trở hai người kết hôn vì chị B theo tôn giáo S, còn anh A lại theo tôn giáo P.

1/ Trong tình huống này, ai là người vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? Vì sao?

2/ Em hãy tư vấn cách thức để giúp chị B và anh A có thể giải thích cho ông T hiểu và thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

c. Bạn của M đang theo tôn giáo A, vì muốn M cũng theo tôn giáo A nên đã tìm cách nói không tốt về tôn giáo mà M dự định sẽ theo.

1/ Trong tình huống này, ai là người vi phạm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo? Vì sao?

2/ Em hãy tư vấn cách thức để giúp M thuyết phục bạn hiểu và tôn trọng quyền bình đẳng tôn giáo của mình.

3. Em hãy kể những việc làm của mình và người thân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

VẬN DỤNG

Em cùng nhóm học tập tìm hiểu về tình hình hoạt động tôn giáo ở địa phương và viết bài chia sẻ những hoạt động mà các tôn giáo đã thực hiện để xây dựng tình đoàn kết, bình đẳng giữa các tôn giáo trong xây dựng và phát triển quê hương.

CHỦ ĐỀ 8

MỘT SỐ QUYỀN DÂN CHỦ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Bài 13: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THAM GIA QUẢN LÍ NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.*
- *Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.*

MỞ ĐẦU

Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội là quyền chính trị quan trọng của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định. Mỗi công dân thực hiện tốt quyền này sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện quyền làm chủ, góp phần xây dựng Nhà nước vững mạnh, xã hội ổn định và phát triển.

Em hãy kể một số việc làm thể hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân. Theo em, học sinh có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội không? Vì sao?

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

a) Quyền của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 28

1. Công dân có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.

2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lí nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

Điều 30 (trích)

1. Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

❷ Luật Trưng cầu ý dân năm 2015

Điều 5. Người có quyền bỏ phiếu trưng cầu ý dân

Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ mười tám tuổi trở lên tính đến ngày trưng cầu ý dân có quyền bỏ phiếu để biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật này.

❸ Thôn X tổ chức cuộc họp để lấy ý kiến của người dân về các biện pháp xây dựng nông thôn mới. Khi tham gia họp, anh T đã đóng góp nhiều ý kiến có giá trị về việc quy hoạch, xây dựng đường giao thông trong thôn cũng như việc giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm.

❹ A tích cực tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện dự thảo "Bộ Quy tắc ứng xử về bảo vệ trẻ em trên không gian mạng" khi cơ quan nhà nước tổ chức lấy ý kiến. A chủ động tìm hiểu thông tin, phổ biến lại cho các bạn trong lớp, người thân trong gia đình và gửi thư đề xuất một số kiến nghị và mong muốn đối với Bộ Quy tắc này để góp phần bảo vệ an toàn cho bản thân cũng như các trẻ em khác khi sử dụng internet.

?

1/ Các chủ thể trong trường hợp 3 và 4 đã thực hiện quyền của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội như thế nào? Theo em, những việc làm đó có ý nghĩa gì đối với mỗi công dân và với xã hội?

2/ Theo em, công dân có các quyền gì trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội? Em hãy nêu một số ví dụ về việc thực hiện tốt các quyền đó trong cuộc sống.

Công dân có các quyền trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội như: quyền bình đẳng; quyền bầu cử đại biểu, ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; quyền khiếu nại, tố cáo những việc làm vi phạm pháp luật; quyền tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp;... Các quyền này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 46.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

❷ Luật Trưng cầu ý dân năm 2015

Điều 39. Quyền, nghĩa vụ của cử tri và nguyên tắc bỏ phiếu trưng cầu ý dân (trích)

1. Bỏ phiếu trưng cầu ý dân là quyền và nghĩa vụ của cử tri; mọi cử tri có trách nhiệm tham gia đầy đủ.

❸ Nhận thấy diện tích khu vui chơi, sinh hoạt thể dục thể thao dành cho trẻ em ở địa phương ngày càng thu hẹp, một số trẻ em đã tìm đến những hình thức giải trí không lành mạnh, sa vào tệ nạn xã hội nên K đã đề xuất một số biện pháp khắc phục thực trạng này tới chính quyền địa phương qua việc gửi thư góp ý đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

❹ Đoạn đường đi qua cổng trường Trung học phổ thông B thường xuyên xảy ra ách tắc, gây khó khăn cho người tham gia giao thông. Trước tình trạng đó, Đoàn Thanh niên trường đã thảo luận, đề xuất một số phương án giải quyết, khắc phục sự việc gửi tới Ban Giám hiệu nhà trường và chính quyền địa phương. Những phương án này đã được chính quyền địa phương cùng nhà trường xem xét, phân tích, đánh giá, triển khai trên thực tế để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, nội quy của trường học, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của những cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

1/ Em hãy cho biết, các chủ thể trong trường hợp 3 và 4 đã thực hiện nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội như thế nào.

2/ Theo em, công dân có nghĩa vụ gì trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội? Hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt những nghĩa vụ đó trong cuộc sống.

Công dân có các nghĩa vụ trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội như: tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật; trung thành với Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng;...

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 161. Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (trích)

1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

❷ Luật Trưng cầu ý dân năm 2015

Điều 50. Xử lí vi phạm pháp luật về trưng cầu ý dân

1. Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người nào cản trở hoặc trả thù người khiếu nại, tố cáo về trưng cầu ý dân thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

❸ Là Bí thư Chi đoàn lớp 12C, H được Bí thư Đoàn trường giao nhiệm vụ phổ biến thông tin và thu thập ý kiến đóng góp của các đoàn viên trong lớp đối với dự thảo Văn kiện Đại hội Đoàn toàn quốc và dự thảo Văn kiện Đại hội Đoàn tỉnh. Vì thời gian hơi gấp nên H đã tự đọc dự thảo các văn kiện và gửi ý kiến đóng góp cho cấp trên. Khi biết chuyện, Bí thư Đoàn trường đã nghiêm khắc phê bình H và giải thích cho H hiểu việc làm đó đã vi phạm quyền bày tỏ ý kiến của các đoàn viên khác trong lớp. Các bạn sẽ không có cơ hội được nói lên nguyện vọng, ý kiến của cá nhân đối với hoạt động của Đoàn. H cảm thấy hối hận nên đã chủ động chia sẻ lại sự việc và xin lỗi cả lớp.

❹ Vừa qua, lãnh đạo Uỷ ban nhân dân xã A đã phối hợp với Đoàn Thanh niên xã tổ chức một số hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, nhất là đoàn viên thanh niên trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội nhằm nâng cao hiểu biết cho nhân dân trên địa bàn xã. Thông qua những hoạt động này, đại diện chính quyền địa phương cũng khuyến khích, đề nghị bà con nhân dân nâng cao cảnh giác, kịp thời phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội nhằm ngăn chặn những hậu quả tiêu cực mà các hành vi này có thể gây ra như: lãng phí ngân sách nhà nước; mất đoàn kết nội bộ; gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội; giảm uy tín của cán bộ, cơ quan nhà nước;...

?

1/ Em hãy cho biết, các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

2/ Theo em, hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội sẽ gây nên những hậu quả nào cho người bị vi phạm, người vi phạm, Nhà nước và xã hội?

3/ Hãy chia sẻ về một trường hợp vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực. Đối với xã hội: ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước; xâm phạm trật tự quản lí hành chính;... Đối với cá nhân: cản trở công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lí, vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân; gây tổn thất về tinh thần, danh dự, uy tín, tài chính, công việc;...

Người thực hiện hành vi vi phạm sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật. Tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm mà phải chịu trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm kỉ luật, nếu gây thiệt hại phải bồi thường (trách nhiệm dân sự).

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đây đúng hay sai. Vì sao?

a. Chỉ những công dân đủ 18 tuổi trở lên mới có quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

b. Người dân chỉ có thể thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội bằng hình thức bầu cử.

c. Việc vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội có thể gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

d. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội là góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

2. Hành vi, việc làm của các chủ thể dưới đây đã thực hiện đúng hay chưa đúng quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội? Vì sao?

a. Bà Y bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thay các thành viên trong gia đình.

b. Lãnh đạo cơ quan nhà nước A thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân tại cơ quan mình.

c. Chị V luôn phát biểu ý kiến và tham gia tranh luận mang tính chất xây dựng tại các cuộc họp do chính quyền địa phương tổ chức.

d. Là người chủ trì cuộc họp nhưng ông M lại tỏ thái độ khó chịu khi người cao tuổi phát biểu ý kiến trong cuộc họp của thôn.

3. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Khi thực hiện hoạt động giám sát kết quả công tác tuyển sinh và thực hiện chế độ, chính sách cho học sinh tại Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh A, đoàn giám sát của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh A đã dành thời gian để trò chuyện và lắng nghe ý kiến của các thầy cô và học sinh trong trường. M cũng có một số kiến nghị nhưng lại ngại không dám phát biểu.

Nếu là bạn của M, em sẽ làm gì để giúp bạn thực hiện tốt quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội?

b. Sau khi được cô giáo chủ nhiệm phổ biến thông tin về việc Nhà nước đang triển khai lấy ý kiến đóng góp của nhân dân cho dự thảo Luật Bảo vệ môi trường, X đã chủ động tìm hiểu và đọc kĩ các nội dung trong dự thảo luật. Thấy vậy, một số bạn liền buông lời trêu chọc và cho rằng X đang lãng phí thời gian vào việc vô ích.

Nếu là X, em sẽ giải thích như thế nào để các bạn trong lớp hiểu việc làm đó là góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ tham gia quản lí nhà nước và xã hội?

4. Em hãy liệt kê các việc làm của bản thân hoặc của gia đình mình nhằm góp phần thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

VẬN DỤNG

Em và các bạn hãy thiết kế và thực hiện một hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

Bài 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẦU CỬ VÀ ỨNG CỬ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.*
- *Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử.*

MỞ ĐẦU

Quyền bầu cử và quyền ứng cử là quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định. Thông qua việc thực hiện quyền bầu cử và ứng cử, công dân thể hiện ý chí và nguyện vọng của mình trong việc góp phần hình thành các cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương.

Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết vì sao nói ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là ngày hội toàn dân?



"BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP LÀ NGÀY HỘI TOÀN DÂN"

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

a) Quyền của công dân về bầu cử

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 27

Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định.

❷ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 33. Khiếu nại về danh sách cử tri

Khi kiểm tra danh sách cử tri, nếu phát hiện có sai sót thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết, công dân có quyền khiếu nại với cơ quan lập danh sách cử tri. Cơ quan lập danh sách cử tri phải ghi vào sổ những khiếu nại đó. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cơ quan lập danh sách cử tri phải giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý về kết quả giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện tại Toà án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 34. Bỏ phiếu ở nơi khác

Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì có quyền xin giấy chứng nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Uỷ ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ "Bỏ phiếu ở nơi khác".

Điều 69. Nguyên tắc bỏ phiếu (trích)

1. Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.

❸ Lần đầu tiên được tham gia bỏ phiếu bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, anh A đã tìm hiểu và nghiên cứu thông tin về các ứng viên để lựa chọn bỏ phiếu cho người phù hợp, đủ năng lực và điều kiện để hoàn thành tốt nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân.

❹ Chiều ngày 27 – 4 – 2021, trên 300 phụ nữ ở huyện Phú Xuyên (Hà Nội) đã tham dự Hội nghị tuyên truyền phổ biến Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội phối hợp với Sở Tư pháp thành phố Hà Nội tổ chức. Tại Hội nghị, các hội viên đã được tiếp cận với một số nội dung cơ bản của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 như: nguyên tắc bầu cử, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; quyền và nghĩa vụ của cử tri trong bầu cử; các quy định về trình tự bầu cử và thể thức bầu cử;...

(Mai Hương, *Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Nội: Tổ chức Hội nghị tuyên truyền phổ biến về Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, Báo Dân tộc và Phát triển, ngày 27 – 4 – 2021)

?

1/ Em hãy cho biết các chủ thể trong trường hợp 3 và 4 đã thực hiện quyền bầu cử như thế nào.

2/ Theo em, công dân có những quyền gì về bầu cử? Nêu ví dụ minh hoạ về việc thực hiện tốt những quyền đó trong cuộc sống.

Công dân từ đủ 18 tuổi trở lên có các quyền: bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; bình đẳng về bầu cử; tiếp cận các thông tin về bầu cử theo quy định của pháp luật; tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử; khiếu nại, khởi kiện những hành vi sai sót về bầu cử gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân;...

b) Quyền của công dân về ứng cử

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 2. Tuổi bầu cử và tuổi ứng cử (trích)

Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ hai mươi mốt tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của Luật này.

Điều 61. Khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử (trích)

1. Công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử.

2. Chị M sẽ tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã nên đã chủ động tìm hiểu các quy định của pháp luật về hồ sơ, thủ tục tham gia ứng cử và một số quy định có liên quan có thể thực hiện tốt quyền công dân. Đồng thời, chị M chia sẻ dự định đối với gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và bày tỏ mong muốn mọi người tạo điều kiện, hỗ trợ mình đạt được kết quả tốt trong cuộc bầu cử sắp tới.

3. Ngày 11 – 5 – 2021, các ứng cử viên đại biểu Quốc hội khoá XV, đơn vị bầu cử số 4, thành phố Hà Nội đã tham dự Hội nghị tiếp xúc với cử tri các quận Hoàng Mai, huyện Gia Lâm. Tại Hội nghị, các ứng cử viên đã lần lượt trình bày chương trình hành động của mình và tiến hành vận động bầu cử theo luật định. Các ứng cử viên bày tỏ vinh dự khi được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội khoá XV; khẳng định nếu được bầu sẽ thường xuyên liên hệ, gắn bó, lắng nghe ý kiến, kiến nghị, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cử tri, nỗ lực cao nhất làm tròn trách nhiệm của người đại biểu nhân dân, đóng góp hết sức mình vì sự phát triển của Thủ đô và lợi ích quốc gia, dân tộc.

(Nguyễn Thắng, *Cử tri thành phố Hà Nội đánh giá cao nội dung chương trình hành động của ứng cử viên đại biểu Quốc hội*, Báo Thông tấn xã Việt Nam, ngày 11 – 5 – 2021)

1/ Em hãy cho biết các chủ thể trong trường hợp 2 và thông tin 3 đã thực hiện quyền của công dân về ứng cử như thế nào.

2/ Theo em, công dân có những quyền gì về ứng cử? Hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quyền của công dân về ứng cử.

Công dân Việt Nam từ đủ 21 tuổi trở lên đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân; có các quyền: bình đẳng giới về ứng cử; tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin về ứng cử theo quy định của pháp luật; tố cáo về người ứng cử; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử; giám sát việc thực hiện pháp luật về bầu cử;...

c) *Nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử*

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 15.

1. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

2. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

3. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

4. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

❷ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 69. Nguyên tắc bỏ phiếu (trích)

2. Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này; khi bầu cử phải xuất trình thẻ cử tri.

3. Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri. Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

❸ Ngày bầu cử, bà Q thấy con trai và con dâu đang bận giải quyết việc cá nhân nên ngỏ ý muốn đi bỏ phiếu bầu cử giúp cho hai người. Tuy nhiên, vợ chồng con trai không đồng ý. Họ giải thích cho mẹ hiểu, pháp luật quy định các cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bỏ phiếu bầu cử thay, vì vậy hai vợ chồng sẽ sắp xếp công việc để thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bản thân đối với đất nước.

❹ Sau khi được ghi tên vào danh sách ứng cử đại biểu Quốc hội, anh K bắt đầu thực hiện các hoạt động vận động bầu cử một cách dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Anh K cảm thấy rất vui vì nhận được nhiều phản hồi tích cực từ các cử tri ở địa phương.

?

1/ Trong trường hợp 3 và 4, các chủ thể đã thực hiện nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử như thế nào?

2/ Theo em, công dân có nghĩa vụ gì về bầu cử và ứng cử? Nêu ví dụ minh hoạ về việc thực hiện tốt nghĩa vụ đó.

Công dân có các nghĩa vụ về bầu cử, ứng cử: tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bầu cử và ứng cử; tôn trọng quyền của người khác về bầu cử và ứng cử; không lợi dụng quyền bầu cử, ứng cử để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác;...

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 95. Xử lí vi phạm

Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

❷ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 160. Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân

1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 2 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

❸ Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp vừa qua, ông T – Chủ tịch Uỷ ban bầu cử xã A đã lợi dụng chức vụ lấy 75 phiếu mang về nhà tự bầu cho mình. Việc làm sai trái đó đã khiến ông T bị kỉ luật khai trừ khỏi Đảng, buộc thôi việc và bị khởi tố theo quy định của pháp luật. Sự việc cũng khiến kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã A bị sai lệch, chính quyền cùng nhân dân xã phải tổ chức bầu cử lại, gây lãng phí ngân sách nhà nước và gây khó khăn cho nhiều cử tri trong việc sắp xếp thời gian, công việc để thực hiện quyền công dân của mình.

? *1/ Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử?*

2/ Ngoài những hậu quả trên, hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử còn có thể dẫn đến những hậu quả nào khác? Giải thích và nêu ví dụ minh hoạ.

3/ Em hãy chia sẻ về một trường hợp vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử hoặc ứng cử mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử gây ra nhiều hậu quả tiêu cực. Đối với xã hội: ảnh hưởng đến tính tôn nghiêm của pháp luật và trật tự quản lí nhà nước; gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; hoãn ngày bầu cử; làm sai lệch kết quả bầu cử; gây lãng phí ngân sách nhà nước;... Đối với cá nhân: xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử của công dân, cá biệt làm ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng, danh dự, uy tín, kinh tế, công việc của công dân;... Người thực hiện hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự,...

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Tất cả người dân từ đủ 18 tuổi trở lên đang sống trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

b. Công dân thực hiện tốt quyền bầu cử là gián tiếp tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

c. Học sinh chưa đủ 18 tuổi không có trách nhiệm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử.

d. Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử là góp phần xây dựng, phát triển bộ máy nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

2. Các chủ thể dưới đây thực hiện đúng hay vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử và ứng cử? Vì sao?

a. Anh A tự ý viết và bỏ phiếu bầu cử thay cho người thân bị bệnh nặng.

b. Chị X đăng thông tin sai sự thật về ứng viên ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã lên mạng xã hội.

c. Chú M chủ động liên hệ cán bộ Tổ bầu cử nhờ hướng dẫn, giải đáp những thông tin về bầu cử chưa nắm rõ.

d. Ông P yêu cầu người thân không bỏ phiếu bầu cử cho người có mâu thuẫn với mình.

e. Bà Q vận động mọi người bỏ phiếu bầu cho chồng mình và hứa sẽ tặng quà cảm ơn.

3. Em hãy xử lí tình huống sau:

Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp trùng với ngày cưới của chị gái M nên một số thành viên trong nhà dự định sẽ không đi bỏ phiếu, dành thời gian tập trung lo công việc gia đình. Anh họ của M còn nói rằng bầu cử là việc chung của cả nước, thiếu một vài lá phiếu cũng không ảnh hưởng gì nhiều, mọi người không đi bỏ phiếu cũng không ai biết.

Nếu là M, trong tình huống này, em sẽ làm gì để mọi người trong gia đình thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử?

4. Em hãy tư vấn để giúp các chủ thể dưới đây thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ bầu cử.

a. Gần đến ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, anh K cảm thấy rất lo lắng. Anh không biết chữ nên không biết phải làm sao để có thể tham gia bỏ phiếu bầu cử như mọi người.

b. Chị P (20 tuổi) không may bị khuyết tật vận động bẩm sinh nên luôn phải nhờ người thân giúp đỡ trong sinh hoạt hằng ngày. Gần đây, chị P nghe nhiều người bàn luận về việc tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kì mới nên rất băn khoăn. Chị không biết mình có được tham gia bỏ phiếu hay không và nếu được tham gia thì phải làm gì để thực hiện đúng quy định của pháp luật.

c. Ngày mai sẽ diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhưng cụ X (hơn 90 tuổi) cảm thấy không vui. Cụ sợ mình già yếu, đi lại không thuận tiện nên không thể tham gia bỏ phiếu bầu như mọi người.

5. Hãy kể những việc em cùng người thân đã làm để thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bầu cử, ứng cử.

VẬN DỤNG

Em hãy thiết kế một sản phẩm truyền thông (tranh vẽ, khẩu hiệu, clip,...) để tuyên truyền về hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 15: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.*
- *Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo.*

MỞ ĐẦU

Quyền khiếu nại, quyền tố cáo là những quyền dân chủ cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định. Thông qua quyền khiếu nại, quyền tố cáo, công dân tham gia quản lí nhà nước và xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và của người khác, góp phần ngăn chặn những việc làm trái pháp luật, xâm phạm lợi ích hợp pháp của Nhà nước và xã hội.

Em hãy chia sẻ hiểu biết của bản thân về quyền khiếu nại, quyền tố cáo của công dân.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo

a) Quyền của công dân về khiếu nại

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Khiếu nại năm 2011

Điều 2. Giải thích từ ngữ (trích)

1. Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của

người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỉ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại (trích)

1. Người khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Tự mình khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại;

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lí do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được uỷ quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại;

b) Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lí theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lí tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho trợ giúp viên pháp lí khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

c) Tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;

d) Được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

đ) Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lí thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước;

e) Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại;

g) Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó;

h) Nhận văn bản trả lời về việc thụ lí giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại;

i) Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

k) Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính;

l) Rút khiếu nại.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của người bị khiếu nại (trích)

1. Người bị khiếu nại có các quyền sau đây:

a) Đưa ra chứng cứ về tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại;

b) Được biết, đọc, sao chụp, sao chép các tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước.

❷ Gần đây, Trung tâm Ngoại ngữ X bị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh H ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động vì không hoạt động đúng địa điểm cấp phép và không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Trung tâm Ngoại ngữ X không đồng ý với quyết định thu hồi giấy phép nên đã làm đơn khiếu nại gửi đến Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị xem xét lại. Tuy nhiên, sau khi tìm hiểu kĩ, Trung tâm Ngoại ngữ X nhận thấy quyết định đó là có căn cứ và đúng với các quy định của pháp luật nên đã rút đơn khiếu nại.

❸ Bà Y được chính quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 100 m^2 đất nhưng sau khi tiến hành đo đạc, gia đình bà phát hiện diện tích đất thực tế không đủ 100 m^2 theo quy định. Do tuổi cao, sức yếu, bà Y đã uỷ quyền cho con gái làm đơn khiếu nại và thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến sự việc gửi đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét, giải quyết để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho mình.

?

1/ Các chủ thể trong trường hợp 2 và 3 đã thực hiện quyền khiếu nại của công dân như thế nào?

2/ Theo em, các quy định của pháp luật về quyền của công dân về khiếu nại có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi công dân và đối với Nhà nước? Nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quyền của công dân về khiếu nại trong đời sống thực tiễn.

Người khiếu nại có quyền: tự mình khiếu nại; nhờ luật sư tư vấn về pháp luật hoặc uỷ quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; tham gia đối thoại hoặc uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại; được biết, đọc, sao chụp, sao chép tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước; đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó; nhận văn bản trả lời về việc thụ lí giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại; được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Toà án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; rút khiếu nại;...

b) Quyền của công dân về tố cáo

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Tố cáo năm 2018

Điều 2. Giải thích từ ngữ (trích)

Tố cáo là việc cá nhân theo thủ tục quy định của pháp luật báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kì cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo (trích)

1. Người tố cáo có các quyền sau đây:

a) Thực hiện quyền tố cáo theo quy định của Luật này;

b) Được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác;

c) Được thông báo về việc thụ lí hoặc không thụ lí tố cáo, chuyển tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết, gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo, kết luận nội dung tố cáo;

d) Tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết;

đ) Rút tố cáo;

e) Đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo;

g) Được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo (trích)

1. Người bị tố cáo có các quyền sau đây:

a) Được thông báo về nội dung tố cáo, việc gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo;

b) Được giải trình, đưa ra chứng cứ để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật;

c) Được nhận kết luận nội dung tố cáo;

d) Được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi chưa có kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo;

đ) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lí người cố ý tố cáo sai sự thật, người giải quyết tố cáo trái pháp luật;

e) Được phục hồi danh dự, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, được xin lỗi, cải chính công khai, được bồi thường thiệt hại do việc tố cáo, giải quyết tố cáo không đúng gây ra theo quy định của pháp luật;

g) Khiếu nại quyết định xử lí của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

❷ Vườn dưa của gia đình H sắp đến ngày thu hoạch thì bị kẻ xấu phá hàng rào vào cắt gốc trong một đêm. Sau khi trích xuất camera của một số nhà gần đó, H phát hiện K cùng với B là người đã phá hoại vườn dưa của gia đình mình nên đã đem bằng chứng đến cơ quan công an địa phương để tố cáo hành vi vi phạm. K và B sau đó đã bị xử phạt vi phạm hành chính và phải bồi thường thiệt hại cho gia đình H theo đúng quy định của pháp luật.

?

1/ Theo em, các chủ thể trong trường hợp 2 đã thực hiện quyền tố cáo của công dân như thế nào?

2/ Theo em, các quy định của pháp luật về quyền của công dân về tố cáo có ý nghĩa gì đối với mỗi công dân và đối với xã hội? Nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quyền của công dân về tố cáo trong đời sống thực tiễn.

Người tố cáo có quyền: thực hiện quyền tố cáo theo quy định của pháp luật; được bảo đảm bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích và thông tin cá nhân khác; được thông báo về việc thụ lí hoặc không thụ lí tố cáo,..; tố cáo tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không đúng pháp luật hoặc quá thời hạn quy định mà tố cáo chưa được giải quyết; rút tố cáo; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ người tố cáo; được khen thưởng, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;...

c) *Nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo*

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Khiếu nại năm 2011

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại (trích)

2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:

a) Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết;

b) Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn, hợp lí của việc khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;

c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;

d) Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

3. Người khiếu nại thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

② Luật Tố cáo năm 2018

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo (trích)

2. Người tố cáo có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp thông tin cá nhân quy định tại Điều 23 của Luật này;

b) Trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo;

d) Hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu;

đ) Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

③ Do phạm sai lầm trong công việc nên anh C (công chức nhà nước) bị cấp trên ra quyết định kỉ luật và điều chuyển công tác xuống một vị trí thấp hơn trước. Cho rằng quyết định đó chưa hợp lí và không đúng với các quy định của pháp luật, anh C đã làm đơn khiếu nại gửi lãnh đạo cơ quan đề nghị xem xét lại. Trong đơn, anh trình bày trung thực lại sự việc, đồng thời cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc khiếu nại. Sau khi gửi đơn và chờ lãnh đạo xem xét giải quyết, anh C vẫn nghiêm chỉnh chấp hành theo quyết định kỉ luật về điều chuyển công tác mà cấp trên đã ban hành trước đó.

④ Gần đây, bà M thường sử dụng mạng xã hội để đăng tải hình ảnh, thông tin sai sự thật, lăng mạ, vu khống chị U khiến chị bị nhiều người hiểu nhầm, cuộc sống gia đình chị bị đảo lộn. Để bảo vệ quyền lợi cho bản thân, chị U đã tới cơ quan công an tố cáo hành vi sai phạm của bà M. Sau khi cung cấp đầy đủ các thông tin cá nhân, chị U trình bày chi tiết sự việc, cung cấp các chứng cứ liên quan cho cán bộ công an và đề nghị họ can thiệp giải quyết sự việc.

?

1/ Các chủ thể trong trường hợp 3 và 4 đã thực hiện nghĩa vụ gì của công dân về khiếu nại, tố cáo?

2/ Em hãy nêu ví dụ minh hoạ cho việc công dân thực hiện tốt nghĩa vụ về khiếu nại, tố cáo.

Trong quá trình thực hiện quyền khiếu nại, quyền tố cáo, công dân có nghĩa vụ sau: trình bày trung thực nội dung khiếu nại, tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, tố cáo; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khiếu nại, tố cáo; tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác;...

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 166. Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo (trích)

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

a) Dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc hành vi khác cản trở việc khiếu nại, tố cáo, việc xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc việc xử lí người bị khiếu nại, tố cáo;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn cản trở việc thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo gây thiệt hại cho người khiếu nại, tố cáo.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:

b) Trả thù người khiếu nại, tố cáo;

d) Dẫn đến biểu tình;

đ) Làm người khiếu nại, tố cáo tự sát.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

❷ Thời gian trước, chị N (hiện đang công tác trong một cơ quan nhà nước) đã làm đơn khiếu nại đề nghị lãnh đạo cơ quan xem xét lại quyết định hành chính ảnh hưởng đến quyền lợi của mình và được giải quyết theo hướng quyết định hành chính và khôi phục các quyền và lợi ích hợp pháp. Tuy nhiên, sau đó, người bị chị N khiếu nại thường xuyên có hành vi cô lập và gây khó dễ cho chị trong công việc. Sự việc đó khiến chị N mệt mỏi, hiệu quả công việc bị giảm sút và nhiều lần muốn nghỉ việc.

❸ Bà M làm đơn tố cáo một số cán bộ lãnh đạo địa phương tham ô, nhận hối lộ nhưng không cung cấp được bằng chứng nên cơ quan công an không có căn cứ thụ lí vụ việc. Không hài lòng với việc làm trên, bà M đã đăng nhiều tin sai sự thật về sự việc lên mạng xã hội khiến nhiều người dân hiểu nhầm, ảnh hưởng tới uy tín của các cán bộ và cơ quan nhà nước ở địa phương.

1/ Hành vi vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân trong trường hợp 2 và 3 đã gây ra những hậu quả như thế nào?

2/ Ngoài những hậu quả đã đề cập đến trong các trường hợp trên, theo em, hành vi vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo của công dân còn có thể dẫn đến những hậu quả nào khác? Giải thích và nêu ví dụ minh hoạ.

3/ Em hãy chia sẻ về một trường hợp vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại hoặc tố cáo mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo sẽ gây nên nhiều hậu quả tiêu cực. Đối với xã hội: ảnh hưởng đến tính tôn nghiêm của pháp luật và trật tự quản lí nhà nước; có thể gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; làm ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoạt động của cán bộ, cơ quan, tổ chức nhà nước;... Đối với cá nhân: xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân; làm ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, công việc, kinh tế của công dân;...

Người thực hiện hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo, tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Công dân chỉ có quyền khiếu nại trong lĩnh vực hành chính.

b. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo có thể dẫn đến khủng hoảng chính trị đất nước.

c. Đăng bài lên mạng xã hội là việc làm thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

d. Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo sẽ góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

2. Các chủ thể dưới đây thực hiện đúng hay vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo? Vì sao?

a. Cán bộ T khuyên anh B nên rút đơn tố cáo để tránh bị trả thù nhưng anh B không đồng ý.

b. Lãnh đạo cơ quan X yêu cầu nhân viên tổ chức nhiều kênh tiếp nhận thông tin phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, góp ý, phê bình của nhân dân tại cơ quan.

c. Công an G hướng dẫn anh D một số biện pháp đảm bảo an toàn cho bản thân sau khi tiếp nhận thông tin tố cáo của anh.

d. Bà S cố tình cung cấp các thông tin sai sự thật khi tố cáo bà A vi phạm pháp luật.

3. Em hãy đưa ra lời khuyên cho các nhân vật trong mỗi tình huống dưới đây:

a. Bố mẹ P nhận thấy mức bồi thường từ việc thu hồi một phần diện tích đất ở theo quyết định của Uỷ ban nhân dân xã đối với gia đình mình để giải phóng mặt bằng, mở rộng đường giao thông là không hợp lí vì thấp hơn mức quy định của Nhà nước. Cả hai cùng băn khoăn về việc có nên gửi đơn khiếu nại hay không vì diện tích đất bị thu hồi cũng không quá lớn và lo ngại sau khi khiếu nại có thể gặp một số rắc rối, khó khăn.

Nếu là P, em sẽ khuyên bố mẹ như thế nào?

b. Y phát hiện chủ tiệm tạp hoá gần nhà nhiều lần bán pháo nổ và đồ dùng tự quấn pháo nổ cho trẻ em. Y chia sẻ sự việc với O và muốn tố cáo hành vi của chủ tiệm tạp hoá đó với cơ quan công an nhưng lại sợ bị trả thù, sợ người thân gặp nguy hiểm.

Nếu là O, em sẽ khuyên Y như thế nào?

4. Theo em, học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về khiếu nại, tố cáo?

VẬN DỤNG

Em hãy viết một bài luận thể hiện ý nghĩa của quyền và nghĩa vụ khiếu nại, tố cáo của công dân và chia sẻ lại với các bạn trong lớp.

Bài 16: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.*
- *Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.*

MỞ ĐẦU

Bảo vệ Tổ quốc là bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bảo vệ Tổ quốc được Hiến pháp và pháp luật quy định và là quyền cao quý của công dân.

Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của công dân.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

a) Quyền của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Quốc phòng năm 2018

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của công dân về quốc phòng (trích)

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

3. Công dân được tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng; giáo dục quốc phòng và an ninh; trang bị kiến thức, kĩ năng về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Công dân phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc được huy động làm nhiệm vụ quốc phòng thì bản thân và thân nhân được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Công dân bình đẳng trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

❷ Luật An ninh quốc gia năm 2004

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia (trích)

1. Tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.

2. Tố cáo hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, hành vi lợi dụng việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Phát hiện, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia cho chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia nơi gần nhất.

❸ Sáng ngày 16 – 2 – 2022, hơn 4 300 công dân Hà Nội đã lên đường nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ công an nhân dân. Các tân binh háo hức lên đường trong sự quyết tâm phấn đấu rèn luyện để ngày càng trưởng thành, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam ngày càng vững mạnh toàn diện; bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn môi trường hoà bình để quê hương và đất nước không ngừng phát triển.

(*Các địa phương tiễn thanh niên lên đường nhập ngũ*, Báo Nhân dân, ngày 16 – 2 – 2022)

❹ Chị V là một kĩ sư công nghệ thông tin, có chuyên môn tốt. Chị nhiều lần tham gia hỗ trợ các cơ quan nhà nước điều tra, ngăn chặn, đấu tranh với các hoạt động tội phạm công nghệ cao chống phá Nhà nước, gây rối trật tự an toàn xã hội, xâm phạm an ninh quốc gia. Tuy bận rộn nhưng chị V cảm thấy rất vinh dự, tự hào vì mình đã đóng góp được một phần công sức nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

1/ Các chủ thể trong trường hợp 3 và 4 đã thực hiện quyền bảo vệ Tổ quốc của công dân như thế nào?

2/ Theo em, công dân có quyền gì về bảo vệ Tổ quốc? Nêu ví dụ minh hoạ việc thực hiện tốt các quyền đó trong cuộc sống.

Bảo vệ Tổ quốc là quyền cao quý của mỗi công dân. Công dân có quyền tham gia lực lượng bảo vệ an ninh quốc gia và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật; có quyền tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; có quyền bình đẳng về bảo vệ Tổ quốc; có quyền kiến nghị với chính quyền hoặc cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia khắc phục sơ hở, thiếu sót trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia;...

b) Nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 44.

Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc.

Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

Điều 45.

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

2. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Điều 46.

Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

❷ Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015

Điều 4. Nghĩa vụ quân sự (trích)

1. Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân. Thực hiện nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân.

2. Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú phải thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật này.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Ông Q thường trú ở một tỉnh miền núi giáp biên giới. Một lần, ông cùng Đội tự quản địa phương vào rừng tuần tra thì tình cờ phát hiện một nhóm người khả nghi đang chôn giấu nhiều vũ khí nên đã quan sát, đánh dấu vị trí, sau đó đến đồn biên phòng trên địa bàn để trình báo lại sự việc.

4. Gần đây, cơ quan chức năng phát hiện có một nhóm người ở tỉnh A có những hành vi chống phá Nhà nước nên đã tiến hành điều tra, bắt giữ những đối tượng có liên quan. Nhiều người dân trên địa bàn tỉnh đã chủ động cung cấp thông tin, tạo điều kiện và phối hợp với lực lượng chức năng đập tan âm mưu phá hoại của các thế lực phản động, bảo vệ sự bình yên của đất nước.

?

1/ Các chủ thể trong trường hợp 3 và 4 đã thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc của công dân như thế nào?

2/ Theo em, công dân có nghĩa vụ gì về bảo vệ Tổ quốc? Nêu ví dụ minh hoạ việc thực hiện tốt các nghĩa vụ đó trong cuộc sống.

Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi công dân Việt Nam. Công dân có nghĩa vụ tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; thực hiện nghĩa vụ quân sự; tham gia dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân; giúp đỡ, tạo điều kiện cho cơ quan và người có trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; vận động, tuyên truyền người thân tuân theo các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc;...

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc

***Em hãy đọc** các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:*

1. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 108. Tội phản bội Tổ quốc (trích)

1. Công dân Việt Nam nào câu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Điều 109. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân

Người nào hoạt động thành lập hoặc tham gia tổ chức nhằm lật đổ chính quyền nhân dân, thì bị phạt như sau:

1. Người tổ chức, người xúi giục, người hoạt động đắc lực hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân;

2. Người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm;

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm.

Điều 117. Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (trích)

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì bị phạt tù từ 5 năm đến 12 năm:

a) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân;

b) Làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm có nội dung bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân;

❷ Anh M nhận được giấy gọi đăng kí nghĩa vụ quân sự ngay sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Một người quen đã khuyên anh M nên nhờ người thân hỗ trợ làm sai lệch kết quả khám sức khoẻ để không phải nhập ngũ. Tuy nhiên, anh M cho rằng đó là hành vi vi phạm pháp luật, nếu bị phát hiện thì bản thân và những người liên quan sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật.

❸ Ông Đ lập một nhóm kín trên mạng xã hội tập hợp những người có tư tưởng bất mãn với chính quyền và tổ chức họp bàn kế hoạch, chuẩn bị vũ khí, công cụ hỗ trợ dự kiến tổ chức một cuộc bạo loạn với mục đích gây mất trật tự xã hội, an ninh chính trị nhằm chống phá Nhà nước Việt Nam. Qua trình báo của nhân dân, các cơ quan chức năng đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn hành vi của ông Đ cùng các đồng phạm, hạn chế các hậu quả tiêu cực về chính trị – xã hội, các thiệt hại về người và tài sản có thể xảy ra.

?

1/ Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc?

2/ Em hãy kể một số hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc.Theo em, các hành vi đó sẽ dẫn đến những hậu quả gì?

3/ Em hãy chia sẻ về một trường hợp vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc gây nên nhiều hậu quả tiêu cực. Đối với xã hội: gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân tộc; gây khủng hoảng chính trị; cản trở sự phát triển của đất nước;... Đối với cá nhân: xâm phạm quyền bình đẳng, quyền tự do, dân chủ của công dân; gây tổn thất về sức khoẻ, tính mạng, tiền bạc của công dân;...

Người thực hiện hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc, tuỳ theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm riêng của lực lượng quân đội, công an.

b. Quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc chỉ được thực hiện khi đất nước xảy ra chiến tranh.

c. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất.

d. Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

2. Hành vi, việc làm của các chủ thể dưới đây là thực hiện đúng hay vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc? Vì sao?

a. H khuyên bạn bè không nên xem một bộ phim nước ngoài vì có nhiều thông tin sai lệch về chủ quyền, lãnh thổ, đường lối quân sự của Việt Nam.

b. N chỉnh sửa ảnh và đăng tải thông tin sai lệch về tình hình chính trị – xã hội đất nước lên mạng xã hội để tăng lượng tương tác.

c. V từ chối khi được người quen gợi ý hỗ trợ để không phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.

d. A khuyên một người bạn trong lớp không nên chia sẻ lại các thông tin tiêu cực, bất mãn với chính quyền lên mạng xã hội.

3. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Đang học năm thứ nhất ở một trường đại học lớn, anh C quyết định xin bảo lưu kết quả học tập để thực hiện nghĩa vụ quân sự. Khi biết tin, nhiều bạn bè và người thân của anh C đã phản đối, khuyên anh C nên suy nghĩ lại.

Nếu là anh C, em sẽ giải thích như thế nào để mọi người hiểu và ủng hộ quyết định của mình?

b. Mẹ dự định sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông sẽ đưa S đi du học để sau này kế thừa sự nghiệp kinh doanh của gia đình. Tuy nhiên, S không đồng ý, S muốn được thực hiện nghĩa vụ quân sự rồi phấn đấu rèn luyện để trở thành một sĩ quan chuyên nghiệp. Biết được dự định của S, mẹ tỏ thái độ phản đối khiến S rất khó xử.

Nếu là S, em sẽ thuyết phục mẹ như thế nào?

VẬN DỤNG

Em hãy viết một bài luận về những việc mà bản thân và gia đình đã làm để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ Tổ quốc và chia sẻ lại với các bạn trong lớp.

CHỦ ĐỀ 9

MỘT SỐ QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Bài 17: QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ VÀ QUYỀN ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO HỘ VỀ TÍNH MẠNG, SỨC KHOẺ, DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA CÔNG DÂN

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân.*
- *Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân.*
- *Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân trong một số tình huống đơn giản.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.*

MỞ ĐẦU

Quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm là những quyền con người quan trọng được ghi nhận trong Hiến pháp và luật. Các quyền này không thể tách rời đối với mỗi cá nhân.

Em hãy chia sẻ lại một hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể hoặc quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân mà em biết. Em có suy nghĩ như thế nào về hành vi đó?

KHÁM PHÁ

1. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

a) Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 20.

1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khoẻ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.

2. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định.

3. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kì hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm.

❷ Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025)

Điều 10. Bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

Việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp, việc bắt, tạm giữ, tạm giam người phải theo quy định của Bộ luật này. Nghiêm cấm tra tấn, bức cung, dùng nhục hình hay bất kì hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, tính mạng, sức khoẻ của con người.

❸ Chú Y và anh K chặn đường định bắt anh B đưa về nhà để ép trả nợ. Một số người dân xung quanh khi phát hiện sự việc đã can thiệp, ngăn chặn hành vi của chú Y và anh K, đồng thời khuyên anh B nên trình báo lại sự việc với cơ quan công an để được hỗ trợ.

❹ Nghi ngờ anh T hàng xóm lấy trộm xe máy của mình nên ông X đã trình báo sự việc với công an xã và yêu cầu bắt giữ anh T để điều tra. Tuy nhiên, công an xã đã từ chối thực hiện việc bắt giữ theo yêu cầu của ông X vì không đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

?

1/ Trong trường hợp 3 và 4, các chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân? Vì sao?

2/ Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. Theo em, các quy định đó của pháp luật có ý nghĩa gì?

b) Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (trích)

1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Đối với người đang thi hành công vụ;

e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

g) Làm cho người bị bắt, giữ, giam hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn;

h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khoẻ hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỉ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

❷ Vừa qua, Phòng Cảnh sát Hình sự công an tỉnh H đã triệt phá đường dây mua bán người và bắt giữ người trái pháp luật để ép làm nhân viên phục vụ tại các quán karaoke trên địa bàn tỉnh. Cảnh sát Hình sự đã bắt giữ 4 đối tượng và giải cứu 7 cô gái trẻ đang bị nhóm người này khống chế, giam giữ trái phép.Việc làm này đã kịp thời ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật của các đối tượng xấu, góp phần ổn định trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo quyền tự do cho các nạn nhân và hạn chế tổn thất về tinh thần, sức khoẻ, tiền bạc cho họ.

?

1/ Trường hợp 2 đề cập đến những hậu quả gì đối với hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân?

2/ Theo em, hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân có thể gây ra những hậu quả gì đối với bản thân người bị vi phạm, người vi phạm, gia đình và xã hội?

3/ Từ hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, em cần làm gì để bảo vệ quyền này của mình?

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể. Pháp luật Việt Nam đảm bảo sự tự do và an toàn về thân thể cho mỗi công dân, nghiêm cấm các hành vi tự ý xâm phạm đến thân thể của người khác dưới mọi hình thức.

Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân gây tổn hại về sức khoẻ, tính mạng, tinh thần, uy tín, danh dự, kinh tế,... đối với người bị xâm phạm tự do cá nhân; gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; làm sụt giảm uy tín của cán bộ, cơ quan nhà nước,... Người thực hiện hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật. Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lí kỉ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bồi thường thiệt hại (nếu có).

2. Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm của công dân

a) *Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân*

***Em hãy đọc** các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:*

❶ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 33. Quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khoẻ, thân thể (trích)

1. Cá nhân có quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

2. Khi phát hiện người bị tai nạn, bệnh tật mà tính mạng bị đe doạ thì người phát hiện có trách nhiệm hoặc yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức khác có điều kiện cần thiết đưa ngay đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi gần nhất; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

3. Việc gây mê, mổ, cắt bỏ, cấy ghép mô, bộ phận cơ thể người; thực hiện kĩ thuật, phương pháp khám, chữa bệnh mới trên cơ thể người; thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất cứ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải được sự đồng ý của người đó và phải được tổ chức có thẩm quyền thực hiện.

Điều 34. Quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín

1. Danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ.

2. Cá nhân có quyền yêu cầu Toà án bác bỏ thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của mình.

3. Thông tin ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân được đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng nào thì phải được gỡ bỏ, cải chính bằng chính phương tiện thông tin đại chúng đó. Nếu thông tin này được cơ quan, tổ chức, cá nhân cất giữ thì phải được huỷ bỏ.

5. Cá nhân bị thông tin làm ảnh hưởng xấu đến danh dự, nhân phẩm, uy tín thì ngoài quyền yêu cầu bác bỏ thông tin đó còn có quyền yêu cầu người đưa ra thông tin xin lỗi, cải chính công khai và bồi thường thiệt hại.

❷ Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025)

Điều 11. Bảo hộ tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân

Mọi người có quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản.

Mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân; xâm phạm danh dự, uy tín, tài sản của pháp nhân đều bị xử lí theo pháp luật.

Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho Nhà nước khác.

❸ Phát hiện M đăng tải nhiều thông tin sai sự thật, vu khống mình lên mạng xã hội, A đã yêu cầu M gỡ bỏ, đính chính nhưng M không đồng ý. A đã làm đơn trình báo sự việc tới cơ quan công an địa phương, đề nghị can thiệp để bảo vệ quyền công dân.

❹ Trong khi tuần tra, các chiến sĩ công an quận K phát hiện một đối tượng có biểu hiện sử dụng chất kích thích đang cầm hung khí đe doạ, tấn công người dân đi đường nên đã can thiệp khống chế, bắt giữ để đảm bảo an toàn cho mọi người, ngăn chặn những hậu quả đáng tiếc xảy ra.

?

1/ Trong trường hợp 3 và 4, các chủ thể đã thực hiện đúng hay vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân? Vì sao?

2/ Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân. Theo em, các quy định đó có ý nghĩa như thế nào?

b) Hậu quả của hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 156. Tội vu khống (trích)

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm:

a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;

b) Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm:

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;

e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;

h) Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

❷ Nhận được tin báo từ quần chúng nhân dân, công an xã B đã kịp thời can thiệp và ngăn chặn một vụ đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn của hai nhóm thanh thiếu niên trên địa bàn, nhờ đó hạn chế được những tổn thất về sức khoẻ, tính mạng, tài sản cho những người liên quan.

❸ Từ trước đến nay, O luôn cho rằng hành vi bạo lực học đường chỉ gây nên những tổn thương về sức khoẻ trên thân thể người bị bạo lực. Tuy nhiên, sau khi xem phóng sự về tình trạng bạo lực học đường hiện nay, O nhận ra những hành vi đó còn có thể khiến các nạn nhân bị khủng hoảng tâm lí, tuyệt vọng và có những hành vi tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, tương lai. O tự nhủ bản thân sẽ không thực hiện những hành vi gây tổn thương cho bạn bè, đồng thời sẽ chủ động tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, phổ biến để giúp mọi người hiểu hơn về bạo lực học đường và có ý thức phòng tránh, không vi phạm pháp luật.

?

1/ Em hãy cho biết, các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân.

2/ Ngoài những hậu quả đã đề cập đến ở trên, hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân còn có thể gây ra những hậu quả nào khác? Giải thích và nêu ví dụ minh hoạ.

3/ Em hãy chia sẻ về một trường hợp vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân mà em biết. Qua trường hợp đó em đã rút ra bài học gì cho bản thân?

Công dân được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm. Các hành vi xâm phạm trái phép tới tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân bị nghiêm cấm và xử lí theo quy định của pháp luật.

Hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân gây nên những hậu quả tiêu cực như: gây tổn hại về sức khoẻ (thương tích, tàn tật, sảy thai,...), tính mạng, tâm lí (lo lắng, sợ hãi, rối loạn tâm thần,...), kinh tế, học tập, công việc, danh dự, uy tín của công dân; gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; ảnh hưởng đạo đức lối sống; gây tổn hại đến uy tín của cơ quan nhà nước; ảnh hưởng xấu đến tính tôn nghiêm của pháp luật,...

Người thực hiện hành vi vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị kỉ luật, xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân

Em hãy quan sát các bức tranh sau và trả lời câu hỏi:









1/ Các học sinh trong những bức tranh trên đã làm gì để thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân?

2/ Theo em, học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân? Hãy kể những việc em đã làm để thực hiện tốt các quyền này.

Học sinh cần tích cực, chủ động tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân; có ý thức tôn trọng thân thể, tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của mình và của người khác; tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân; đấu tranh, phê phán, tố cáo những hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân; tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về quyền bất khả xâm phạm thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân đến những người xung quanh.

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân chỉ được thực hiện khi cơ quan công an tiến hành bắt, giam, giữ người.

b. Chỉ có công dân Việt Nam mới được Nhà nước đảm bảo quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm.

c. Thực hiện tốt quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân góp phần duy trì an ninh, trật tự xã hội.

d. Thực hiện quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân là trách nhiệm riêng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. M là học sinh trường trung học phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh. Vào dịp tết, M trở về bản thăm gia đình thì bị anh P cùng một số người thân chặn đường, bắt về nhà làm vợ. M kiên quyết phản đối nhưng vẫn bị anh P và người thân giữ lại, không cho trở về nhà.

Theo em, hành vi của anh P và người thân có vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của M hay không? Vì sao?

b. Nghe tin em trai mình thường xuyên bị bạn cùng lớp là T bắt nạt, V đã rủ bạn chặn đường đánh T để dạy dỗ và cấm T không được tiếp tục bắt nạt bạn bè nữa.

Theo em, hành vi của V có vi phạm quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của T không? Vì sao?

3. Em hãy đưa ra các phương án xử lí phù hợp để thực hiện tốt quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân trong những tình huống sau:

a. Em thấy một bạn học cùng lớp đang bị một nhóm học sinh lạ chặn đường đánh.

b. Em bị bạn học đăng tin vu khống, sai sự thật trên mạng xã hội.

c. Em thấy một người phụ nữ đang cố gắng lôi kéo, ép buộc một bé gái đi theo dù bé gái gào khóc, không đồng ý.

d. Bạn thân của em chia sẻ muốn bỏ học vì bị một số bạn học trong lớp ghép ảnh chế giễu ngoại hình.

e. Em phát hiện trên cơ thể em bé nhà hàng xóm có nhiều thương tích do bị đánh.

VẬN DỤNG

Em hãy viết một đoạn văn ngắn về ý nghĩa của quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của công dân.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 18: QUYỀN BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ CHỖ Ở CỦA CÔNG DÂN

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.*
- *Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.*
- *Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân trong một số tình huống đơn giản.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.*

MỞ ĐẦU

Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở là một trong các quyền tự do cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định. Việc cá nhân, tổ chức tự tiện vào chỗ ở của người khác, tự tiện khám chỗ ở của công dân là vi phạm pháp luật.

Em hãy chia sẻ những hiểu biết của bản thân về hành vi xâm phạm chỗ ở trái phép.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 22.

1. Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp.

2. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.

3. Việc khám xét chỗ ở do luật định.

② Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025)

Điều 192. Căn cứ khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử (trích)

1. Việc khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, dữ liệu điện tử, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

Việc khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện cũng được tiến hành khi cần phát hiện người đang bị truy nã, truy tìm và giải cứu nạn nhân.

Điều 195. Khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện (trích)

1. Khi khám xét chỗ ở thì phải có mặt người đó hoặc người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở, có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người chứng kiến; trường hợp người đó, người từ đủ 18 tuổi trở lên cùng chỗ ở cố tình vắng mặt, bỏ trốn hoặc vì lí do khác họ không có mặt mà việc khám xét không thể trì hoãn thì việc khám xét vẫn được tiến hành nhưng phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi khám xét và hai người chứng kiến.

Không được bắt đầu việc khám xét chỗ ở vào ban đêm, trừ trường hợp khẩn cấp nhưng phải ghi rõ lí do vào biên bản.

③ Trong khi chị V đi làm, A phát hiện có mùi khét bốc ra từ nhà của chị nên lấy điện thoại gọi để thông báo tình hình và xin phép phá khoá vào nhà kiểm tra. Sau khi được chị V đồng ý, A liền cùng hàng xóm đập khoá cửa, chạy lên tầng 2 và kịp thời ngắt nguồn chiếc quạt đang bị chập điện, tránh được những hậu quả đáng tiếc có thể xảy ra.

?

1/ Chủ thể trong trường hợp 3 đã thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân như thế nào?

2/ Em hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân trong cuộc sống.

Chỗ ở là nhà ở, phương tiện hoặc nhà khác mà công dân sử dụng để cư trú. Chỗ ở thuộc quyền sở hữu của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật.

Công dân có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi tự ý xâm phạm trái phép chỗ ở của công dân. Các cơ quan chức năng chỉ được khám xét chỗ ở của công dân trong trường hợp được pháp luật cho phép và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi khám xét phải tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 158. Tội xâm phạm chỗ ở của người khác

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây xâm phạm chỗ ở của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm:

a) Khám xét trái pháp luật chỗ ở của người khác;

b) Đuổi trái pháp luật người khác ra khỏi chỗ ở của họ;

c) Chiếm giữ chỗ ở hoặc cản trở trái pháp luật người đang ở hoặc người đang quản lí hợp pháp vào chỗ ở của họ;

d) Xâm nhập trái pháp luật chỗ ở của người khác.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Làm người bị xâm phạm chỗ ở tự sát;

đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

❷ Đêm qua, chị T nghe thấy tiếng động lạ bên ngoài cửa nên đã xem camera thì thấy có một thanh niên lợi dụng đêm tối trèo cổng lẻn vào sân nhà mình rình mò và tìm cách phá khoá cửa để vào nhà. Chứng kiến hành vi của nam thanh niên, chị T thấy bất an, sợ hãi nên đã gọi điện cho hàng xóm và cơ quan có thẩm quyền đề nghị hỗ trợ.

❸ Trên đường đi làm ca đêm về, chị H gặp chị M cùng thôn bế con nhỏ vừa đi vừa khóc ngoài đường. Sau khi hỏi thăm và được biết mẹ con chị M vừa bị chủ nợ khoá cửa không cho vào nhà để ép trả tiền, chị H liền đưa mẹ con chị về nhà mình để đảm bảo an toàn và sắp xếp chỗ cho hai người nghỉ ngơi. Hôm sau, chị H khuyên chị M nên trình báo sự việc với chính quyền địa phương để được hỗ trợ.

?

1/ Em hãy cho biết, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

2/ Ngoài những hậu quả đã được đề cập đến trong trường hợp trên, hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân còn có thể gây ra những hậu quả nào khác? Nêu ví dụ minh hoạ.

Hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân gây nên nhiều hậu quả tiêu cực. Đối với xã hội: gây mất ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm trật tự quản lí hành chính nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan nhà nước;... Đối với cá nhân: khiến công dân mất chỗ ở, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của công dân và gia đình; gây thiệt hại về tinh thần, sức khoẻ, tính mạng, kinh tế, danh dự của công dân;...

Người vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, xử lí hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân

Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1. Thời gian gần đây, Q (16 tuổi) đọc được nhiều thông tin cảnh báo việc một số đối tượng lợi dụng khi các em nhỏ ở nhà một mình để thực hiện những hành vi xấu nên rất lo lắng cho em gái mình. Tranh thủ thời gian cuối tuần, Q chuẩn bị tài liệu, trò chơi đơn giản và đề nghị em gái gọi thêm các bạn nhỏ hàng xóm sang cùng chơi. Thông qua các trò chơi, Q đã khéo léo lồng ghép, hướng dẫn cho các em một số kiến thức pháp luật về quyền bất khả xâm phạm chỗ ở và các kĩ năng cần thiết để có thể tự bảo vệ an toàn cho bản thân khi ở nhà một mình.
2. Cơ quan công an xã A vừa tổ chức một buổi tuyên truyền phổ biến quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân và một số quyền tự do khác của công dân tại Trường Trung học phổ thông X. Khi tham gia hoạt động, các bạn học sinh rất hào hứng trước những chia sẻ của các cô chú công an và tích cực đặt ra nhiều câu hỏi, nhiều tình huống để bổ sung kiến thức, nâng cao hiểu biết cho bản thân về những quyền công dân quan trọng này.

1/ Ở trường hợp 1 và 2, các bạn đã thực hiện trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân như thế nào?

2/ Theo em, học sinh có trách nhiệm gì trong việc thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân? Hãy kể những việc em đã làm để thực hiện tốt quyền này.

Học sinh không được tự ý vào chỗ ở của người khác khi chưa được sự đồng ý; cần tích cực học tập, tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân; có ý thức tôn trọng chỗ ở của người khác; tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân; đấu tranh, phê phán, tố cáo các hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân; tham gia tuyên truyền, vận động, phổ biến các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở đến mọi người xung quanh;...

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Người dân chỉ được pháp luật bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở khi họ đang ở tại nhà riêng của mình.

b. Khi nghi ngờ nhà hàng xóm lấy trộm đồ của mình thì có quyền tự ý vào chỗ ở của họ để khám xét.

c. Chỉ được khám nhà khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc khám nhà phải tuân thủ trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

d. Chỉ có các cơ quan nhà nước thực thi pháp luật mới có trách nhiệm thực hiện quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

2. Các chủ thể dưới đây đã thực hiện đúng hay vi phạm quyền bất khả xâm phạm chỗ ở của công dân? Vì sao?

a. K cố tình đỗ xe ô tô chắn trước cửa nhà ông Y khiến mọi người trong nhà không thể mở cửa đi ra ngoài.

b. A tự ý mở cổng một nhà ven đường để vào nhặt quả bóng mình làm rơi.

c. Ông T khoá cửa phòng trọ, không cho T vào vì chậm đóng tiền thuê nhà.

d. Bảo vệ chung cư cùng một số cư dân đã phá cửa căn hộ để kịp thời đưa hai em bé đang leo trèo ở lan can ban công xuống trong khi người lớn đi vắng.

3. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. Anh X bị một nam thanh niên giật điện thoại nên cùng anh Y đuổi bắt. Khi đuổi đến khu vực trước nhà ông B thì không thấy tên cướp đó. Hai anh dừng lại quan sát và nghi ngờ tên cướp đã trèo tường vào nhà ông B lẩn trốn. Thấy cổng khoá, anh X gọi ông B mở cổng nhưng không có phản hồi. Lo lắng, nếu chờ lâu tên cướp sẽ bỏ trốn nên hai anh trèo tường vào nhà ông B để kiểm tra.

Theo em, hành vi trèo tường vào nhà ông B để tìm tên cướp của anh X và anh Y có vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân không? Vì sao?

b. T và D là đôi bạn thân. Một hôm T sang nhà D chơi và để quên điện thoại, khi về đến nhà mới phát hiện ra. T bèn quay lại nhà D để lấy điện thoại nhưng khi đến nơi thì phát hiện cả nhà D đi vắng. Biết nhà D có thói quen giấu chìa khoá dưới chậu cây trước cửa nhà nên T đã lấy chìa khoá mở cửa vào tìm điện thoại của mình, sau đó khoá cửa ra về.

Theo em, hành vi của T có vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân không? Vì sao?

4. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. C và bà nội đang chuẩn bị ăn cơm tối thì có hai người đàn ông mặc trang phục công an đến bấm chuông và yêu cầu mở cửa để khám xét vì nghi ngờ trong nhà đang tàng trữ chất cấm. Bà nội C nghe vậy liền giải thích trong nhà không cất

giấu chất cấm và gọi C mang chìa khoá ra mở cửa. C thấy băn khoăn nên tìm cách trì hoãn và gọi điện cho anh trai để xin ý kiến.

Nếu là anh trai của C, trong trường hợp này, em sẽ tư vấn cách xử lí như thế nào để C thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

b. K và bạn vô tình làm rơi quyển truyện xuống ban công nhà tầng dưới nên vội vàng chạy xuống để xin lại. Xuống đến nơi, K thấy cửa nhà hàng xóm chỉ khép hờ nhưng gọi mà không thấy ai trả lời. Người bạn thấy vậy liền bảo K cứ mở cửa vào lấy quyển truyện, mình chỉ nhặt đồ của mình làm rơi nên sẽ không sao.

Nếu là K, trong trường hợp này, em sẽ làm gì để thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân?

VẬN DỤNG

Em hãy viết một bài luận tuyên truyền về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân và chia sẻ lại với các bạn trong lớp.

Bài 19: QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM AN TOÀN VÀ BÍ MẬT THƯ TÍN, ĐIỆN THOẠI, ĐIỆN TÍN CỦA CÔNG DÂN

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật, thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.*
- *Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.*
- *Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân trong một số tình huống đơn giản.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.*

MỞ ĐẦU

Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín là quyền cơ bản của công dân, thuộc loại quyền về bí mật đời tư của cá nhân, được các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước và mọi người tôn trọng, được pháp luật bảo vệ.

Em hãy chia sẻ một hành vi xâm phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín mà em đã gặp hoặc nghe kể lại.

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 21 (trích)

2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác.

❷ Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 38. Quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình (trích)

3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật.

Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định,...

❸ Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, năm 2025)

Điều 192. Căn cứ khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử (trích)

2. Khi có căn cứ để nhận định trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử có công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án thì có thể khám xét thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử.

❹ Chị N phát hiện một bức thư lạ, bên ngoài được trang trí rất đẹp lẫn trong các bức thư của cơ quan mình nên cầm ra khoe với đồng nghiệp trong phòng. Một số người đề nghị bóc bức thư ra xem nội dung bên trong nhưng chị N không đồng ý. Chị nói rằng sẽ liên hệ với nhân viên bưu chính trả lại bức thư để họ chuyển đến đúng người nhận.

5 Do điện thoại bị hỏng nên X đã mượn điện thoại của chị gái để nhắn tin trao đổi bài tập với các bạn trong nhóm học tập. Trong khi trò chuyện với bạn, X thấy có nhiều tin nhắn được gửi đến cho chị gái trên một ứng dụng mạng xã hội, dù rất tò mò về nội dung đó nhưng X không mở ra xem. Sau khi hoàn thành bài tập nhóm, mặc dù chị gái đi vắng nhưng X đã chủ động mang điện thoại cất vào phòng chị.

?

1/ Các chủ thể trong trường hợp 4 và 5 đã thực hiện đúng hay vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân? Vì sao?

2/ Em hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân trong đời sống hằng ngày. Theo em, quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân có ý nghĩa gì?

Công dân có quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín. Mọi hành vi tự ý xâm phạm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân đều bị nghiêm cấm. Việc kiểm soát thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân chỉ được thực hiện trong trường hợp pháp luật có quy định và phải có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được thực hiện theo trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 159. Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác (trích)

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lí kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20 000 000 đồng đến 50 000 000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm:

a) Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kì hình thức nào;

b) Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông;

c) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật;

d) Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật;

đ) Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm:

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Tiết lộ các thông tin đã chiếm đoạt, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của người khác;

đ) Làm nạn nhân tự sát.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5 000 000 đồng đến 20 000 000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

❷ K bị hỏng điện thoại nên mang ra cửa hàng để sửa. Thợ sửa điện thoại thấy trong điện thoại của K có nhiều hình ảnh, clip riêng tư và đã chia sẻ cho bạn bè cùng xem. Một số người đã đăng tải những hình ảnh, clip đó lên mạng xã hội. Sự việc đó khiến K bị nhiều người chê cười, công kích. K xấu hổ và không giao tiếp với bất kì ai.

❸ Là bảo vệ của Công ty X nên anh T được nhân viên bưu điện nhờ chuyển bức thư cho anh Q (nhân viên trong Công ty X). Tuy nhiên, do bất cẩn nên anh T đã làm thất lạc bức thư, anh T sợ Q trách nên im lặng, không nói cho Q biết. Sự việc đó đã khiến anh Q chậm trễ trong việc giải quyết công việc và chịu thiệt hại lớn về kinh tế.

?

1/ Các thông tin, trường hợp trên đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

2/ Theo em, ngoài những hậu quả đã đề cập đến trong các thông tin, trường hợp trên, hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân còn có thể dẫn đến những hậu quả nào khác? Nêu ví dụ minh hoạ.

3/ Em hãy chia sẻ về một trường hợp vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân mà em biết và rút ra bài học cho bản thân.

Hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân gây nên những hậu quả tiêu cực như: xâm phạm đời sống riêng tư an toàn và bí mật cá nhân của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, tính mạng, tâm lí, danh dự, nhân phẩm, tiền bạc, học tập, công việc của công dân; gây ảnh hưởng xấu đến tính tôn nghiêm của pháp luật và trật tự quản lí hành chính;...

Người thực hiện hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, xử lí hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân

Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Cuối tuần, G về nhà bà ngoại chơi thì được hai người em họ rủ mở trộm khoá điện thoại của dì út để xem ảnh bạn trai của dì. Nghe vậy, G từ chối và giải thích cho các em hiểu việc xem trộm điện thoại của người khác là sai, nếu cố tình thực hiện sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

❷ Hôm nay, Trường Trung học phổ thông A phối hợp với cơ quan công an xã tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về một số quyền tự do của công dân như: quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm,... cho học sinh trong trường. Tham dự hoạt động, học sinh được nghe những chia sẻ của các cô, chú công an và tích cực đặt câu hỏi để nâng cao hiểu biết, bổ sung những kĩ năng tích cực cho bản thân, góp phần thực hiện tốt các quy định của pháp luật bằng những hành vi phù hợp lứa tuổi.

❸ Thấy anh họ đang cầm xem điện thoại của mình, O nhẹ nhàng yêu cầu anh trả lại điện thoại và nhắc nhở anh lần sau không nên tự ý xem trộm điện thoại của người khác.

?

1/ Trong những trường hợp trên, các bạn học sinh đã làm gì để thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân?

2/ Theo em, học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân? Hãy kể những việc em đã làm để thực hiện tốt quyền này.

Học sinh cần tích cực học tập, tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân; tôn trọng quyền của người khác; tôn trọng an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của người khác; phê phán, ngăn chặn, tố cáo những hành vi xâm phạm bí mật thư tín, điện thoại, điện tín; tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức về pháp luật trong cộng đồng và làm gương trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

LUYỆN TẬP

1. Theo em, các ý kiến sau đúng hay sai? Vì sao?

a. Trẻ em chưa đủ 18 tuổi nên không có quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

b. Xem trộm thư mà không làm rách, không chiếm đoạt nội dung thư thì không vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.

c. Thực hiện tốt quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân góp phần duy trì trật tự an toàn xã hội.

d. Trong trường hợp cần thiết thì ai cũng có quyền kiểm tra tin nhắn, thư, điện báo của người khác.

2. Các chủ thể dưới đây đã thực hiện đúng hay vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân? Vì sao?

a. Vào giờ ra chơi, khi thấy bức thư rơi ra từ ngăn bàn của bạn H cùng lớp, U đã nhặt lên và mở ra đọc, sau đó dùng keo dán kín và để lại chỗ cũ.

b. Y yêu cầu em trai không được cài mật khẩu điện thoại để thỉnh thoảng kiểm tra.

c. Anh Q nhắc nhở khách hàng xoá dữ liệu trên máy khi thu mua điện thoại cũ.

3. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. Ông M đang đi dạo trên bãi biển thì thấy có nhiều cảnh đẹp nên dùng điện thoại chụp ảnh làm kỉ niệm. Khi ông đang xem lại những bức ảnh đã chụp, một nam thanh niên tỏ thái độ tức giận đi tới yêu cầu ông đưa điện thoại để kiểm tra vì cho rằng ông đã quay phim, chụp lén bạn gái của mình. Ông M không đồng ý nhưng nam thanh niên vẫn xông vào giật điện thoại để xem. Khi phát hiện trong máy không có ảnh bạn gái mình, nam thanh niên ném trả điện thoại cho ông M và bỏ đi.

Theo em, hành vi của nam thanh niên trong tình huống trên có vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân hay không? Vì sao?

b. Em gái anh H năm nay vào lớp 10 và được bố mẹ mua tặng một chiếc điện thoại thông minh để tiện liên lạc. Anh H lo lắng em gái bị bạn xấu trên mạng dụ dỗ, lợi dụng nên khi cài đặt điện thoại cho em đã lén đồng bộ tất cả thông tin trên máy vào tài khoản của mình để có thể kiểm tra và ngăn chặn những thông tin xấu.

Theo em, hành vi của anh H trong tình huống trên có vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân hay không? Vì sao?

4. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. M và T là hàng xóm và chơi rất thân với nhau. Từ nhỏ, hai bạn nhiều lần dùng chung đồ và luôn xem đó là chuyện bình thường. Tuần trước, M sang nhà T để rủ bạn đi chơi, trong lúc T đi thay đồ, M thấy điện thoại T có tin nhắn nên đã mở ra đọc và trả lời hộ bạn. Khi biết chuyện, T không vui và muốn góp ý để M không tự ý xem điện thoại của người khác.

Nếu là T, trong trường hợp này, em sẽ làm gì để M hiểu và tôn trọng quyền được bảo mật điện thoại của công dân?

b. Chiều nay, N nhận được một bức thư, sau khi đọc xong N vội gấp, bỏ vào cặp sách rồi chạy đi đâu đó với gương mặt rất hoảng hốt. Một số bạn trong lớp lo lắng cho N nên định mở cặp lấy bức thư ra đọc xem nội dung thế nào. S cũng rất lo cho N nhưng S thấy việc tự ý đọc thư của người khác như vậy là không đúng. S băn khoăn không biết có nên ngăn cản các bạn hay không.

Nếu là S, trong trường hợp này em sẽ làm gì để thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn, bí mật thư tín của công dân?

VẬN DỤNG

Em hãy cùng các bạn lên kế hoạch và thực hiện một hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân cho những người xung quanh.

Bài 20: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ TỰ DO NGÔN LUẬN, BÁO CHÍ VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.*
- *Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.*
- *Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin trong một số tình huống đơn giản.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.*

MỞ ĐẦU

Quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin là một trong những quyền tự do cơ bản của con người, góp phần đảm bảo cho công dân có những điều kiện cần thiết để chủ động và tích cực tham gia vào công việc quản lí nhà nước và xã hội, đồng thời phát triển bản thân một cách toàn diện.

Em hiểu như thế nào là quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin?

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

a) *Quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin*

***Em hãy đọc** các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:*

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 25.

Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

❷ Luật Báo chí năm 2025

Điều 4. Quyền tự do báo chí của công dân

1. Sáng tạo tác phẩm báo chí.
2. Cung cấp thông tin cho báo chí.
3. Phản hồi thông tin trên báo chí.
4. Yêu cầu cải chính trên báo chí.
5. Tiếp cận thông tin báo chí.
6. Liên kết với cơ quan báo chí thực hiện sản phẩm báo chí.
7. In, phát hành báo in.

Điều 5. Quyền tự do ngôn luận trên báo chí của công dân

1. Phát biểu ý kiến về tình hình đất nước và thế giới.

2. Tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Góp ý kiến, kiến nghị, phản ánh, phê bình, khiếu nại, tố cáo trên báo chí đối với tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác.

❸ Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin (trích)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Công dân có quyền:

a) Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời;

b) Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

4. Sau khi Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) được ban hành, ông T đã viết bài bày tỏ sự ủng hộ và đưa ra những phân tích, đánh giá tích cực về vai trò, nội dung của Hiến pháp. Bài viết của ông T được đăng tải trên nhiều tờ báo uy tín đã góp phần tuyên truyền, phổ biến những quy định của Hiến pháp đến với mọi công dân.

5. Những năm qua, Trường Trung học phổ thông A có nhiều học sinh đạt thành tích xuất sắc trong các kì thi học sinh giỏi quốc gia và thi đại học. Nhiều nhà báo đã về trường phỏng vấn các thầy cô và học sinh để đưa tin, viết bài bày tỏ sự ngưỡng mộ và khen ngợi đối với ngôi trường có bề dày truyền thống dạy và học này.

6. Sắp tới, P dự định sẽ đăng kí tham dự kì thi đánh giá năng lực của Trường Đại học K với mong muốn sẽ trở thành sinh viên của ngôi trường nổi tiếng này. P đã chủ động tìm kiếm tài liệu ôn tập và liên hệ trực tiếp với cán bộ của trường để được cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục liên quan nhằm đảm bảo việc tham gia kì thi sẽ diễn ra thuận lợi, có kết quả tốt.

?

1/ Các chủ thể trong trường hợp 4, 5 và 6 đã thực hiện quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin như thế nào?

2/ Theo em, công dân có những quyền gì về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin? Em hãy nêu ví dụ về việc thực hiện tốt quyền này trong cuộc sống.

Công dân có quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật: được tự do phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm của mình trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; được tham gia ý kiến xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; được sáng tạo tác phẩm báo chí, tiếp cận thông tin báo chí, phản hồi thông tin, cung cấp thông tin cho báo chí; được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin cần thiết để phục vụ cho cuộc sống; được quyền khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin;...

b) Nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1. Luật Báo chí năm 2025

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm (trích)

1. Đăng, phát thông tin chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nội dung:

a) Xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Bịa đặt, gây hoang mang trong nhân dân; phỉ báng, phủ nhận chính quyền nhân dân;

2. Đăng, phát thông tin có nội dung:

a) Gây chia rẽ giữa các giai cấp, tầng lớp nhân dân, giữa nhân dân với chính quyền, với lực lượng vũ trang nhân dân, với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội;

b) Gây hằn thù, phân biệt đối xử về giới; kì thị giới tính, dân tộc, xuất thân địa vị xã hội, kì thị phân biệt đối xử với người khuyết tật, người yếu thế; chia rẽ li khai dân tộc, xâm phạm quyền bình đẳng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam;

4. Xuyên tạc lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, anh hùng dân tộc.

6. Tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và bí mật khác theo quy định của pháp luật.

9. Thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; quy kết tội danh khi chưa có bản án của Toà án.

10. Thông tin ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ em.

❷ Luật Tiếp cận thông tin năm 2016

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin (trích)

2. Công dân có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;

b) Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;

c) Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

❸ Anh D là phóng viên của toà soạn báo S. Anh thường xuyên được lãnh đạo cơ quan giao nhiệm vụ tìm hiểu thông tin và viết bài ở nhiều địa phương. Trong quá trình làm việc, anh luôn tuân thủ đạo đức của người làm báo, thực hiện đúng các quy định của Luật Báo chí và các quy định của pháp luật có liên quan, thu thập, xác minh thông tin cẩn thận để cung cấp cho độc giả những nội dung bổ ích, phản ánh trung thực, khách quan tình hình đất nước và nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

❹ Gần đây, thấy một số bạn trong lớp liên tục có những thắc mắc về việc đăng kí nguyện vọng xét tuyển đại học nên lớp trưởng V đã chủ động tìm hiểu các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về vấn đề này để chia sẻ lại với các bạn. Các thông tin đều được V xác minh và có căn cứ rõ ràng để đảm bảo tính chính xác, tránh những nhầm lẫn có thể xảy ra.

1/ Các chủ thể trong trường hợp 3 và 4 đã thực hiện nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin như thế nào?

2/ Nêu ví dụ về việc thực hiện tốt các nghĩa vụ về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin; có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc và bảo vệ Tổ quốc trong quá trình thực hiện quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin; chịu trách nhiệm về những phát biểu, bài viết, thông tin mà mình cung cấp; thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới; không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin; không lợi dụng quyền tự do ngôn luận, báo chí để xâm phạm đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân;...

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 167. Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân

1. Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân, đã bị xử lí kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ từ 1 năm đến 5 năm.

❷ Thấy M đăng tải thông tin có nội dung sai lệch lên mạng xã hội, C (bạn thân của M) vội gọi điện khuyên bạn nên xoá bài viết để tránh những hậu quả không tốt. C giải thích cho M hiểu việc đăng tải thông tin đó có thể làm cho nhiều người hiểu nhầm, gây hoang mang dư luận, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và M có thể bị xử phạt theo quy định của pháp luật.

3 Sau khi được cán bộ Chi cục Thuế khu vực cung cấp thông tin và hướng dẫn thủ tục hoàn thuế, A về phổ biến lại cho các nhân viên trong công ty để mọi người thực hiện. Tuy nhiên, do nhầm lẫn, A đã cung cấp sai thông tin về thời gian thực hiện thủ tục khiến một số nhân viên chậm trễ, không hoàn tất hồ sơ và không nhận được tiền hoàn thuế theo đúng quy định của pháp luật.

?

1/ Em hãy cho biết, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin?

2/ Theo em, ngoài những hậu quả đã được đề cập trong các thông tin, trường hợp trên, hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin còn có thể dẫn đến những hậu quả nào khác? Nêu ví dụ minh hoạ.

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin gây nên những hậu quả tiêu cực như: xâm phạm quyền tự do, quyền dân chủ của công dân; ảnh hưởng tới trật tự quản lí hành chính nhà nước; ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước; có thể ảnh hưởng đến sức khoẻ, tinh thần, danh dự, uy tín, công việc của công dân;...

Người thực hiện hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1 Luật Thanh niên năm 2020

Điều 13. Trách nhiệm đối với Nhà nước và xã hội (trích)

1. Gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân.

2. Tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia.

3. Chủ động đề xuất ý tưởng, sáng kiến trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật; tham gia quản lí nhà nước và xã hội.

4. Tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

2 Vừa qua, Uỷ ban nhân dân thành phố H đã phối hợp với một số cơ quan, tổ chức trên địa bàn tổ chức hội nghị "Giải pháp quản lí rác thải sinh hoạt và bảo vệ môi trường bền vững". Tham dự hội nghị, một số học sinh là đại biểu của

Đoàn Thanh niên thành phố đã tích cực phát biểu bày tỏ quan điểm của bản thân và đóng góp nhiều ý kiến tích cực.

3. Sau bữa tối, bố mẹ thường yêu cầu C vào học bài ngay dù C rất muốn theo dõi chương trình thời sự. Sau khi suy nghĩ, C quyết định tìm cơ hội bày tỏ mong muốn của mình với bố mẹ. C giải thích cho bố mẹ hiểu mình chỉ xem một số chương trình trên ti vi để có thêm kiến thức về các lĩnh vực của cuộc sống, phục vụ cho việc học tập. Bố mẹ C nghe vậy liền vui vẻ đồng ý.

?

1/ Các học sinh trong trường hợp 2 và 3 đã làm gì để thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin?

2/ Theo em, học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin?

Học sinh cần tích cực học tập, tìm hiểu và nắm rõ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin; tích cực, chủ động thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin bằng những việc làm phù hợp với năng lực, lứa tuổi; phê phán, tố cáo những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin; tham gia tuyên truyền, vận động, giáo dục, giúp đỡ những người xung quanh hiểu và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin;...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Công dân đóng góp ý kiến về những vấn đề chung của đất nước, xã hội là thực hiện quyền tự do về ngôn luận, báo chí.

b. Quyền được tiếp cận thông tin là quyền con người có thể tự do đọc, xem, nghe, kể bất cứ thông tin nào nếu muốn.

c. Quyền tự do ngôn luận là quyền của công dân được tự do nói lên tất cả những suy nghĩ của mình ở mọi nơi, mọi lúc.

d. Khi thực hiện quyền tự do ngôn luận, báo chí, tiếp cận thông tin bắt buộc mọi công dân đều phải tuân theo những nghĩa vụ mà pháp luật quy định về các vấn đề đó.

2. Em có nhận xét gì về những hành vi sau đây?

a. K luôn chủ động phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ở lớp, ở trường và ở địa phương.

b. X từ chối bày tỏ ý kiến dù luôn được bố mẹ, thầy cô giáo khuyến khích.

c. N chủ động lên mạng tìm kiếm các thông tin cần thiết phục vụ cho học tập.

d. Y liên hệ toà soạn báo B yêu cầu họ đính chính thông tin sai lệch về mình trên báo.

3. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. M xảy ra mâu thuẫn với A (bạn học cùng lớp) nên đã viết bài bày tỏ những cảm xúc tiêu cực về A và đăng lên một nhóm kín trên mạng xã hội. Bài viết của M đã nhận được nhiều phản hồi từ các thành viên cùng nhóm, trong đó, phần lớn các bình luận bày tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ M và có những bình luận xúc phạm A.

Theo em, hành vi của các chủ thể trong tình huống trên có vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin không? Vì sao?

b. Với mục đích trêu đùa, tăng lượng tương tác, Q đã bịa ra một số thông tin giật gân không có thật rồi đăng tải lên mạng xã hội. Bài đăng của Q được một số người chia sẻ lại nên lan truyền nhanh khiến nhiều người hiểu nhầm và nảy sinh tâm lí hoang mang, lo sợ.

Theo em, hành vi của Q có vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin không? Vì sao?

4. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Gần đến ngày thành lập Đoàn 26 – 3, lớp của Q tổ chức một cuộc họp để thảo luận các nội dung chuẩn bị tham gia hội trại toàn trường. Trong cuộc họp, nhiều bạn đề xuất H sẽ tham gia biểu diễn văn nghệ vì bạn hát rất hay. Tuy nhiên, D không đồng ý và liên tục có những lời lẽ chê bai, xúc phạm ngoại hình của H khiến bạn bật khóc.

Nếu là lớp trưởng, trong trường hợp này, em sẽ làm gì để D hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận?

b. N đăng tải và chia sẻ lại thông tin từ các hội, nhóm trên mạng xã hội mà không quan tâm thông tin đó có đúng sự thật hay không.

Nếu là bạn của N, em sẽ khuyên N như thế nào để bạn hiểu được tác hại và không lặp lại hành vi đó nữa?

VẬN DỤNG

Em và các bạn hãy thiết kế một sản phẩm để tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.

Bài 21: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ TỰ DO TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

Yêu cầu cần đạt:

- *Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.*
- *Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.*
- *Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.*
- *Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo trong một số tình huống đơn giản.*
- *Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.*

MỞ ĐẦU

Tín ngưỡng, tôn giáo là những hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam nói riêng và nhiều người dân trên thế giới nói chung. Quyền tự do tín ngưỡng và tôn giáo còn là một trong các quyền tự do cơ bản của công dân và được Hiến pháp và pháp luật quy định, Nhà nước ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và đảm bảo.

Em hãy chia sẻ lại một hoạt động về tín ngưỡng, tôn giáo mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Em có suy nghĩ như thế nào về hoạt động đó?

KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

a) Quyền của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

Điều 24.

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật.

2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật.

❷ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 6. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người (trích)

1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào.

2. Mỗi người có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia lễ hội; học tập và thực hành giáo lí, giáo luật tôn giáo.

3. Mỗi người có quyền vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo, lớp bồi dưỡng của tổ chức tôn giáo. Người chưa thành niên khi vào tu tại cơ sở tôn giáo, học tại cơ sở đào tạo tôn giáo phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

4. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành có quyền thực hiện lễ nghi tôn giáo, giảng đạo, truyền đạo tại cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp khác.

5. Người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật về thi hành tạm giữ, tạm giam; người đang chấp hành hình phạt tù; người đang chấp hành biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc có quyền sử dụng kinh sách, bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo.

❸ Bố mẹ A là người theo tôn giáo nhưng luôn tôn trọng ý kiến của A, không cưỡng ép hay thuyết phục A cũng phải theo tôn giáo giống mình.

❹ Vào ngày lễ, Tết hằng năm, X thường cùng mẹ đi lễ tại ngôi chùa cổ (là di tích lịch sử – văn hoá) ở gần nhà để bày tỏ sự thành kính của mình và cầu mong những điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình, bạn bè.

?

1/ Trong trường hợp 3 và 4, các chủ thể đã thực hiện quyền của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo như thế nào?

2/ Em hãy nêu một số ví dụ thực hiện tốt quyền của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống hằng ngày. Theo em, những việc làm đó mang lại ý nghĩa gì?

b) Nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016

Điều 9. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

1. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo phải tuân thủ Hiến pháp, Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, người đại diện, ban quản lí cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm hướng dẫn tín đồ, người tham gia hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đúng quy định của pháp luật.

❷ Ông A là người đứng đầu một tôn giáo lớn tại thành phố X. Thời gian gần đây, trên địa bàn thành phố xuất hiện dịch bệnh truyền nhiễm dễ lây lan nên chính quyền thành phố ra quyết định cấm tập trung đông người ở những nơi công cộng. Ngay sau khi nhận được quyết định, ông A đã nghiêm túc chấp hành và yêu cầu các tín đồ của tôn giáo mình tạm ngừng những hoạt động lễ nghi quy mô lớn để phòng ngừa dịch bệnh.

❸ Hằng năm, vào tháng Giêng âm lịch, người dân làng Y lại tất bật chuẩn bị để tổ chức lễ hội truyền thống của làng. Lãnh đạo địa phương và người dân đã tổ chức nhiều cuộc họp để trao đổi, xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội theo đúng quy định của pháp luật, gìn giữ nét đẹp của quê hương, phòng ngừa các hành vi tiêu cực gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và đảm bảo an toàn cho người dân đến tham dự.

?

1/ Các chủ thể trong trường hợp 2 và 3 đã thực hiện nghĩa vụ gì của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo?

2/ Theo em, công dân có nghĩa vụ như thế nào trong thực hiện quyền tự do về tôn giáo, tín ngưỡng? Nêu ví dụ minh hoạ.

Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; có quyền bày tỏ niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo; có quyền thực hành lễ nghi tín ngưỡng, tôn giáo; có quyền tham gia lễ hội; có quyền học tập và thực hành giáo lí, giáo luật tôn giáo; có quyền khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo; có quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin về tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật;...

Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp về tự do tín ngưỡng, tôn giáo và các quy định khác có liên quan; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; không thực hiện các hành vi pháp luật cấm trong hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo; tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo; có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc trong thực hiện tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

Em hãy đọc các thông tin, trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

❶ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025)

Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác (trích)

1. Người nào dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác ngăn cản hoặc ép buộc người khác thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, đã bị xử lí kỉ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm:

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

d) Dẫn đến biểu tình;

đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm.

Điều 331. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

1. Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm.

❷ Gần đây, trên địa bàn tỉnh G xuất hiện một nhóm người tự xưng là tín đồ của một "đạo lạ" đến tổ chức sinh hoạt. Những người này tuyên truyền, hù doạ về ngày tận thế, kêu gọi người dân gia nhập đạo của họ để được cứu rỗi, khiến nhiều người dân tin theo. Nhóm người này cũng tung tin đạo của mình có khả năng chữa bệnh, trong đó có những căn bệnh nan y như: ung thư, bại liệt và yêu cầu người dân bỏ tiền đóng góp cho tổ chức để nhận về những bài thuốc chữa bệnh này,... Tuy nhiên, sau khi sử dụng số thuốc đó, một số người dân đã bị ngộ độc, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khoẻ, thậm chí có người đã tử vong.

❸ X có ý định tham gia tôn giáo của ông B. Tuy nhiên, sau một thời gian quan sát và tìm hiểu, X phát hiện cơ sở tôn giáo của ông B chưa được chính quyền cấp phép. Các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng diễn ra ở đây có dấu hiệu trục lợi, mê tín, dị đoan gây tốn kém tiền bạc, làm sai lệch nhận thức của nhiều người nên đã quyết định trình báo cơ quan chức năng đề nghị xem xét, giải quyết.

1/ Em hãy cho biết, trường hợp 2 và 3 đề cập đến những hậu quả gì của hành vi vi phạm quyền của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo?

2/ Ngoài những hậu quả đã được đề cập đến trong các trường hợp trên, theo em hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo còn có thể gây nên những hậu quả nào khác? Nêu ví dụ minh hoạ.

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo gây nên nhiều hậu quả tiêu cực như: xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; có thể gây tổn hại về sức khoẻ, tính mạng, tinh thần, danh dự, nhân phẩm, kinh tế, công việc, học tập,... của công dân; ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; làm mất đoàn kết dân tộc;... Người vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lí kỉ luật, xử lí hành chính, xử lí hình sự và phải bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo

Em hãy đọc các trường hợp sau để trả lời câu hỏi:

1. X bắt gặp bà M đang dùng những lời lẽ mê tín dị đoan để tuyên truyền, đe doạ, lôi kéo mẹ mình cùng một số người dân trong thôn tham gia tôn giáo lạ nên rất bức xúc. X vận dụng những kiến thức đã được học để phản bác lại lí lẽ sai lệch của bà M, giải thích cho mọi người hiểu một số nội dung quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân và khuyên mọi người không nên tuỳ tiện gia nhập các hội, nhóm tôn giáo lạ để bảo vệ bản thân. X cũng chủ động trình báo lại sự việc cho chính quyền xã và bày tỏ mong muốn chính quyền sẽ can thiệp để ngăn chặn những sự việc xấu phát sinh.
2. B vô tình thấy em họ của mình là N có bình luận tiêu cực, kì thị về một clip hoạt động tôn giáo trên mạng xã hội nên đã nói chuyện và yêu cầu N nên gỡ bỏ những bình luận đó. Ban đầu, N tỏ ra rất khó chịu, tức giận nhưng sau khi được B giải thích về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và những hậu quả có thể gặp phải nếu vi phạm quy định của pháp luật về quyền này thì N đã thay đổi thái độ. N gỡ bỏ các bình luận của mình và bắt đầu tìm hiểu thông tin về các quyền của công dân với mong muốn sau này sẽ không lặp lại hành vi sai lầm tương tự.
3. Gia đình A không theo tôn giáo nào nhưng bạn luôn có thái độ tôn trọng và thành kính đối với các cơ sở thờ tự như: đền, chùa, nhà thờ,... và với các tín đồ, chức sắc tôn giáo. Mỗi khi có dịp được ghé thăm các cơ sở thờ tự ở địa phương, A luôn chuẩn bị cho mình những trang phục kín đáo, lịch sự và có những cử chỉ, hành động đúng mực để thể hiện sự tôn kính của mình với những nơi này.

1/ Em hãy cho biết, trong những trường hợp trên, các bạn X, B và A đã làm gì để thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tôn giáo, tín ngưỡng?

2/ Theo em, học sinh có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo? Nêu ví dụ về việc học sinh thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo trong đời sống hằng ngày.

Học sinh cần tích cực, chủ động tìm hiểu và nắm rõ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tôn giáo, tín ngưỡng; tích cực, chủ động thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tôn giáo, tín ngưỡng bằng những việc làm phù hợp lứa tuổi; không xâm phạm các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác; phê phán, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo;...

LUYỆN TẬP

1. Em hãy cho biết các ý kiến sau đúng hay sai. Vì sao?

a. Mỗi người chỉ có thể theo một tín ngưỡng hay một tôn giáo.

b. Mê tín dị đoan không phải là tự do tôn giáo và tín ngưỡng.

c. Việc xâm phạm quyền tự do về tôn giáo chỉ xảy ra ở các tôn giáo lớn.

d. Thực hiện quyền và nghĩa vụ về tự do tín ngưỡng và tôn giáo là trách nhiệm riêng của những người theo tín ngưỡng và tôn giáo.

e. Thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là góp phần củng cố khối đoàn kết toàn dân tộc, gìn giữ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Em có nhận xét gì về các hành vi sau đây?

a. H chủ động tìm hiểu thông tin trước khi tham dự lễ hội tín ngưỡng ở địa phương khác để hiểu hơn về ý nghĩa của tín ngưỡng đó.

b. N không chơi với bạn A trong lớp vì A là người theo tôn giáo.

c. Mặc dù không theo tôn giáo nào nhưng V luôn thể hiện thái độ tôn trọng đối với các lễ nghi, quy tắc của các tôn giáo.

d. O kiên quyết ngăn cản em gái mình tham gia một tôn giáo lạ, có nhiều tin đồn tiêu cực.

3. Em hãy đọc các tình huống sau và trả lời câu hỏi:

a. Xã B là một xã miền núi, phần lớn dân cư là đồng bào dân tộc thiểu số, đời sống rất khó khăn. Gần đây, trên địa bàn xã xuất hiện một số người lạ mặt đến truyền đạo. Họ lén lút tiếp cận các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tặng quà và tiền, sau đó tuyên truyền, vận động những gia đình này đi theo đạo mới để được thoát nghèo, để có tiền mua xe, xây nhà. Tin lời nhóm người này, ông Q đã đồng ý gia nhập đạo, dỡ bỏ bàn thờ tổ tiên, bỏ bê công việc nương rẫy để nghe giảng đạo và ép buộc vợ con cũng phải thực hiện giống mình.

Theo em, hành vi của các chủ thể trong tình huống trên có vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo không? Vì sao?

b. Gia đình anh H theo tôn giáo X từ lâu đời nên khi biết tin anh muốn cưới chị O là người theo tôn giáo G, một số người thân của anh đã tỏ thái độ không hài lòng. Họ nhiều lần chê bai, có những lời lẽ không hay khi nhận xét về những người theo tôn giáo G và khuyên anh H nên bỏ chị O để lấy người khác. Bố anh cũng ra điều kiện chỉ cho phép anh và chị O cưới nhau nếu chị O từ bỏ tôn giáo G để theo tôn giáo X giống gia đình mình.

Em hãy cho biết, trong tình huống trên, những hành vi nào vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo? Vì sao?

4. Em hãy xử lí các tình huống sau:

a. Gia đình Q tham gia một tôn giáo nên mọi người cũng muốn Q tham gia cùng. Q đã từng bày tỏ thái độ từ chối nhưng một số người thân trong nhà không đồng ý và dùng nhiều cách để ép Q tham gia. Q cảm thấy bất lực và mệt mỏi.

Nếu là Q, trong tình huống này, em sẽ làm gì để mọi người trong gia đình hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân?

b. Gần đây, một số bạn trong lớp G bị lôi kéo tham gia một tôn giáo lạ và thường có những suy nghĩ, hành vi tiêu cực, không đúng với thực tế khiến học tập sa sút.

Nếu là G, trong tình huống này, em sẽ làm gì để các bạn trong lớp hiểu được tác hại và không tham gia tôn giáo lạ đó nữa?

VẬN DỤNG

Em hãy viết một bài luận về tầm quan trọng của việc thực hiện quyền tự do về tín ngưỡng và tôn giáo đối với đời sống nhân dân ở địa phương em.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Giải thích thuật ngữ	Trang
Phần một: GIÁO DỤC KINH TẾ		
GDP	tổng sản phẩm quốc nội, đo lường tổng giá trị thị trường của tất cả các loại hàng hoá, dịch vụ được sản xuất ra ở một quốc gia trong một thời kì nhất định.	22, 24, 47
Giá thành sản phẩm	toàn bộ các chi phí để hoàn thành việc sản xuất và tiêu thụ một đơn vị sản phẩm.	6
Lãi suất thực tế	Lãi suất danh nghĩa là mức lãi suất thu được từ tiền gửi tiết kiệm hoặc là mức lãi suất phải trả khi vay tiền chưa tính tới sự thay đổi sức mua của loại tiền đó do tác động của lạm phát. Lãi suất thực tế là lãi suất danh nghĩa sau khi trừ đi tỉ lệ lạm phát.	17
Tổng cầu	lượng hàng hoá và dịch vụ mà các tác nhân trong nền kinh tế sẵn sàng và có khả năng mua tại mỗi mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.	12, 17, 18
Tổng cung	tổng khối lượng hàng hoá và dịch vụ mà nền kinh tế có thể sản xuất và cung ứng cho thị trường tương ứng với các mức giá khác nhau trong một thời kì nhất định.	11, 18
Phần hai: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT		
An ninh quốc gia	sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.	56, 71, 81, 96, 100, 101, 127

Bị can	người hoặc pháp nhân bị khởi tố về hình sự.	87
Cải tạo không giam giữ	hình phạt được quy định tại Bộ luật Hình sự, do Toà án quyết định. Người bị kết án về hình phạt này được giao cho cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội nơi người phạm tội làm việc, học tập hoặc thường trú giám sát, giáo dục.	82, 89, 96, 105, 108, 113, 119, 126, 131, 132
Cảnh cáo	sự nhắc nhở, khiển trách công khai của pháp luật đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ hoặc người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng chưa đến mức miễn phạt.	89, 119, 132
Cơ sở tôn giáo	gồm chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, trụ sở của tổ chức tôn giáo, cơ sở hợp pháp khác của tổ chức tôn giáo.	74, 75, 77, 130, 132, 133
Chức sắc	tín đồ được tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử để giữ phẩm vị trong tổ chức.	75, 77, 130, 133
Giam người trái pháp luật	hành vi của người không có thẩm quyền thực hiện việc cách li người khác trái pháp luật ở một địa điểm và trong một khoảng thời gian nhất định.	105
Giải quyết khiếu nại	thụ lí, xác minh, kết luận và ra quyết định giải quyết khiếu nại.	93, 94, 95, 96
Giải quyết tố cáo	thụ lí, xác minh, kết luận nội dung tố cáo và xử lí kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.	94, 95, 96
Giữ người trái pháp luật	hành vi của người không có thẩm quyền và thực hiện không theo đúng các quy định của pháp luật để không cho người khác di chuyển vượt ra ngoài sự kiểm soát của mình, trong một khoảng thời gian nhất định.	106
Hành vi hành chính	hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.	93

Hoạt động tôn giáo	hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lí tổ chức của tôn giáo.	73, 74, 75, 76, 130, 132, 133
Khám xét	hoạt động điều tra được tiến hành ngay sau khi khởi tố vụ án theo lệnh của người có thẩm quyền được quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự để tìm kiếm và thu giữ công cụ phạm tội, cũng như mọi đồ vật và tài liệu khác có thể có ý nghĩa đối với vụ án. Có thể tiến hành khám xét để phát hiện những người đang bị truy nã và phát hiện tử thi.	112, 113, 114, 115, 116, 118, 119
Năng lực hành vi dân sự	khả năng của chủ thể do pháp luật quy định, bằng hành vi và theo ý chí của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật.	86, 87, 92
Pháp luật bảo hộ	hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.	73, 76, 104, 105, 106, 107, 108
Phạt tù	hình phạt tước quyền tự do của con người, buộc người bị kết án phải cách li khỏi cuộc sống bình thường của xã hội, sống trong môi trường riêng biệt có sự kiểm soát chặt chẽ (trại giam).	75, 76, 82, 86, 87, 89, 96, 97,...
Tín ngưỡng	niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.	101, 129, 130, 131, 132, 133, 134
Tín đồ	người tin, theo một tôn giáo và được tổ chức tôn giáo đó thừa nhận.	75, 76, 77, 126, 128, 130, 131, 132, 133
Tôn giáo	niềm tin của con người tồn tại với hệ thống quan niệm và hoạt động bao gồm đối tượng tôn thờ, giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức.	55, 57, 58, 63, 67, 70, 73

Trách nhiệm pháp lí	nghĩa vụ mà chủ thể phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình. Trách nhiệm pháp lí được áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật tương ứng. Người có hành vi vi phạm pháp luật nào thì sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lí ấy. Trách nhiệm pháp lí gồm các loại: trách nhiệm pháp lí hình sự, trách nhiệm pháp lí dân sự, trách nhiệm pháp lí hành chính, trách nhiệm pháp lí kỉ luật.	54, 57, 58, 75, 76, 103
Truy cứu trách nhiệm hình sự	hoạt động của Nhà nước thông qua các cơ quan của mình để buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về việc thực hiện tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự. Truy cứu trách nhiệm hình sự được thực hiện trên cơ sở chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự.	82, 89
Quyết định hành chính	Văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quyền quản lí hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lí hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể.	80, 93, 97, 128
Tử hình	hình phạt tước bỏ quyền sống của người bị kết án.	86, 102
Xoá án tích	một người phạm tội sau khi đã chấp hành xong các hình phạt, quyết định khác của bản án mà Toà án đã tuyên, sau một khoảng thời gian luật định thì sẽ được xoá án tích. Sau khi được xoá án tích thì người phạm tội sẽ được coi là chưa phạm tội.	87
Xử phạt vi phạm hành chính	việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.	57, 82, 89 119, 126, 131

DANH SÁCH TRANH ẢNH SỬ DỤNG

Trang	Số thứ tự ảnh	Nguồn trích dẫn
27	1	Báo Người lao động
47	1	www.shutterstock.com
49	1	Báo Kinh tế và Đô thị

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: HOÀNG KIM LIÊN – NGUYỄN TẤT THẮNG
Biên tập tái bản: HOÀNG KIM LIÊN
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHAN THỊ THU HƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN THẾ PHI
Sửa bản in: VŨ THỊ THANH TÂM – HOÀNG KIM LIÊN
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11
Mã số: G1HHYY001h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/170-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-35085-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 11, tập một
2. Ngữ văn 11, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
4. Toán 11, tập một
5. Toán 11, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 11
7. Lịch sử 11
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
9. Địa lí 11
10. Chuyên đề học tập Địa lí 11
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 11
13. Vật lí 11
14. Chuyên đề học tập Vật lí 11
15. Hoá học 11
16. Chuyên đề học tập Hoá học 11
17. Sinh học 11
18. Chuyên đề học tập Sinh học 11
19. Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ cơ khí
21. Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 11 – Công nghệ chăn nuôi
23. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
26. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 11 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 11 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 11 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 11 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 11 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 11 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 11 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 11 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 11 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11
38. Âm nhạc 11
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11
41. Giáo dục thể chất 11 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 11 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 11 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 11 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11
46. Tiếng Anh 11 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35085-5

9 786040 350855

Giá: 18.600 đ